

# CỘI NGUỒN DÂN TỘC VIỆT NAM



Điện Thờ Quốc Tổ Hùng Vương

## DI HUẤN CỦA QUỐC TỔ

VỀ CHÍNH LƯỢC QUỐC GIA

( Xem Giải nghĩa trong CHƯƠNG BA )

子孫保之 肇基王迹 民生初辰 ( 辰?Nhìn chữ không rõ)

Tử Tôn bảo chi

Triệu cơ Vương tích

Dân sinh sơ thời

赫濯英靈

Hách trạc anh linh

Việt Nhân

# MỤC LỤC

## A.- CHƯƠNG MỘT

### Hai Giai đoạn lập thành Quốc gia

I.- **Huyền Sử:** Xây dựng Tinh thần Quốc gia

**Mẹ Tiên Âu Cơ: Non Nhân / Cha Rồng: Nước Trí,**

**Con Hùng Vương: Hùng / Dũng**

II.- **Lịch sử:** Xây dựng Cơ chế Quốc gia để Dựng Nước và Giữ Nước

## B.- CHƯƠNG HAI

### Di tích Quần thể Lịch sử Đền Hùng

I.- Hùng Vương Ngọc Phả

II.- Đền thờ **Huyền Tổ Phụ Lạc Long**

III- Đền thờ **Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ**

## C.- CHƯƠNG BA

I.- Ba Đền Hùng: **Thượng, Hạ, Trung và Đền Giếng**

II.- **Di huấn Quốc Tổ về Chính lược Quốc gia**

1.- **Nguồn gốc Dân tộc nơi Quốc Tổ**

2.- **Phú chi để cải tiến Dân sinh**

3.- **Giáo chi để nâng cao Dân Trí và Chấn hưng Dân khí**

4.- **Thực hiện và Bảo vệ Di huấn Quốc Tổ.**

## D.- CHƯƠNG BỐN

**Nạn “ Di Cờng lãng Nhược “ làm “ Lạc Hồn Dân tộc “**

**Phục quy kỳ Căn: Trờ về Nguồn cội để Tồn tại và Phát triển.**

## E.- CHƯƠNG KẾT

I.- **Dâng lời Cảm tạ**

II.- **Tập tục ghi nhớ Ôn Thượng Đế**

1.- **Tục Đốt Pháo Tết**

2.- **Tục cúng Ông Táo**

III.- **Lời Khấn cầu đầu Năm.**

## CHƯƠNG MỘT

### NGUỒN GỐC QUỐC GIA DÂN TỘC

#### HAI GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG QUỐC GIA

Theo Triết gia Kim Định cũng như một số nhân vật Văn hóa nổi tiếng Thế giới như Carl Jung, Mircea Eliade, Allace Cliff, Lauren Van Derpost, khi muốn xây dựng Nước, thì một Dân tộc phải trải qua hai giai đoạn:

**Giai đoạn Huyền sử** là Giai đoạn chuẩn bị Tinh thần Văn hóa, giai đoạn này rất dài và rất quan trọng.

**Giai đoạn Lịch sử** là giai đoạn đem Tinh thần Văn hoá vào cuộc sống hàng ngày mà mưu phúc lợi cho toàn dân.

**Giai đoạn Huyền sử** là Giai đoạn xây dựng Giá trị Tinh thần Dân tộc để quy tụ mọi con dân vào Giá trị tiêu chuẩn chung mà đoàn kết với nhau thành một khối duy nhất. Để cùng nhau chung lo việc nước. Giá trị tinh thần có khả năng đoàn kết toàn dân mới là Gốc vững bền của Dân tộc, một số nhà làm Chính trị không nhận ra điều nền tảng đơn giản này, mà cứ chạy quanh các hiện tượng Xã hội rối ren mà hô hào đa Đảng đa Nguyên, Đa Đảng mới chỉ là cái Ngọn, còn Đa Nguyên lại là con Rắn Dân tộc có nhiều đầu, nên Đa Nguyên chỉ kéo Quốc gia chạy vòng quanh mà không bao giờ đi tới Đích, chỉ có **Đa Đảng Nhất Nguyên** thì mới đoàn kết được toàn dân mà làm **chuyện lớn, nhất Nguyên đó chính là Tinh thần Dân tộc.**

Những nhân vật xây dựng nên Tinh thần Văn hoá Dân tộc gọi là **Nhân vật Huyền sử**. Một Tập hợp người không xây dựng nổi Huyền sử thì không thể lập thành một Dân tộc, vì chưa xác định được đi đâu, đi cùng những ai và với mục đích gì.

Muốn lập thành một Quốc gia vững mạnh thì phải xây dựng đầy đủ được hai Giai đoạn Huyền sử và Lịch sử.

**Giai đoạn Huyền sử** là Giai đoạn xây dựng Tinh thần Quốc gia Dân tộc. Những nhân vật xây dựng Tinh thần Dân tộc gọi là Nhân vật Huyền sử, Những Nhân vật này gọi là **Huyền Tổ**.

Việt Nam có hai Nhân vật Huyền sử: **Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ & Huyền Tổ Phụ Lạc Long**, hai Nhân vật này thăng hoa cuộc sống thành Tiên Rồng. **Tiên / Rồng** là cặp đôi cực Dịch lý của Việt Nam, **Dịch lý** luôn mang lại sự **Tiến bộ** trong tình trạng **Ổn định**.

**Tiên tượng trưng cho lòng Nhân ái hay Nhân, Rồng tượng trưng cho Lý Công chính hay Nghĩa. Khi Sống sao cho Nhân / Nghĩa lưỡng nhất thì đạt Hùng / Dũng. Hùng là sức mạnh Vật chất, Dũng là sức mạnh của Tinh thần. Khi toàn dân có Tinh thần Hùng Dũng thì mới có thể Đoàn kết để có đủ Nội lực hầu Dụng nước và Giữ nước. Đây là nền tảng Tinh thần của Dân tộc.**

Để đạt tinh thần Hùng Dũng thì mọi con dân phải **trau dồi Tư cách và Khả năng hàng ngày**, chứ không phải chỉ có bô bô điều Nhân Nghĩa mà không thực hành để sống Hòa với nhau thì phải nhờ đến CS, mọi người chỉ cần mưu mẹo vật dành dật nhau mà sống, nhà cầm quyền thì dùng luật rừng và phương cách Bịp bợm mà không chế mọi người tuân theo.

Mỗi người phải trả hai cái giá, hoặc **tự mình phải cai trị được Minh** để sống tử tế với mọi người hầu sống Hòa với nhau, hoặc **để người ta cai trị mình, mình phải theo mệnh lệnh của họ, họ hành xử với mình như súc vật**.

**Giai đoạn Lịch sử** . Nhân vật đầu tiên quy tụ được toàn dân theo Tinh thần Dân tộc giúp toàn Dân chung Lòng, chung Trí và góp Sức xây dựng nước được gọi là **Quốc Tổ** .

Vậy **Tinh thần** của:

Từng con Dân Việt Nam là : **Nhân, Trí , Bao dung** hay **Nhân / Nghĩa nhập thần** hay **Luỡng nhất**.

Còn **Tinh thần của Toàn Dân Việt** là **Tính / Nghĩa Đồng bào**.

**Quốc Tổ là Tổ xây dựng Lịch sử** . Công trình Dựng nước cho được vững bền và Hùng mạnh cũng phải trải qua thời gian dài, nước Việt Nam có đến **18 đời Hùng Vương** là vì thế.

**Quốc Tổ của Việt Nam là Hùng Vương** .

**Cả một quá trình lâu dài mới giúp Dân tộc Việt xây dựng được Cương thường : Nhân / Trí, Hùng / Dũng để Dựng nước và Giữ nước, Tinh thần của Dân tộc gộp lại là Tinh / Nghĩa Đồng bào**.

Từ khi “ theo Mới nói Cũ, bỏ tinh hoa của Tổ Tiên để theo Mác theo Mao, theo Văn hoá Duy lý một chiều và lãng mẫn của Tây phương , bỏ quên cuộc sống thực tế của toàn dân, nên mới bị Lạc Hồn Dân tộc, nhất là khi theo quỹ sớ Mác Mao thì Dân tộc càng rơi vào vòng thảm họa.

**Khi không nhận ra, đã là con Người thì phải có Tư cách và Khả năng, đã là một Dân tộc thì phải có Tình nghĩa Đồng bào. Một Dân tộc mà bỏ quên hai Bửu bối đó thì lẽ tất nhiên đã Lạc Hồn Dân tộc, con dân trong nước không còn nhận ra nhau là Đồng bào, vì đã mang trong lòng Dị khí nên tương thù, nên mới xảy ra cảnh Nồi Da Nấu Thịt.**

**Khi bỏ mất gốc Nhân bản thì sa vào vòng Vật bản, con người chỉ biết dơ nắm tay ra đấu đá, sát phạt nhau để dành miếng ăn. Các thành phần khác nhau chỉ chực chờ thành phần khác nói ra viết ra là tìm lý lẽ vụn vặt mà phản biện mà đấu đá nhau, lại thêm “ mạnh chống là mạnh chấp; Les deux extrêmes se rencontrent ”, chống một cách cực đoan thì trở nên cực đoan, mà cực đoan thì gây ra chia rẽ Nhân dân Việt Nam đang bị vây khốn trong nạn Vật bản này !!!**

*Khi con người thiếu Tư cách và khả năng, đánh mất bảo bối Tự chủ thì là dịp rước CS về làm Chủ Đòi mình Gia đình mình và Dân tộc mình, Khi đã bị CS xiềng gông vào Cổ thì phỏng chửi bới cay đắng có ích gì cho ai ???*

*Cái nguy hiểm của CSVN là Vật bản, là trục Vật, miễn là chiếm được Vật chất, CSVN không từ bất cứ phương tiện gian dối và tàn bạo nào, đến nỗi toàn dùng chiêu bài Nhân Nghĩa, Tình Nghĩa Đồng bào để tiêu diệt Dân tộc Việt Nam giùm cho Tàu cộng, chỉ vì vừa lưu manh vừa háms vật nên bị mắc bẫy Hận thù giai cấp để làm Thái Thú của Tàu, cam tâm làm nô lệ cho kẻ thù truyền kiếp của Việt Nam! CS là con đẻ của chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, CSVN là quái thai của thế kỷ 20, 21.*

*Cứ nhìn lại mà xem, có phải vì Quên Gốc Dân tộc mà CSVN đã đem thân làm nô lệ kẻ Thù để tiêu diệt Dân tộc mình trong đó có cả chính Cha ông Tổ Tiên mình.*

*Mất Gốc là mất đời sống Tự chủ, thì đương nhiên là làm Nô lệ, thảm thương nhất là làm Nô bộc cho kẻ thù truyền kiếp Dân tộc. Khốn nạn nhất là làm Nô lệ cho chính sách Tham tàn và Cương bạo của phường đạo tặc quốc tế để đốt rụi Cơ đồ ngàn năm của Tổ Tiên như đốt lông!*

*Thử nhìn lại xem cái Gốc của Việt Nam đã được Tổ tiên ngàn đời xây dựng như thế nào? Cứ xem những Di chỉ Văn hóa nơi “ Sơn Cao Thủy tú “ của Tổ tiên nơi Quần thể Đền Hùng để nhận ra cái Công lao, cái Tâm hồn Thanh cao, cái Viễn kiến của các Ngài như thế nào”.*

*Trải qua hàng ngàn Thế kỷ mà Dân tộc chúng ta chỉ kết tinh có được 8 chữ:*

**NHÂN NGHĨA NHẬP THẦN ( LƯỜNG NHÁT )**

**&**

**TÌNH / NGHĨA ĐỒNG BÀO**

*Đối với Vật chất thì càng Nhiều, càng To càng Tốt, nhưng đối với Tinh thần thì càng Ít càng Nhỏ lại càng hay, nhỏ đến số KHÔNG, mới Diệu dụng như Chân không diệu hữu, đây là công trình vĩ đại nhất, xin chớ xem khinh.*

*Ngược lại công trình xây dựng cho được Di tích Quần thể Đền Hùng lại không phải Nhỏ. Vật chất To / Tinh thần Nhỏ đúng là cặp Đối cực của Dịch Lý hay Thiên lý.*

*Không có Lòng rộng, thì không bao dung nỗi nhau, không có Trí sâu thì không thể nhận ra Lý Công chính để làm nên đại sự.*

*Những giá trị Tinh thần này đã được thử thách suốt dòng Lịch sử với nòi Du mục Hoa Hán trái dài 4716 năm ( Hồng Bàng < 4898 năm >, Hiên Viên Hoàng < 4716 > năm ), một kẻ thù khổng lồ đại gian đại ác, luôn âm mưu tiêu diệt Dân tộc Việt Nam mà không làm nổi.*

Nay là lúc chúng ta cần đến **Tinh thần Giềng mối này của Dân tộc** mới có thể ngồi lại với nhau để lo việc chung, chứ cứ mãi mê tự cao tự đại làm anh hùng cô độc, mỗi người một phương thì phòng sống được với ai?

Xin xem những hình ảnh của các Đền đài nơi “ **Sơn thanh Thủy tú** “ , “ **Địa linh Nhân Kiệt** “ của Tổ Tiên để nhận ra cái Lòng rộng và Trí sâu và cái Viễn kiến của các Ngài ra sao.

**Có Lòng rộng mới Bao dung được nhau, có Trí sâu thì mới có kiến thức Chu tri để khỏi phiền diện gây ra cãi cối cãi chày với nhau, làm xé nát Tinh / Nghĩa Đồng bào mà tan đàn xẻ nghé, Có biết sống theo Nhân Nghĩa mà Hoà với nhau thì mới làm việc chung được, chứ không phải dùng lối phân biệt vật để cấu xé nhau!**

CSVN trước đây thì dùng mọi mánh khéo bịp bợm vật để thực hiện việc cướp nước, nay mọi sự đã hiện ra như nhộ nôi, nên phải tuyển một đội ngũ hùng hậu để tuyên giáo với nhau hầu bề bờ đảng khỏi bị rã đám.

Con đối với thành phần không CS thì xin chúng ta đừng quên là một Dân tộc mà con Dân không có **Tinh thần Đồng bào** để quy hướng về một Công thể có **Tinh thần Liên đới Trách nhiệm** thì không bao giờ việc lớn được!

Việc nước là việc lớn, việc khó khăn, việc dài lâu, chứ không thể nhảy vọt được vì : “ **Dục tốc bất đạt** “ nhất là lãnh vực Văn hóa, từ lúc phải giúp cùng nhau hiểu cho rõ tinh hoa của Văn hóa, đến lúc thực hiện cho được phải trải qua thời gian dài, chứ không thể dùng như Mi ăn liền để kịp phóng đi trên tàu cao tốc. CS đã nhảy vọt và đã xuống hố cả mảng !

**Việc khó khăn bực nhất là con Người phải có Tư cách và Khả năng, và Dân tộc phải có Tinh Nghĩa Đồng bào, cứ nại có khó khăn dài lâu để Không vượt qua được hai Cửa Ái đó thì cứ yên tâm mà làm nô lệ CS.**

Cái cản trở lớn lao của Dân tộc chúng ta cái Nạn khôn vật như **Tham Dĩ bỏ mâm** và cái **Tệ Khôn Độc Đại Đàn** của khá đông, có **mổ xẻ cho sạch được cái ung nhọt đó** thì mới mong cùng nhau vươn lên vực dậy được .

Bây giờ một số người Việt Nam định cư ở các nước Tây phương thì phát triển cao độ trên mọi lãnh vực, còn một số người Việt Nam ra du lịch ngoại quốc như Nam Hàn, Đài Loan, Nhật Bản, Singapore thì lại ăn cắp vặt, được đi ở tù và được nêu ô danh Việt Nam trên toàn thế giới!

Tinh thần Liên đới trách nhiệm là vấn đề xem ra ít được chú ý tới, nhưng không nên xem thường vì tác hại lại rất lớn đến đại cuộc, thiết tưởng người Việt Nam nào cũng cần đặc biệt quan tâm đến việc **chăm dứt tình trạng : Nhiều sãi không ai đóng cửa Chùa** “.

Đến đây có lẽ có người có thể cho chúng tôi là nệ cổ, muốn khư khư ôm lấy những thứ đã lỗi thời, chúng tôi đã động tới những quan niệm xưa, nhưng danh từ xưa của Tổ Tiên cũng như các Biểu tượng xưa dùng để gợi cảm tinh thần Văn hóa, chúng tôi đã dùng những sáng kiến của

*Khoa học để giải mã nhưng vẫn để khúc mắt trong nền Văn hoá xưa của Tổ Tiên. Vấn đề là chúng tôi muốn tìm lại những gì là Tinh hoa của nền Văn hoá Dân tộc, đó là tinh thần đã giúp Dân tộc đánh bại tất cả những cuộc chiến lớn nhỏ của nòi Hoa Hán suốt dòng Lịch sử, và đồng thời dùng những kiến thức khoa học tân tiến để làm sáng rõ về Văn hoá xưa. Kiến thức của Tổ Tiên nặng về Tâm linh, còn kiến thức ngày này thuộc Lĩnh vực Khoa học, thực ra Tâm linh và Khoa học cũng không thoát ra ngoài vòng Tình Lý, nhưng Tình Lý phải tương tham hay Lưỡng nhất mới được diêu dụng.*

*Đó là cách chúng tôi ôn Cổ để tri Tân, với mục đích là tìm cách giúp ích cho con Người và Dân tộc ngay “ Nơi Đây “ và “ Bây giờ “ trước Quốc nạn và Quốc nhục.*

*Chúng tôi đem trưng ra đây một số Vấn đề mà ngày xưa Cụ Phan Chu Trinh đã đề cập tới, thiết tưởng những lời của Cụ vẫn còn là một bài học rất hợp thời cho chúng ta ngày nay.*

### **CỤ PHAN CHU TRINH**

“ Là nhà cách mạng yêu nước và **chủ trương “ Bất bạo Động”** Cụ đã vận động và cô súsy phong trào Duy Tân, mở trường dạy học, truyền bá quốc ngữ, mở mang công thương nghiệp, theo nếp sống văn minh Âu Tây, bỏ lối học từ chương, theo đường lối Dân chủ tiến bộ. Cụ trốn qua Nhật theo phong trào Đông Du, nhưng bất đồng Chính kiến với nhà cách mạng Phan Bội Châu, tuy thế hai cụ rất kính trọng nhau. Cụ về nước hoạt động và bị Pháp bắt, đày ra Côn đảo năm 1911.

Nói đến Cụ Phan Bội Châu là phải nhắc đến Cụ Phan Chu Trinh. Trong khi Cụ Phan Bội Châu bôn ba hải ngoại để vận động ngoại lực giúp nước, thì **Cụ Phan Chu lại ra sức lay tỉnh các sĩ tử ở nhà, các Sĩ phu còn ở trong vòng ngủ mê** . Trong kỳ thi Hội ở Huế, Cụ Phan Chu đã làm bài “ Văn tế sống “ để cảnh giác sĩ tử:

#### **a.- Cảnh giác Sĩ tử**

“ **May mà dặng cử nhân, tiến sĩ, lãng xăng như châu nọ gặp đèn. Mang những đồ áo rộng, khăn dài, lóm nhóm như mèo kia bị ướt. Đại đến nổi cúng đất tống ôn, trồng nêu đốt giấy, sự đã đại mà cứ theo hoài.** Quen những điều coi giờ nhăm địa, đoán số cúng sao, thói phi lý mà bỏ đi không dứt. Đất công thổ bao canh bao tá, trút vào bị cho đầy thịt tế thần, phần biểu phần chia , xách mà ăn lấy được. **Lẽ thì thương mới phải, anh em ta mà xừ sở cũng ta. Sao đành hại lẫn nhau, ở đất nước lại soi bao mạch nước . . .”**

#### **b.- Cảnh giác tham quan ô lại**

Nhìn đến hàng quan lại thời đó, Cu thờ than:

“**Ôi ham muốn tự do, mưu toan độc lập, xấu hổ làm nô lệ cho người** , lấy cái đó mà ngờ cho dân tộc Âu châu là phải rồi; chứ như lấy cái đó mà ngờ cho dân An Nam , thì có khác gì ngờ cho người có bệnh tê bại lại leo tường đi ăn trộm . . .”

Cụ đi khắp nói diễn thuyết để thức tỉnh đồng bào:

“ Dân không biết đoàn thể, không trọng công ích là bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc ham quyền tước, ham bả vinh hoa của các triều vua mà sinh ra giả dối nịnh hót, chỉ biết có vua, mà chẳng biết có dân. Bọn ấy muốn giữ túi tham mãi mãi, địa vị của mình được vững mãi, bèn kiếm cách thiết pháp luật, Phá tan đoàn thể quốc dân. . . Dân khốn mà chi, dân ngu mà chi, dân lợi mà chi. Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý. . . “

#### **c.- Nhận diện Văn hoá bá đạo của Tàu**

Đối với các sĩ phu cam tâm làm nô lệ, Cụ nêu lên:

“ Ngày xưa ta nhắm mắt lại, một là văn minh Tàu, hai là văn minh Tàu, bị độc khoa cử làm mờ ám trí khôn. Ấy chúng ta nước ta có chân đạo đức thì nên nhân dịp này phá tan dây xích chuyên chế đã ràng buộc ta hơn ngàn năm và thâm nhập những tư tưởng tự do của Âu châu để làm phương thuốc cho nước ta vậy. “

#### **d.- Cách học văn hoá của Người ( Âu Tây )**

“ Có người hỏi luân lý ta mất thì ta đem luân lý của Âu châu ( 1 ) về ta dùng hẳn có được không ? Tôi xin trả lời rằng : Không . Một nước luân lý cũ đã mất là nước không có cơ sở, nay bảo đem luân lý mới về thì đặt vào đâu ?

Vẫn biết phép cấy cây ( 2 ) của người Tây tài tình thật, nhưng nay đem một cây tươi tốt như cây luân lý ở các nước bên Âu châu kia mà chấp với một cây đã cằn cỗi như cây luân lý nước ta thì tưởng không tài nào sinh hoa tươi, quả tốt được. Muốn cho sự kết quả sau được tốt đẹp, tưởng trước khi chấp cây cũng nên bồi bổ cho hai bên có sức lực bằng nhau. Tôi diễn thuyết hôm nay là cốt ý mong anh em nên cứu chữa lấy cây luân lý cũ của ta, rồi sẽ đem chấp nối với cây luân lý của Âu Tây vậy .”

( Trích Phan Chu Trinh của Thế Uyên , trong Việt Đạo của Nguyễn Anh Tuấn )

#### **e.- Trực diện với chế độ bảo hộ Pháp**

Cụ trực diện với chế độ bảo hộ, nói lên những lời kháng khái: “ Nếu chính phủ Bảo hộ cứ cố lòng thi hành cái chính sách ngược đãi dân An Nam, muốn đem hai mươi triệu dân này mà giết cho chết đi, thì cứ đem tôi ra mà trị vào cái tội hủy báng cho thiệt nặng, để làm gương cho các thân sĩ trong nước khoá cổ ngậm miệng mà lánh cho xa, chứ bắt chước như tôi đường đột dám nói mà mắc tội.”

Vì những lời phản kháng đanh thép này, Cụ bị Pháp đày ra Côn đảo, Cụ thản nhiên mỉm cười:

Thôi, âu cũng là dịp cho quốc dân thấy rõ cái khổ tâm khổ trí, .. , cái án tù tội chính là bằng cấp của những người làm quốc sự, cái dấu kỷ niệm với quốc dân mà ! “



( 1 ) *Luân lý Cự Phan đề cập tới cũng là Văn hoá, Văn minh )*

( 2 ) *Cấp cây : Tháp cây*

***Hy vọng những ý tưởng đầy Tâm huyết trên của Cự Phan tuy đã lâu, nhưng đến nay vẫn còn giúp chúng ta phương cách suy tư và hành động thích hợp để vươn lên vực dậy!***

## CHƯƠNG HAI

### GIẢI ĐOẠN HUYỀN SỬ VIỆT NAM

#### XÂY DỰNG TINH THẦN DÂN TỘC QUA NHÂN VẬT VĂN HÓA:

#### HUYỀN TỔ PHỤ LẠC LONG & HUYỀN TỔ MẪU ÂU CƠ

**Huyền thoại của Việt Nam không là Thần thoại mà là Nhân thoại.**

**Nhân vật đầu tiên thuộc Nhân thoại là Huyền Tổ**

**( Primordial Ancestor )**

**Huyền Tổ là Tổ thuộc giai đoạn kết tinh Văn hoá**

#### HUYỀN THOẠI TIÊN RỒNG

*( Fairy / Dragon colloquial Mystery )*

*Huyền thoại Tiên Rồng được thai nghén từ nền Văn hóa Hoà Bình tại Thái Bình Dương, chúng ta nhận biết qua Thao thiết Văn quỳ Long.*



Thao thiết Văn quỳ long



Thao thiết biến ra Rồng

Thao thiết này có liên hệ đến Huyền thoại Tiên / Rồng ( 1 )

“ Tương truyền, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh ra một bọc trăm trứng, sau nở thành 100 người con trai. Đẻ gậy dựng giang sơn, 50 người con theo cha xuống biển, 49 người theo Mẹ lên núi, suy tôn người con cả làm vua, hiệu là Hùng Vương, đặt quốc hiệu là Văn Lang. Nơi vua ở là bộ Văn Lang, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mỹ Nương, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Tương truyền có 18 đời vua đều gọi là Hùng Vương. Lạc Long Quân được xem như Quốc Tổ của dân tộc Việt Nam và được người đời vô cùng sùng bái, tôn kính.

Ngày nay, đến Khu di tích lịch sử Đền Hùng, du khách sẽ được thăm viếng đền Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân và đền thờ Tổ Mẫu Âu Cơ trước, sau đó thắp hương tri ân công đức các Vua Hùng. Việc quy tụ các giá trị văn hóa tâm linh đầy ý nghĩa ấy trong cùng một khu vực càng thể hiện sâu sắc đạo hiếu “uống nước nhớ nguồn” của con dân đất Việt. “

#### KINH TIÊN RỒNG

*( Fairy/ Dragon Classics )*

“ Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một bà Tiên và một Ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái Bọc trăm Trứng nở ra trăm người Con.

Sau đó Ông Rồng nói với Bà Tiên: Ta là giống Rồng, Nàng thuộc nòi Tiên, không ở với nhau lâu dài được, nên Nàng đem 50 Con lên Núi, Ta đem 50 con Xuống Biển. Khi cần thì gọi Ta về ngay. Từ đó trăm giống Việt ngày một phát triển “

( Nam Thiên. Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21 )



Tiên Rồng “ phân cực “**đề Tiên lên Núi tu Nhân, Rồng xuống Biển luyện Trí**  
Khi Tiên Rồng sống theo Nhân /Trí với nhau thì đạt Hùng / Dũng  
**để sống Hoà với nhau mà lập Tổ ấm Gia đình.**

**Tiên Rồng** chỉ là **Biểu tượng Vi Nhân**, là nền tảng của **Dịch Lý Việt Nam**  
Tiên / Rồng **phân cực** từ Thái cực ( bipolar ) để **phát triển Nhân cách riêng biệt**  
**Tiên** bay **lên Non cao** để **Quy tư** mà un đúc **Lòng Nhân ái**  
**Rồng** lăn lộn **xuống Biển sâu** để **Suy tư** mà rèn **Trí ( Lý Công chính )**  
Tiên / Rồng lại **gặp nhau trên cánh Đòng Tương**  
để **Quy tư / Suy tư lưỡng nhất** hầu Tương hoà, tương hợp với nhau  
giúp **Nhân / Trí lưỡng nhất** hay **Nhập Thần** trở nên **Hùng / Dũng**,  
( *Đừng có làm là Tiên Rồng ly dị* )

*Từ quan niệm con Người là **Quý / Thần chi hội**, vì nhận ra khi được sinh ra ai ai cũng bắt toàn .Mạnh Tử cho rằng: **Nhân chi sơ tính bản Thiện**, còn **Tuân tử lại bảo: Nhân chi sơ Tính bản Ác.***

*Do đó mà mọi người phải **Vi nhân** để hoàn thiện mình. **Mẹ / Cha phải phân cực** để trau dồi **Nhân phẩm riêng biệt** và **sống theo Tình Lý tương tham** để lập **Tổ Ấm Gia đình.***

*Sự **Mẹ / Cha phân cực** để **Mẹ Tu Nhân, Cha Luyện Trí** để trau dồi Nhân phẩm, chứ không là lý di như nhiều người lầm tưởng. Sự làm lầm này đã làm sa đoạ **Tình / Nghĩa Đòng bào** của **Tổ Tiên.***

### **1.- Nền tảng của Tinh thần Việt**

*Ta có thể tóm tắt **Tinh thần lập Quốc** của Dân tộc Việt Nam vào mấy câu thuộc **Huyền thoại** như sau:*

“ **Giống dân Việt khởi nguồn từ khi một Bà Tiên và một Ông Rồng phối hiệp nhau và bà Tiên sinh ra cái bọc 100 trứng nở ra 100 người Con. Sau đó ông Rồng nói với bà Tiên: Ta là giống Rồng, nàng thuộc dòng Tiên, “ do Âm / Dương xung khắc, Thủy / Hỏa bất đồng “,**

không ở với nhau lâu dài được, nên nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi cần thì gọi, ta về ngay “và hẹn gặp nhau ở cánh đồng Tương “ Từ đó dòng giống Việt ngày một phát triển.”

( Nam Thiên : Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng, trang 21 )

( Chữ xiên do người Trích đem vào )

“ Tiên là hình ảnh của một nàng Tiên ở trên núi cao, xinh đẹp vô ngần, dịu hiền tuyệt đỉnh, khoan nhân vô lượng, từ ái vô song, siêu phàm thoát tục.

Rồng là loài sống ngoài biển khơi, khi thì tung mình lên trời cao làm mây mưa gió bão, khi thì ẩn sâu dưới đáy biển, ẩn nấp chờ thời cơ, nên Rồng tượng trưng cho sự hùng mạnh vô song, sự ẩn nấp khôn tả, sự biến hoá khôn lường “

**Con Rồng Cháu Tiên là nòi cao quý**

Tiên Rồng là nòi cao quý, con cháu phải ăn ở làm sao đừng để hoen ố dòng máu Hùng / Dũng của Tổ tiên. Đây là Danh dự chung.

Có “ ăn ở chí Tình ” và “ đối xử với nhau chí Công ”, thì đời sống cá nhân mới được cân bằng, gia đình được hoà thuận, và xã hội được an vui .

## 2.- Tinh hoa của Tinh thần Việt

“ Là Con Rồng thì không thể là con Người yếu hèn bạc nhược:

Yếu hèn là khi Nhân loại dơ quả đấm lên làm luật, lấy miếng ăn làm lẽ sống duy nhất, lấy đấu tranh đấm chém làm vinh quang của mình, nhưng những thứ này chuyên tạo ra bất công, gây khổ đau cho con Người và làm rối loạn xã hội.

Là Cháu Tiên thì phải nhân hậu cao cả:

Cao cả là khi biết lấy Đạo lý Nhân sinh làm luật, lấy Nhân ái làm cách xử thế, lấy Tinh thần Công chính làm trọng. và khi đó con đường Tâm linh trở nên một đường lối tối ưu quan trọng đi tới Lòng Nhân ái là Gốc của con Người ”

( Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây . . . . Kim Định )

Đây không phải là những lời mỹ duyet để tự tôn, mà để nhắc nhở mọi người về cái nguồn Gốc cao quý của Tổ Tiên, hầu nhắc nhở mọi người lưu tâm về Vấn đề Vi Nhân hầu “ **Dương thanh danh hiển Tiên Tổ**”, không để cho cháu con làm ô danh dòng máu Hùng Dũng của Tiên Rồng.

## CHÂM NGÔN VỀ TINH THẦN LẬP QUỐC

Mẹ Âu Cơ: Non Nhân & Cha Lạc Long: Nước Trí

**Con Hùng Vương: Hùng / Dũng**

**NHÂN / TRÍ HÙNG/ DŨNG**

*Mother Âu Cơ: Love / Father Lạc Long: Justice → Son Hùng vương: Brave / Courage.*

*( Love / Justice → Dual unit → Brave / Courage: Bao dung: Tolerance )*

**DI CHỈ VĂN HÓA : QUẢN THỂ DI TÍCH ĐỀN HÙNG**



**DI CHỈ CỦA NỀN TẢNG VĂN HÓA VIỆT**

**HUYỀN TỔ PHỤ LẠC LONG & HUYỀN TỔ MẪU ÂU CƠ**

( Primordial or Cultural Father **Lac Long** & Primordial or Cultural Mother **Au Co**)

“ Tương truyền, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh ra một bọc - 13 -han trứng, sau nở thành 100 người con trai. Để gây dựng giang sơn, 50 người con theo cha xuống biển, 49 người theo mẹ lên núi, suy tôn người con cả làm vua, hiệu là Hùng Vương, đặt quốc hiệu là Văn Lang. Nơi vua ở là

bộ Văn Lang, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là My Nương, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Tương truyền có 18 đời vua đều gọi là Hùng Vương. Lạc Long Quân được xem như Quốc Tổ của dân tộc Việt Nam và được người đời vô cùng - 14 -han bái, tôn kính.

Ngày nay, đến Khu di tích lịch sử Đền Hùng, du khách sẽ được thăm viếng đền Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân và đền thờ Tổ Mẫu Âu Cơ trước, sau đó thắp hương tri ân công đức các Vua Hùng. Việc quy tụ các giá trị văn hóa tâm linh đầy ý nghĩa ấy trong cùng một khu vực càng thể hiện sâu sắc đạo hiếu “uống nước nhớ nguồn” của con dân đất Việt.”

## QUẦN THỂ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG

Quần thể di tích lịch sử Đền Hùng gồm có 4 đền chính: **đền Hạ** và chùa, **đền Trung**, **đền Thượng**, **đền Giếng**. Từ cổng di tích bước vào, sau khi vượt qua những bậc đá để lên thăm và thắp hương tại các đền thờ, điem đến đầu tiên mà du khách ghé thăm là đền Hạ và kết thúc ở đền Thượng trên núi Nghĩa Lĩnh, nơi có lăng mộ vua Hùng Vương thứ 6.

**Đền Hạ** được xây dựng vào khoảng thế kỷ 17-18, thờ mẹ Âu Cơ. Tương truyền, tại nơi đây mẹ Âu Cơ đã sinh ra bọc - 14 -han trứng, nở ra - 14 -han người con. Sau đó, 50 người con theo cha xuống biển, đến vùng có nước non để quai đê lấn biển, mở mang bờ cõi. 50 người con còn lại theo mẹ lên vùng núi, trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa. Người con trưởng ở lại làm vua, **lập nên nước Văn Lang**.

**Đền Trung** còn có tên là **Hùng Vương Tổ miếu**, từng là nơi mà các vua Hùng và các lạc hầu, lạc tướng ngắm cảnh và bàn việc nước. Cũng chính tại nơi đây, vua Hùng đã trao ngôi báu cho hoàng tử Lang Liêu, người con đã tạo nên bánh chưng – bánh dày. Đền được xây dựng vào thời Lý –Trần, sau đó bị giặc Minh tàn phá nhưng đã được tu sửa lại.

**Đền Thượng** có tên là Kính Thiên Lĩnh Điện, nghĩa là **đền thờ Trời trên núi Nghĩa Lĩnh**. Đây là nơi mà các vua Hùng thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng cầu mong mưa thuận gió hòa, ban mùa màng tốt tươi cho nhân dân. Đền có kiến trúc kiểu chữ Vương, gồm 4 cấp: nhà chuông trống, đại bái, tiền tế, hậu cung.

Lăng Hùng Vương là nơi thờ vua Hùng Vương thứ 6, nằm ở phía đông của đền Hạ. Xưa kia lăng là mộ đất. Đến năm 1870, vua Tự Đức đã cho xây dựng lại mộ lăng và đến năm 1922 vua Khải Định cho tu sửa lại.

**Đền Giếng** được xây dựng vào thế kỷ 18. Tương truyền đây là nơi mà hai công chúa của vua Hùng Vương thứ 18 là Tiên Dung và Ngọc Hoa thường soi gương chải tóc. Hai nàng công chúa đã có công dạy nhân dân trồng lúa, trị thủy nên sau khi hai nàng mất, nhân dân đã lập đền thờ.

Ngoài 4 ngôi đền và lăng chính, khu di tích lịch sử Đền Hùng còn có nhiều di tích khác như **đền thờ Mẫu Âu Cơ** và **đền thờ Lạc Long Quân** ; Thiên Quang Thiên Tự được xây dựng từ thế kỷ 15, thờ Phật theo phái Đại Thừa (trong khuôn viên chùa có cây đa cổ thụ gần 800 năm tuổi);

cột đá thẻ nằm bên cạnh đền Thượng, do Thục Phán dựng lên khi được vua Hùng Vương thứ 18 truyền ngôi nhằm thẻ nguyên bảo vệ non sông đất nước và hương khói đền miếu họ Vương.



### Toàn cảnh Di tích Lịch sử Đền Hùng



Đường đi từ Hà Nội: Từ điểm A tới B rồi C



Quần thể Đền Hùng nhìn từ trên cao: Sơn Thủy hữu Tình



Đền Hùng nhìn từ cao độ





**Cổng vào khu Di tích Lịch sử Đền Hùng - Phú Thọ**



**HÙNG VƯƠNG NGỌC PHẢ**

(Bản Hồng Đức nguyên niên)

**BẢN DỊCH**

Mục lục

1. KINH DƯƠNG VƯƠNG 涇陽王
2. LẠC LONG QUÂN tức HÙNG HIỀN VƯƠNG 雄賢王
3. HÙNG QUỐC VƯƠNG 雄國王
4. HÙNG VIỆP VƯƠNG 雄曄王
5. HÙNG HY VƯƠNG 雄羲王
6. HÙNG HUY VƯƠNG 雄暉王
7. HÙNG CHIÊU VƯƠNG 雄昭王
8. HÙNG VĨ VƯƠNG 雄暉王
9. HÙNG ĐỊNH VƯƠNG 雄定王
10. HÙNG UY VƯƠNG 雄威王
11. HÙNG TRINH VƯƠNG 雄禎王
12. HÙNG VŨ VƯƠNG 雄武王
13. HÙNG VIỆT VƯƠNG 雄越王
14. HÙNG ANH VƯƠNG 雄英王
15. HÙNG TRIỀU VƯƠNG 雄朝王
16. HÙNG TẠO VƯƠNG 雄造王
17. HÙNG NGHỊ VƯƠNG 雄毅王
18. HÙNG TUYỀN VƯƠNG 雄璿王

**CỔ VIỆT HÙNG THỊ NHẤT THẬP BÁT THỂ THÁNH VƯƠNG NGỌC PHẢ CỔ  
TRUYỆN TÍCH XƯA LƯU LẠI CỦA BẢN NGỌC PHẢ CHÉP TRUYỆN TIỀN THÁI  
TỔ CAO HOÀNG ĐẾ CỦA THÁNH TỔ HÙNG VƯƠNG SƠN THÁNH**

[**ĐẾ MINH 帝明**] Cháu ba đời của vua **Viêm Đế** là Đế Minh sinh Đế Nghi rồi đi tuần du phương nam, đến núi Ngũ Lĩnh (giới hạn ở động Bạch Hồ tỉnh Vân Nam - xưa gọi là động Xích Quỷ, nguyên thuộc nước ta gọi là quận Giao Chỉ. Động Xích Quỷ sau gọi là nước Xích Quỷ, nay đổi là nước An Nam) thì gặp nàng Vụ Tiên thần nữ, sinh ra **Kinh Dương vương**.

[Đời thứ 1]

**KINH DƯƠNG VƯƠNG 涇陽王**

Vua thông minh thánh trí, vượt trội hơn tầm của Đế Nghi. Đế Minh muốn truyền ngôi báu để làm chính thống cho muôn nước. Nhưng Kinh Dương vương cố nhường cho anh. Thế là Đế Minh lập Đế Nghi nối ngôi, cai trị phương Bắc, phong cho **Kinh Dương vương quay mặt về phương Nam** mà cai trị thiên hạ [tức là làm vua phương Nam], gọi tên là nước **Xích Quỷ**. Kinh Dương vương kính tuân chỉ dụ của vua cha, đem quân lính theo núi Nam Miên mà đi về phía nam. Trên đường ngắm xem phong thủy, chọn nơi hình thế thắng địa để đóng đô ấp [tức quốc đô]. Qua đất Hoan Châu (nay đổi là xứ Nghệ An. Nơi đó là các xã Nội Thiên Lộc, Tả Thiên Lộc, Tỉnh Thạch thuộc huyện Thiên Lộc phủ Đức Quang) vua chọn được một vùng phong cảnh tươi đẹp, [núi non] muôn nghìn lâu đài, gọi là núi Hùng Bảo Thửu Lĩnh, tất cả có 199 ngọn. (Xưa gọi là Cự Đô, nay gọi là **Ngàn Hồng**).

Vùng này giáp biển ở cửa Hội Thốn, đường núi quanh co, đường sông uốn khúc, địa thế rồng cuộn hổ ngồi, bốn hướng cùng trông, bèn xây dựng đô thành để định nơi cho bốn phương triều cống. Bấy giờ khí xuân ấm áp, vô vàn cảnh sắc. Vua Kinh Dương bản tính thích phong thủy bèn lên thuyền ngự tuần du hải ngoại. Vua trải xem địa đồ, bất giác thấy thuyền rồng đã thẳng đến hồ **Động Đình**. Vua sai dừng thuyền, đứng xem cảnh trời nước. Vua chợt thấy một thiếu nữ lưng eo dung nhan tuyệt sắc từ dưới nước đi lên. Vua cho là cuộc hội ngộ hiếm có xưa nay, bèn sai quân chèo thuyền đến gần. Vua nói:

- Tiên nữ đẹp quá, từ đâu đến đây?

Thiếu nữ đáp:

- **Thiếp tên là Thần Long, là con gái vua Động Đình**. Thiếp ở trong thâm cung cửa ngọc, từ lâu đợi bậc anh hùng. Nay gặp thiên sứ, nguyện được hầu trầu khấn.

Kinh Dương vương vui mừng đẹp ý, bèn dắt tay thiếu nữ bước vào trong long thuyền. Vua cho quay thuyền trở về thành đô, lập Thần Long làm Cung vi chính khôn (Hậu cung Chính khôn) Ngày sau vua lại đi tuần thú, rong ruổi xa giá xem khắp các nơi sơn xuyên. Đến xứ Sơn Tây thấy một nơi địa hình đôi non chập chùng, sông đẹp núi lạ. Vua bèn tìm mạch đất, nhận được khí mạch từ trên núi Côn Lôn đi xuống, qua cửa Ải, lòng sông thoát mạch, rồng đi gần xa đến núi Tụ Long tiếp với châu Thu Vật xứ Tuyên Quang, biến ra toà Kim tinh cao muôn nghìn. Mạch đất chảy đến các làng Hạ Hoa, Thanh Ba, Sơn Vi, Tây Lan, Phù Ninh **phủ Lâm Thao**, rồi đến chùa Long Hoa thôn **Việt Trì** ở Ngã ba sông **Bạch Hạc** là dừng. Mạch này bên trái từ sông Lô Hà núi đi đến đâu sông theo đến đó, qua các huyện Đông Lan, Sơn Dương, Đương Đạo, Tam Dương đột khởi núi **Tam Đảo**, Tả cung Tiên làm thanh long. Trùng sơn vạn thủy, nổi lên các dãy núi ở Lập

Thạch, Bách Ngoã, Chu Diên, Thanh Tước, Ngọc Bội, Khai Quang. Phụ bên trái có các núi Châu Sơn, Sóc Sơn, Chung Sơn, Trà Sơn, Từ Sơn, Trạm Sơn, Tích Sơn, An Lão sơn thuộc xứ Kinh Bắc châu về, dẫn đến Hải Dương, Đông Triều, Hoa Phong, Yên Tử thoát ra đến biển, Đồ Sơn tám xã làm Long đầu châu án. Mạch bên phải từ Ba Thục, **Hán Giang, Nhị Hà, Lô Giang, Thao Giang**, núi chạy đến đâu sông theo đến đấy. **Đến Tuyên Quang, Hưng Hoá**, Thập Châu, Thanh Nguyên, Bạ Hà, Đà Hà đến huyện Bất Bạt đột khởi núi **Tản Viên**. Hữu cung tiên làm Bạch hổ, muôn nhánh quần sơn nổi lên ở Minh Nghĩa, Phúc Lộc, Thạch Thất, Yên Sơn, Tây Phương, Sài Sơn, Từ Trầm, hữu bật đến Chương Đức, Đại Yên, Hương Tích sơn thuộc xứ Sơn Nam. Bên phải là Na Sơn, Nam Công, Vũ Phượng sơn, Đới sơn, Diệp sơn, Nghi Dương sơn, châu phục vào trong, chảy thoát đến núi **cửa biển Thần Phù** ở núi Chính Đại thuộc **Ái Châu**, thoát đến Chích Trợ sơn, cửa Trà Lý làm đầu hổ châu, lấy sông Bạch Hạc làm Nội minh đường, lấy Ngã Ba Lãnh ở sông Cả thuộc huyện Nam Xương làm Trung minh đường, núi Tượng Sơn ở Nam Hải làm Ngoại minh đường. Nghìn non nâng chủ, vạn thủy châu nguồn, đều hướng về ngọn **tổ sơn Nghĩa Lĩnh**. Thu tận hình thế, vua nhận ra thế cục của đất này quý đẹp hơn **đô thành cũ ở Hoan Châu**, bèn **lập Chính điện ở núi Nghĩa Lĩnh** để thỉnh thoảng ngự giá đến nghỉ. Bên ngoài lại dựng **đô thành Phong Châu** (nay là **Cự đô thành ở thôn Việt Trì xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc**), đặt quốc hiệu là nước **Văn Lang** (**Đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến Động Đình hồ, nam tiếp nước Hồ Tôn** (nay là nước **Chiêm Thành**)). Rồi vua ngự giá về cự đô ở **Hoan Châu**. Việc dựng đô thành của vua, trước bắt đầu ở núi Thấu Lĩnh, sau lại dựng ở núi Nghĩa Lĩnh, nay lấy núi Nghĩa Lĩnh làm nơi đóng đô áp của nước **Việt Thường**. Bấy giờ vua đi tuần thú trở về cung điện ở núi Nghĩa Lĩnh vừa lúc cung phi **con gái vua Thần Long** có mang, rồng hiện điềm lành, khắp nhà rực ánh sáng đỏ, trong trướng hương thơm ngào ngạt toả ra. **Cung phi nghỉ trong trướng ngọc khoảng một tuần (10 ngày) thì sinh ra Lạc Long quân.**

**Lạc Long Quân** húy Sùng Lãm, ở ngôi 400 năm, thọ 420 tuổi, sinh một bọc trăm trứng, an lành nở ra 100 con trai. Vương định 100 họ (tính), đặt 100 tên, xưng 100 hiệu, làm 100 vị thần, mỗi vị chiếm cứ một khu, đều xưng là Thủy tổ của Bách Việt, rất mực linh thiêng. Vua cha là Long Quân hoá sinh bất diệt, trở về biển thành Tiên, là Động Đình đế quân.

Long quân bẩm sinh tư chất phi thường, tự có khí tượng đế vương, bèn được lập làm Hoàng thái tử. Bấy giờ có **con gái của Đế Lai tên là Âu Cơ** về sống ở quê mẹ tại động Lăng Sương huyện Thanh Nguyên châu Đà Bắc (nay đổi làm sách Lăng Sương huyện Bất Bạt). Một hôm Âu Cơ đi

chơi ở châu Trường Sa, gặp khi vua đi tuần thú ở Đà Giang. Vua thấy Âu Cơ dung nhan xinh đẹp, rất vừa ý, bèn lấy làm vợ, lập làm Hoàng phi. Thề rời Kinh Dương vương sai Lạc Long quân ra ở tại đô thành núi Nghĩa Lĩnh tại Phong Châu thay vua cha làm việc nước. Kinh Dương vương ở ngôi **215 năm**, thọ 260 tuổi. Lạc Long nhiếp chính.

[Đời thứ 2]

### **LẠC LONG QUÂN** tức **HÙNG HIỀN VƯƠNG** 雄賢王

Long Quân lên nối ngôi, đổi hiệu là Hùng Hiền vương. Bấy giờ nàng Âu Lạc (tức Âu Cơ) có thai đã 3 năm 3 tháng 10 ngày, mây ngũ sắc sáng bùng đầu núi Ngũ Lĩnh. Giờ Ngọ ngày 25 tháng 12 năm Giáp Tí cái thai trong bụng Âu Cơ chuyển động, đến giờ Ngọ ngày 28 khắp nhà hương thơm toả nức, ánh sáng loé lên trong trướng, hoàng phi Âu Cơ sinh ra một bọc màu trắng như ngọc. Khi hoàng phi mới sinh, hương lạ thơm nức khắp núi Nghĩa Lĩnh và cả vùng đất tổ Phong Thử, Ngọc Lĩnh, Liên Trì (đầm sen).

Hiền vương thấy hoàng phi sinh tú bào hết sức dị thường, cổ kim thiên hạ chưa từng thấy.

Người trong nước lấy làm lạ. Vua bèn triệu hội bách quan văn võ triều thần đến châu ở chính điện. Giờ Ngọ hôm ấy ba tiếng ống lệnh rung trời chuyển đất vang lên giữa không trung trong thành nội, núi sông cây cỏ muôn vật đều phải kinh hoàng, mây lành ngũ sắc sáng bùng khắp ba ngàn thế giới. Muôn chim bay châu trên chính điện, dưới núi làn nước tung sóng cuộn dâng.

Trăm kinh nghệ muông thú, muôn vật cá tôm gọi gió mưa về châu cống. Vua thấy quốc gia có điềm lành kỳ lạ, bèn xuống chiếu cho bá quan văn võ sửa sang áo mũ trai giới tịnh khiết đến tề tựu ở điện Kính Thiên đèn hương phụng hầu châu lạy Hoàng thiên thượng đế, Tứ phủ vạn linh.

Ngày hôm ấy vào giờ Thân bỗng thấy một áng mây xanh từ phía Tây bay đến hội ở sân rồng điện Kính Thiên, rồi bốn vị thiên tướng hiện ra rất kỳ lạ. Các vị tướng ấy cao hơn nửa trượng, đầu đội mũ hoa, mình mặc cẩm bào xanh, lưng thắt đai ngọc, chân đi hài sắt, nói cười đều loé hào quang lưởi lửa. Rồi giữa các tầng mây hiện lên nhiều thiên quan thiên tướng. Ngọc Hoàng thượng đế xuống sắc:

Hiền chúa Nam Miên bọc rồng trăm trứng, nở ra trăm trai trị nước.

*( Trăm Trứng trăm Con là Biểu tượng của Việt Nho về Đồ - Thư hợp nhất . Lời giải của Việt Nhân )*

Nay sai Tứ đại Thiên vương phù giúp bảo hộ. Vậy ban sắc này.

Hiền vương sai truyền long bài truyền các quan văn võ ngược lên trời cao vái vọng, rồi lạy tạ

Thiên vương. Thiên vương nói: Bào ngọc trăm trứng, rồng lành giáng sinh.

Thiên sứ báo cho Hiền vương đặt chiếu sắc của Ngọc hoàng Thượng đế lên chiếc mâm vàng đem đến ngôi chùa cổ ở núi Viễn Sơn, chuyển cho Từ Sơn Thiên Quang hoà thượng ở ngọn Thửu Lĩnh (sau đổi là Thiên Quang thiền tự) lưu giữ ở trong chùa, chọn quan trai giới châu hầu, đèn hương không ngớt. Đến ngày bào trứng nở ra, Hiền vương theo lời dặn của Tứ đại thiên vương chờ đợi các trứng tự nhiên biến hoá. Hiền vương thành tâm làm lễ cầu đảo lớn.

Thế là vào giờ ngọ ngày rằm tháng giêng trăm trứng an lành nở ra trăm con trai. Khắp Long thành đầy mây ngũ sắc, ánh lành toả rạng khắp nơi, hương trời thơm ngát bay toả khắp chốn núi sông. Trong khoảng một tháng các chàng trai không cần bú mớm mà lớn bật lên như người trưởng thành, tướng mạo phương phi, dáng hình kỳ tú, thân cao ba thước bảy tấc, cái thể anh hùng.

Hiền vương triệu phi tần sáu cung đến phát các tấm gấm lĩnh để khâu may 100 bộ áo mũ cấp cho các chàng trai. Trong một ngày các cung nữ được ba lần cười vui, thường lấy hoa sen, lá sen trên hồ đem đến tặng cho các chàng trai. Được một trăm ngày, các chàng trai đã lớn, nhưng không biết nói, chỉ biết cười. Đúng trăm ngày, vào giờ Thìn ngày 20 tháng 7 cả trăm chàng trai đều cười vang, nói lớn:

**Trời sinh bậc thánh,**

**Trị nước sinh vua.**

**Thanh bình bốn biển,**

**Thiên hạ vững yên.**

Thế là một trăm hoàng tử đều đến trước sân rồng ở điện Kính Thiên. Bỗng thấy một áng mây ngũ sắc từ trên không bay sà xuống sân rồng. Hiền vương thấy 8 vị thiên tướng đầu đội mũ đồng, mình mặc áo bào giáp sắt, chân đi hia bạc, lưng thắt khăn rồng quá độ (quá độ long cân?), tướng mạo sang quý sáng láng, mắt sáng như sao, miệng nhả hào quang hoá khí, tay cầm thần kiếm linh trượng, chày ngọc búa sắt, dàn hàng đứng hai bên tả hữu chờ lệnh. Bỗng không trung biến hoá, nhất thời mưa gió nổi lên, mây mù vờn bay vây quanh chính điện trên núi Nghĩa Lĩnh. Trong khoảnh khắc núi non mất hình, sông suối tràn dâng, không ai lường được chuyện gì xảy ra. Sau khoảng ba giờ (nửa ngày) bầu trời lại tạnh sáng. Đó là 8 vị thiên tướng gọi là Bát bộ Kim Cương vâng sắc chỉ của Chư Phật ở Thượng thiên sai xuống hộ vệ 100 vị hoàng tử. Nay các hoàng tử đã trưởng thành đôn hậu minh mẫn, tám tướng phụng sai đưa các hoàng tử đến lạy mừng vua cha trị bình trong nước.

Tâu xong các các thiên tướng biến hoá bay về trời, ban cho Hiền vương một lệnh long bài, một

quả bảo ngọc thần ẩn, một hòn ngọc trắng, một thanh kiếm thần, một quyển Thiên thư (sách trời), một chiếc thước ngọc, một chiếc mâm vàng, tất cả đều đặt trong chính điện. Hiền vương vâng mệnh đón nhận, coi đó là điềm lành lớn trời ban để trị yên thiên hạ.

Hiền vương thấy 100 con trai bỗng nhiên đã trở nên cao lớn, thân cao bảy thước ba tấc, tay cầm thần khí thiên bảo, chia hàng đứng châu hai bên tả hữu. Các hoàng tử lạy mừng phụ hoàng. Hùng vương xuống chiếu truyền rằng: Trăm con trời sinh của ta thánh văn thần vũ, hùng tài đại lược, giúp nước yên bình, thiên hạ ngược trông, thi nhân hoá đức, cha con vua tôi cùng vui.

Hiền vương cho triệu bách quan đến lạy mừng rồi cùng triều hội để nghị bàn quốc sự, đổi hiệu thay tên. Trăm con trai trăm hiệu, vị thứ cao thấp trước sau. Trăm hoàng tử đều có tư chất hơn người, anh hùng bậc nhất xưa nay, thần tài thánh trí. Các quan triều đình lúc ấy cũng không ai dám phân biệt được trong các hoàng tử thì ai là người anh minh quyết đoán hơn, cho nên cũng

khó đặt các danh hiệu. Triều đình tâu rằng:

- Nước có Thánh vương, sinh các hiền tướng, đều là những bậc trong triều không ai sánh bằng, vậy nên chúng thần không ai dám bàn định danh hiệu các hoàng tử. Kính thỉnh Thánh phụ xét tài của các hoàng tử để định danh hiệu.

Hiền vương phán rằng:

- Chính sự lớn của triều đình phải có người anh tài nổi bật mới có thể đảm đương được. Trẫm vâng mệnh Trời gây dựng cơ đồ lớn lao, mở nước trị dân, theo mệnh trời sinh được trăm con trai.

Nay trẫm muốn phong truyền chức quan cho các con, Trẫm thành tâm lập đàn chay, mật khấn

Hoàng thiên cùng vạn linh ngự hội để đặt định danh hiệu trăm quan.

Bấy giờ vua lên đàn tràng khấn lễ cầu đảo lớn. Vua vừa cầu khấn xong, tự nhiên có cảm ứng, có

vị thần ở phương Tây tới. Bỗng thấy một ông già râu tóc bạc phơ đầu đội mũ Phật gấm lĩnh, mình mặc áo vải nhuộm nâu, chân đi hia, tay cầm gậy tre ra chơi chùa Hoa Long ở thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc. Ông già rửa chân bên sông rồi ngồi nghỉ trên tảng đá phẳng trên con sông gọi

là sông Nhị Hà. Hôm ấy có triều quan là Nguyên súy tiết chế tướng quân trấn thủ đô thành Phong Châu đang ngồi trên ngôi lầu bên sông. Quan Nguyên súy trông thấy ông Tiên đang xem phong thủy, cúi đầu nhìn xuống đáy sông, một chân ghé lên tảng đá hình lưng rùa (Đá lưng rùa ở thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc; chùa Hoa Long ở bên bờ sông. Nay dấu tích ông Tiên hãy còn).

Quan trấn thủ bèn mời cụ già đến hỏi chuyện. Quan đem hết chân tình quốc sự bộc bạch với cụ già, mở tiệc khoản đãi rồi mời ông về điện vua trên núi Nghĩa Lĩnh. Triều quan vào tâu vua. Vua

thân hành ra mời cụ già vào cung mở tiệc chúc mừng. Hiền vương hỏi:

- Tiên sinh từ đâu đến ngao du phong cảnh ở đây? Nay trong nước có chuyện lạ, nhờ Tiên ông chỉ giáo cho.

Tiên ông ha hả cười vang. Hiền vương vẫn đứng nói chuyện, hỏi Tiên ông:

- Trẫm có điềm lành sinh đợc trăm con trai trí tuệ thông minh thì tất cả đại khái cũng như nhau, cho nên khó đặt định danh hiệu vị thứ, cũng không biết ai anh ai em. Kính nhờ Tiên ông đặt tên, định thứ bậc giúp cho

Tiên Ông đáp:

- Ta sinh ở thời Hoàng Đế, theo học đạo Phật, ngao du nơi hải ngoại càn khôn. Trong ba ngàn thế giới ta thích đến nước Nam Miên ngắm xem phong thủy. Vua cho mời ta đến đây, ta có một quyển sách thần có thể bói xem mọi việc trong thiên hạ, gọi tên các vị Tiên. Huống chi quốc gia đã có thành tâm lập đàn cầu đảo, đã cầu tất ứng. Xin nhà vua thành tâm để lão vận trù một que hỏi xem tiền định thế nào? Tiên Ông bèn xem mặt các hoàng tử, phân định thứ bậc anh em. Đoạn Tiên ông lấy bút giấy ra đặt tên cho một trăm hoàng tử. Viết xong, Tiên ông đặt tờ giấy lên chiếc mâm vàng. Để phân định thứ bậc anh em, Hiền vương lại gọi 100 hoàng tử đến hội ở chính điện để nhận tên đã ghi trong sách. Mọi người đồng thanh cần phải có bậc huynh trưởng đứng đầu. Rồi mọi người lại chia xếp thành hai hàng đối nhau đợi lệnh. Một người đợc gọi tên đợc lập làm Vương trù thái tử (Thái tử nối ngôi vua), còn 99 người khác lần lượt đến trước mâm vàng nhận danh hiệu đợc ban. Từ đó thứ bậc anh em phân định rõ ràng, ai nấy đều vui. Xếp đặt mọi việc đã xong, Tiên ông tự nhiên biến hoá về trời. Hiền vương sai các quan thường xuyên đến chùa Từ Sơn Thiên Quang Hoà thượng cầu Phật ứng hộ. **Wang trù Thái tử tục danh là Hùng Lân sau đổi là Hùng quốc vương.** Các con thứ có tên là Xích Lang, Quỳnh Lang, Mật Lang, Thái Lang, Vĩ Lang, Huân Lang, Yển Lang, Tiêu Lang, Diệu Lang, Tĩnh Lang, Tập Lang, Ngô Lang, Cấp Lang, Tiểu Lang, Hộ Lang, Thục Lang, Khuyển Lang, Chiêm Lang, Vân Lang, Khương Lang, La Lang, Tuần Lang, Tán Lang, Quyển Lang, Đường Lang, Kiêu Lang, Dũ Lang, Ác Lang, Hãn Lang, Liệt Lang, Ưu Lang, Nhiêu Lang, Lý Lang, Thế Lang, Dạng lang, Tróc Lang, Sát Lang, Cốc Lang, Nhật Lang, Sái Lang, Chiêu Lang, Diêm Lang, Kiềm Lang, Trường lang, Thuận Lang, Tả Lang, Thai Lang, Triệu Lang, Ích Lang, gồm **50 trai theo lệnh Cha.** Hương lang, Thiêm Lang, Thận Lang, Văn Lang, Vũ Lang, Linh Lang, Tịnh Lang, Hắc Lang, Quản Lang, Cao Lang, Tể lang, Mã Lang, Chiếu Lang, Khang Lang, Chính Lang, Đào Lang, Nguyên Lang, Miên Lang, Xuyên Lang, Yêu Lang, Thiếp Lang, Bái Lang, Tài Lang, Trùng Lang, Triệu Lang, Cố Lang, Lưu Lang, Lộ Lang, Quế Lang, Diêm Lang, Huyền Lang, Nhĩ Lang,



Tào Lang, Nguyệt Lang, Sâm Lang, Lâm Lang, Triều Lang, Quán Lang, Canh Lang, Thái Lang, Lôi Lang, Thấu Lang, Việt Lang, Vệ Lang, Mãn Lang, Long Lang, Trình Lang, Tuấn Lang, Tông Lang, Thanh Lang, gồm **50 trai theo lệnh Mẹ**.

Từ đó các hoàng tử đều đã có tên gọi, trưởng thành phương trưởng, ngồi chính toạ ở triều đường, vị thứ xếp trên các quan. Hiền vương bèn phong hầu riêng cõi, chia nước làm 15 bộ:

Một là Sơn Tây, hai là Sơn Nam, ba là Hải Dương, bốn là Kinh Bắc, năm là Ái Châu, sau là Hoan Châu. bảy là Bồ Chanh, tám là Ô Châu, chín là Ai Lao, mười là Hưng Hoá, mười một là Tuyên Quang, mười hai là Cao Bình, mười ba là Lạng Sơn, mười bốn là Quảng Tây, mười lăm là Quảng Đông.

**Trước đó Long Quân nói với Âu Cơ rằng:**

- Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, giống loài không hợp nhau, chung sống với nhau thực cũng khó. Vì thế ta phải lìa nhau thôi. Chia 50 con theo cha về biển, làm Thủy tinh. Chia 50 con theo mẹ về núi, làm Sơn tinh, làm hiển rạng cho các vương tử, trấn ngự khắp các vùng núi biển, đều là với danh nghĩa thần thuộc. Vua bèn đặt quan văn gọi là Lạc hầu, đặt tướng võ gọi là Lạc tướng; các vương tử gọi là Quan Lang vương, các vương nữ (công chúa) gọi là Mị Nương. Các quan hữu ti gọi là Bò Chính.

Thời bấy giờ trên chính nhân luân, dưới hậu phong hoá, thi hành việc gì ai cũng được thích nghi. Vua vì thế được rũ áo khoanh tay, hoà mục trong chốn cửu trùng. Dân nhờ thế được đào giếng cấy ruộng, vui sống ở nơi thôn dã. Không một người dân nào bị xua đuổi không chốn sinh cư, không một vật nào không được yên bề nuôi dưỡng. Công thành trị định, đứng đầu so với các tiên vương, dẫu là phong hoá của thời thái cổ cũng không sánh kịp.

**Hùng Hiền vương** hưởng nước dài lâu, đời đời cha truyền con nối, đều gọi là Hùng Vương. Ngọc lụa xe thư, núi sông một mối. Đó là Thủy tổ của Bách Việt. Hiền vương ở ngôi **bốn trăm năm**, sau về biển, hoá sinh bắt diệt, làm Động Đình đế quân.

[Đời thứ 3]

### **HÙNG QUỐC VƯƠNG 雄國王**

Thái tử là Hùng Quốc vương đứng đầu trăm anh em tôn thừa nghiệp lớn, sau khi nối ngôi thi hành chính sự đức giáo, khuyến khích nông tang, khiến dân không lo nghèo thiếu, nước có tích lũy của dư. Hoàn vũ thanh bình, không ai gian xảo giả dối, phong tục hồn thuần chất phác. Xét xem xuyên suốt cho đến bấy giờ, vua là bậc nhiều công hưng trị, càng sáng hơn các tiên vương,

các đời đều tôn xưng là bậc hiền quân. Bấy giờ vua truy ơn các bậc thánh trước, bèn thực hiện việc chia đất phân cõi, lập các bộ sơn tinh thủy tinh, định làm trăm vương, đổi làm trăm họ, chia đất đầu núi góc biển, hùng cứ một phương. 50 trấn đầu núi đều gọi là Quan lang phiên thần phủ đạo; 50 trấn góc biển đều gọi là Thủy thượng linh thần, tiện cho việc bảo hộ sinh dân, khuông phù xã tắc. Hùng Quốc vương hưởng ngôi hơn **221 năm**, thọ 260 tuổi, sinh được con trai con gái 50 hoàng tử.

[Đời thứ 4]

### HÙNG VIỆP VƯƠNG 雄曄王

Thái tử Hùng Việp vương nối ngôi chính thống, nhớ công ơn sáng đẹp của tiên nhân để giáo hoá khích lệ sĩ phong. Lấy nhân nghĩa làm khuôn dân tục. Dựng xây tu sửa miếu đền, bách thần được thăng phong cấp bậc, hoá nhật thiên hạ sáng tung bừng. Không đất nào không có nhân tài, trong hoà khí xuân phong vắng nghe nhạc thiên uy, xuất hiện thái bình cảnh tượng. Ở đời có vàng sáng, thẳng thông với tiên nhân hưởng trị thế cùng về. Vua hưởng ngôi **300 năm**, bèn lập Thái tử là Hùng Hy vương để kế thừa quốc thống.

[Đời thứ 5]

### HÙNG HY VƯƠNG 雄義王

Hùng Hy vương lên ngôi, **năm vận lớn bốn đời**, nhảy bén hưng khởi trị bình, trong sửa văn đức thu phục nhân tâm, ngoài lập vũ công, chấn uy phong với nước lạ, khiến cho xã tắc yên bình, biên cương vô sự. Từ đó người xa bắc thẳng trèo núi mà đến, vượt biển mà sang, chẳng đâu không thần phục, chốn xa nơi vắng, thấy đều thấm nhuần mỹ hoá thuần phong, trị công lỗi lạc, so với tiền vương không thẹn, đủ làm một đấng vua hiền. Hùng Hy vương hưởng quốc lịch **200 năm**, bèn lập Thái tử là Hùng Huy vương kế thừa quốc chính.

[Đời thứ 6]

### HÙNG HUY VƯƠNG 雄暉王

Huy vương lên ngôi, noi theo quy chế của tiền vương, cũng có chí chăm việc nuôi dân. Nhưng kế thừa nền thái bình đã lâu, ngòi rãnh dễ tràn, cam chịu yến tiệc yên vui, không chịu khó nghĩ suy chính sự. Bấy giờ có Bà mo (vu nữ) tinh thông địa lý thông hiểu thiên văn, thường đem bí pháp thần cơ tâu vua, tự xưng là Tiên nhân, xin cho vào hầu trong cung để thưa đáp khi vua cần

hỏi đến. Ngày sau đình thần có vị quan tâu rằng:

- Bà mo ấy mù tịt về mo sử, xem ra chỉ là một mù đàn bà bình thường thôi! Chỉ giỏi bàn luận vu vơ, thực chẳng biết trời đất thiên địa. Sao vua lại cho mù ta hầu cận, bàn nói chuyện hoang đường? Bọn thần cho rằng bệ hạ đã bị mù ta làm mê hoặc.

Vua cho là phải, bèn sai bắt bà mo giam trong cung. Sau đó vua sai lập một đàn tế khác, cũng làm giả các voi trắng không ngà, voi đen ba chân, ngựa đỏ năm chân để cầu đảo với Thiên vương. Vua bảo đình thần:

- Trẫm dùng kế ấy để xem người bà mo có biết giả trá hay không?

Hoàng thiên tuy cao, nhưng nghe xong tỏ ý không bằng lòng, xem đến các đồ lễ thì hoàn toàn không linh ứng. Hoàng thiên bèn giáng tai ương để cảnh báo nhân quân không có đức.

Bấy giờ Hùng Huy vương mới nghiệm biết đạo trời báo ứng ngay trước mắt. Bấy giờ vua cho đưa bà mo đến bảo: "Người biết dò xét huyền cơ, nay trong ngục có triệu chẳng lành, người có thể bay lên trời tìm hỏi xem lý do thế nào?"

Bà mo bèn nằm thiếp trong khoảng ba canh rồi nói lảm nhảm như người đang chiêm bao. Bà ta nói mình đã đến trước cửa khuyết Thiên đình, tâu rằng: "Tôi vâng mệnh quốc vương lên tâu thiên đình: Nay trần thế đang có tai ương, chưa biết nguyên do nào gây nên như thế? Ngọc

Hoàng phán:

- Người mau trở về báo cho vua người biết: Lưới trời lỏng lẻo, thưa mà không thể lọt. Trần hoàn lóc lóc [1], có cầu có nguyện tất được tòng tâm.

Hùng Huy vương mù quáng kiêu căng, rộng cần làm lễ vật giả dối. Đó là do trời báo phạt, không chỉ giáng bấy nhiêu tai ương mà thôi. Ba năm sau [nếu không sửa chữa] tất sẽ có nạn giặc lớn!

Nghe phán xong, bà mo liền tỉnh lại. Bà mo tâu lại mọi chuyện với vua. Huy vương nghe nói cả kinh. vẫn cho bà mo ở lại trong cung để nghiệm xem lời nói của bà ta có nghiệm hay không. Huy vương lại sai triều quan dựng đàn ở Trung Đô, các lễ vật như voi ngựa vàng bạc đều dùng đồ vật thật ở trung cung. Khi lễ nghi đã đầy đủ, vua thân lên đàn đọc văn khấn tế:

- Ngu si lầm lỗi, đem vật ướm dâng lễ Hoàng thiên. Sự hãy nhân tiên, xét xem đủ thấy. Cúi xin Thượng đế chuyển hoạ làm lành, đội ơn vạn hạnh. Ngu si cúi ngược, cậy nhờ ơn đức Hồng quân!  
Vua khấn xong, bỗng thấy mây cuộn gió cuộn nổi lên, trời mung lung chuyển sắc. Khói hương trên đàn tế bay lên hoà sắc cùng mây lành đang toả xuống.

Hùng Huy vương thảng thốt kinh sợ, khấu đầu lạy tạ rồi lên xe về cung. Vua lại sai bà mo lên thiên đình xin Hoàng thiên tha tội để nước nhà được yên. Bà mo trở về tâu với Huy vương:

- Vua biết hồi lỗi, đã được Hoàng thiên xét soi. Tuy năm sau có giặc xâm lăng, nhưng trời cho nhân tài sinh ra để giúp nước, vua khỏi phải lo nghĩ nhiều!

Vua tin lời. Quả nhiên ba năm sau bỗng có tin từ biên cương đưa về cáo cấp: Tướng giặc Ân là Thạch Linh thần tướng khởi binh từ Bắc đạo tiến sang, giáo mác giáp trụ liên tiếp kín trời, tinh kỳ rợp đất, quả đúng như lời bà mo đã nói. Hùng Huy vương bèn cho đắp đàn tế, trai giới tịnh khiết rồi lên đàn thắp hương cầu khẩn. Các quan triều đến dự hội tế suốt trong ba ngày. Sau đó mưa to sấm gió nổi lên, bỗng thấy một cụ già thân cao hơn 9 thước, mày râu bạc phơ đang cười nói nhảy múa ở chỗ ngã ba đường, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, cho là bậc kỳ nhân. [Quan hầu] vào tâu vua, vua đích thân ra đón mời vào đàn tế, nói với kỳ nhân rằng:

- Nay quân Bắc sang xâm lăng, thắng thua chưa biết thế nào, xin lão ông cho chỉ giáo. Lão ông trầm ngâm hồi lâu, rút thẻ bói quẻ rồi đáp:

- Nếu tìm được người thì giặc này không đáng phải đánh dẹp!

Nói xong cụ già vút lên không bay đi. Vua thấy vậy biết đó là lời dạy của Lạc Long quân. Thế là vua sai người hầu đi tìm khắp nơi trong nước.

Sứ giả đến làng Phù Đổng quận Vũ Ninh (nay là huyện Tiên Du). Làng ấy có người nhà giàu tên là Ông Trường, ông 79 tuổi mà bà cũng đã 59 tuổi. Trước nhà có mảnh vườn trồng hoa. Sáng sớm ngày 6 tháng giêng năm Quý Hợi bà vào vườn hái hoa, thấy dấu chân người khổng lồ. Bà bèn gọi chồng cùng vào vườn xem, quả nhiên thấy có dấu chân của thần nhân. Ông chồng bảo bà vợ bước chân trái dẫm vào đó. Tự nhiên bà thấy cảm động trong người, rồi mang thai. Đến ngày 8 tháng Tư năm Giáp Tý bà sinh một con trai. Con được đúng một tuổi thì Ông Trường qua đời, chỉ còn mẹ già sáu mươi bú mớm nuôi con, lên ba tuổi đặt tên là Thiết Xung thần vương, ăn uống lớn phổng, nhưng không biết nói cười. Ngày hôm ấy cậu bé đang nằm trong võng, mẹ cậu nghe sứ giả đi rao khắp thiên hạ nói là tìm người có đại tài đi đánh giặc thì nói vui rằng: “Con ta chỉ biết ăn uống mà không biết đánh giặc để triều đình trọng thưởng quan tước mà trả ơn bú mớm cho mẹ”. Nghe mẹ nói thế, cậu bé bỗng bật ra lời nói:

- Xin mẹ gọi sứ giả vào đây!”

Khi sứ giả vào nhà, cậu bé nói:

- Ta là Thiết Xung thần tướng đây! Trời sinh ra ta để giúp nước, dẹp loạn cứu dân. Ngươi về triều thưa với vua cho ta một con ngựa sắt cao 10 thước, một cây vọt sắt dài 10 thước, một chiếc nón sắt rộng 3 thước, đưa mấy thứ ấy đến đây cho ta là vua không phải lo gì nữa!

Sứ giả trở về chính điện ở núi Nghĩa Lĩnh tâu vua đầy đủ mọi việc. Vua cả mừng, sai tìm đủ 50

trăm (=5.000) cân sắt để rèn thành ngựa sắt, vọt sắt, nón sắt. Đến giờ Mão ngày 7 tháng Giêng năm Bính Dần vua sai quan Tiết chế đem 10 vạn hùng binh đem ngựa sắt roi sắt nón sắt đến làng

Phù Đổng. Thiết Đổng nói:

Vua theo đúng hẹn,  
Vận nước lâu bền.  
Quân giặc phải tan,  
Một ngày giúp nước,  
Thiên cổ danh vang.

Rồi Thiết Đổng nói với mẹ và họ hàng thân thích rằng: “Tính con hay ăn, xin soạn cho các món trâu rượu, hoa quả”. Dân làng nghe thế nhà nhà đem trâu rượu đến. Chỉ trong chốc lát Thiết Đổng đã ăn xong bữa tiệc lớn để lên đường đi giúp nước cứu dân.

Ngày hôm ấy mặt trời vừa đúng chính Ngọ, Thiết Đổng cười vang một tiếng, đưa tay khịt mũi mười lần, tiếng vang như sấm, ánh mắt loé sáng như chớp rồi vươn mình cao hơn 18 thước. Vì chưa kịp may quần áo nên sai 10 vạn quân đi bẻ hoa lau đem về kết thành đồ mặc. Thiết Đổng

lạy tạ mẹ:

- Mẹ là Thánh mẫu, con là Thần vương. Một ngày lập công giúp nước, vạn năm hương lửa vô cùng!

Thiết Đổng nói xong nhảy lên ngựa, hét vang như sấm:

- Ta là Thiên tướng thần vương, vâng sắc chỉ xuống giúp nước! Rồi quát ngựa phóng như bay, chỉ phút chốc đã đến dưới chân núi Vũ Ninh huyện Yên Việt đại chiến với Thạch Linh thần tướng bên sườn núi Vũ Ninh. Quân nước Ân thua to tan chạy. Thạch Linh thần tướng bị bắt sống chém đầu. Bọn giặc còn lại chưa diệt hết, nhưng vọt sắt của Thiết Đổng thần vương đã bị rơi mất. Thần vương bèn nhổ lấy các bụi tre gai vung lên quét sạch các toán quân giặc! Khi đến núi Sóc xã Vệ Linh huyện Kim Hoa Thiết Đổng thần vương bèn cởi bỏ bộ áo hoa lau, phóng ngựa bay lên không rồi cưỡi lên các đám mây mà bay đi. Nay nơi ấy vẫn còn dấu chân ngựa in trên lên đá.

Nghĩ Thiết Đổng thần vương có đại huân lao giúp nước, nhưng chưa từng gặp mặt, không biết lấy gì báo đáp, Hùng Huy vương bèn truy tôn thần là Phù Đổng thiên vương, truy tôn bà mẹ làm Thánh mẫu, cho dựng đền thờ trên nền nhà cũ. (Nay ở xã Phù Đổng huyện Tiên Du và thôn Đồi Mã xã Vệ Linh huyện Kim Hoa có các đền miếu phụng thờ) Cấp cho làng Phù Đổng 100 khoảnh ruộng để đền hương phụng thờ.

Vua lại cho xây điện Cửu trùng tiêu (điện cao chín tầng) trên núi Nghĩa Lĩnh làm Kính Thiên linh điện để thờ thường cầu đảo, vâng lĩnh ý trời. Từ đó trong cõi thái bình, nước nhà vô sự. Nhà **Ân trải 27 đời** vua hơn 640 năm không dám đem quân sang đánh nước Nam. Hùng Huy vương hưởng nước **87 năm**, thọ 100 tuổi thì băng (Mộ táng ở trước núi, hướng Kiền Tốn).

[Đời thứ 7]

### HÙNG CHIÊU VƯƠNG 雄昭王

Thái tử là Chiêu vương nối ngôi kế thừa đại thống. Vua cố gắng chuyên tinh chính trị, sau khi được kế thừa thanh thế đánh giặc vang lừng của vua cha bèn cho cất cung khoá giáp, tỏ ý không dùng binh nữa, chỉ lo an dưỡng muôn dân, sửa sang giáo hoá. Rồi đó lấy chuyện trước làm răn, không dám làm càn dâng lễ ướm tạp khiến cho hoàng thiên giận giáng tai ương, giặc ngoài biên mấy lần xâm phạm, sáu đời thừa hưởng thái bình bỗng trở thành thời loạn.

Từ đó vua kính sùng thiên đạo, kính thờ quỷ thần, phàm các nơi trên núi dưới biển ở đâu có hiện ứng linh thiêng đều sai trăm quan văn võ đến xây cất miếu điện, hoạ vẽ thánh tượng, thành tâm phụng thờ. Vua bèn ngự điện Kính Thiên, cho xây cất Dao đài ngọc khuyết, tô vẽ cung tường, trang hoàng miếu vũ, bố trí nghi vệ nhất nhất trang nghiêm. Các đồ tế khí cũng đều cho vẽ rồng mây, ngày đêm đèn hương không ngắt. Hàng tháng cứ ngày sóc (mồng một) vọng (rằm) vua đều trai giới lên ngự điện coi châu. Bên cạnh điện từ xưa có một ngôi chùa nguyên là nơi khi xưa Thượng thánh thường đến tu luyện thân tâm, chế thuốc linh đan hiệu dụng nhiệm màu, nhờ đó đắc pháp thành Tiên, hoá sinh bất diệt, giữa thanh thiên bạch nhật bay lên trời, về sau phát tích tại chùa này. Chùa được Thần Tiên bộ chúng giáng thế dựng phù, núi sông chung đúc linh thiêng lạ đẹp, trời trăng tinh tú, Tứ đại Thiên vương, Bát bộ Kim cương, Nhị thập bát tú cùng bách thần tụ hội để theo hầu hộ vệ. Sơn tinh Thủy tinh, sông ngòi biên núi, trăm thú đến châu, tất cả đều quy về một mối, xưa gọi là Từ Sơn cảnh Thừa Long tự (nay đổi là Thiên Quang thiên tự). Nay Hùng Chiêu vương cũng đến ngự ở chùa ấy, truyền cho bách quan tả hữu tu sửa trong chùa, cả bốn vách chùa đều cho vẽ các ảnh tượng màu sắc huy hoàng, xung quanh chùa trồng cây trồng hoa làm phong cảnh. Nền móng đã thành, bèn truyền hịch cho các châu huyện nơi nào có tăng ni, đạo sĩ đến hội đồng làm lễ thì được cấp phát áo mũ, tụ hội đạo chúng để thuyết pháp giảng giải chân kinh, khai mở nguồn đạo. Đạo chúng dâng cúng hương hoa, bốn mùa thơm phức.

Hùng Chiêu vương lại sai quân thân mồng một và ngày rằm dâng lễ chay (trai lễ), hai ban văn võ đứng châu nghiêm trang, vua kính cẩn đọc sớ dâng quả. Tháp cửu tiêu tuy cao, nhưng đèn hương

để thấu áng mây lành; một tấm thành tâm cảm cách thông đến thiên địa. Cầu tất ứng, ước nguyện đều được tòng tâm. Bỗng thấy một lão ông mình vàng mặt ngọc cười mây bay xuống. Vua lạy chào rồi mời lão ông vào trong điện chùa. Lão ông nói:

- Ta là thần miền Tây vực, cư trú lâu ngày ở Biển Giác, chu du trên thuyền Bát nhã (Trí tuệ), không nhiễm lòng trần. Nay ta đang đi phơi thuốc ở đường đến Niết Bàn, thấy nơi đây dân chúng lòng thành cảm cách, râm ran tiếng cầu kinh xướng kệ, cho nên ta cảm ứng mà đến đây. Vua mừng thầm: “Nhân tâm thành ý, thiên ý tất thông”

Trong chốc lát, cụ già lấy trong ống tay áo ra một chiếc móng rồng (long trảo) bằng ngọc đem trao cho vương. Liền đó một đám mây ngũ sắc hiện ra sáng loá cả núi rừng. Lão ông bước lên đám mây ấy mà bay lên trời.

Bấy giờ Hùng Chiêu vương mới biết đó là đức Phật bèn sụp quỳ lạy tạ. Ngày hôm ấy vua truyền cho bách quan triều thần ăn ở chay tịnh rồi lập đàn cúng ở chùa, cung thỉnh bách thần đến hội ở núi Thượng Linh. Lời chúc văn viết rằng:” Ngày hôm nay Chiêu vương tôi may mắn được gặp một vị lão ông tặng cho một cặp kỳ vật, không biết nên đem làm gì cho được quý báu? Chư vị thần linh nếu hay biết nguyện xin chỉ giáo cho”.

Chiêu vương vừa khấn xong bỗng thấy trên không rực sáng, rồi một đám mây lành sà xuống, Tứ đại thiên vương hiện lên giữa đàn. Thiên vương mình cao bảy thước, mày râu bạc trắng, đầu đội mũ hoa màu sắc rực rỡ. Chiêu vương lạy chào rồi mời thiên vương vào trong điện. Chiêu vương sửa sang áo mũ lạy chào. Thiên vương nói:

- Hai vật quý Lão ông đem tặng là của Hoàng Thiên thượng đế, vua hãy dùng vật ấy để chế ra một cái chuỗi kiếm và một quả ấn phù, cần phải mài dũa cho thật sáng để làm vật quốc bảo. Nói xong Thiên vương lại bước lên mây mà đi.

Hùng Chiêu vương hướng về phía đầu núi mà vái vọng. Cũng nhân việc này vua cho đắp thánh tượng đặt ở trong chùa để phụng thờ. Rồi đó Chiêu vương ngự giá về cung, sai đem khối ngọc khắc thành quả bảo ấn, đem chiếc móng rồng bằng ngọc tạc thành cái chuỗi kiếm. Trên mặt ấn khắc 3 chữ “Thiên Linh ấn”, trên chuỗi gươm cũng khắc 3 chữ “Thiên Lĩnh nhẫn” (nhẫn cũng là kiếm).

Từ đó xã tắc vô lo, triều đình yên tĩnh. Vua nghiệm ra một điều rằng lẽ trời rất mực huyền vi, đối với đạo trời vua dốc lòng ngày một thêm sùng chuộng. Một ngày kia tiết trời tạnh sáng, muôn cảnh đều tươi mới, quần hồng áo tía đầy thành, người và cảnh vật dịu yên trong ánh thiêu quang.

Quần thần dâng lời tâu:

- Chúng thần nghe nói núi Tam Đảo là nơi quần Tiên thường hay đến hội. Vua vốn trọng việc quý thần, nên một phen đến đó ngoạn thưởng.

Vua bèn truyền cho xa giá đi ngắm xem phong cảnh. Xe loan đến nơi, Chiêu vương mừng thấy đồi vóc núi gấm, lầu đài lớp lớp toả sáng ngàn tầm; suối biếc khe xanh lặng tung bọt sóng. Cảnh vật tranh sắc, hoa cỏ đua thơm. Đầu ngọn núi nhỏ có ngôi chùa cổ tên là chùa Tây Thiên dựng trên khoảnh núi địa thế như con rồng trắng bay sà xuống. Vua bèn cho dựng đàn tràng, sửa dọn lễ chay, sai quần thần dâng tiến đứng chầu. Vua làm lễ bái yết, mở một tràng công đức ở trong chùa, vua thân đến dâng lễ, sớm cầu tối nguyện trong bảy ngày bảy đêm, trai gái bốn phương kéo về dự hội đông như mây họp. Mọi người cùng vui thăm xem cảnh vật. Dẫu chim chóc chốn sơn lâm cũng được nghe kinh, tuy cá tôm dưới khe suối cũng vui nghe giảng kệ. Công đức viên thành, vương lại đến bên khe Thạch Bàn để xem tiên cảnh. Bỗng thấy trên lầu điện nguy nga khói sương lấp lánh, bốn phía quần hội rồng mây, mông lung lầu đài đất Phật hiện lên. Một bầu núi non, đúng là cảnh Bồng Lai thú vị. Vua bèn vào chùa Phù Nghi, đứng xem Tiên Đàn, khẩn nhảm lời cầu nguyện Hoàng Thiên thượng đế. Rồi vua truyền gọi triều thần văn võ đến hội chầu.

Khi mọi người đã sửa sang áo mũ nghiêm trang, vua đọc văn khẩn chúc: “Cúi nguyện Hoàng thiên cho các vị thần tiên giáng xuống cho Chiêu vương tôi cùng triều thần có dịp hạnh ngộ, thoải lòng mong ước ba sinh”.

Đọc chúc xong vua sụp xuống lạy tạ. Nhưng sau ba ngày vẫn không thấy bóng dáng của các vị Tiên. Hùng Chiêu vương hồi hộp lo lắng, nhưng không biết phải làm thế nào? Vua bèn đến chỗ núi Long Đầu hướng về Tiên Đàn mật khẩn. Đêm ấy vua chiêm bao thấy một vị thần linh hiện lên bảo rằng:

“Tây đại sơn nhân thượng”

Bất kiên tâm hạ tướng,

Hội đông túc danh nhân,

Doãn cư thượng khẩu vọng.

Chiêu vương nhận được bài thơ thần bốn câu đó xong liền xa giá về cung. Về đến dưới núi thấy một mỹ nhân phong tư xinh đẹp, cốt cách thanh cao đang đứng bên điện Cẩm Miếu xem xa giá nhà vua. Vương thích nhan sắc cô gái ấy, bèn lấy làm vợ. Đến khi về cung, Chiêu vương hỏi:

“Nhà nàng ở đâu?” Cô gái đáp:

- Thiếp là tiên nhân giáng sinh xuống trần ở Đông Lộ làm con của Ông Trưởng. Thiếp đã mấy mùa hoa vịnh sử ngâm kinh, che châu giấu ngọc để đợi bậc anh hùng. Gần đây trộm nghe bệ hạ



làm kinh động đến cả Tây Thiên, dựng đàn tràng muốn cầu Tiên tử. Thiếp vì thế dẫu chẳng phải xa xôi cũng đến xem, may duyên trời tiền định cho thiếp được gặp quân vương, xin nguyện phụng hầu nơi màn trướng không phụ nguyện ước ba sinh.

Chiêu vương nghe lời kể của mỹ nhân, biết hoàng thiên sai đưa tiên nữ đến cho mình. Thế là Chiêu vương sai quần thần sắm sửa sính lễ, rồi ngự xa giá đến nhà Trưởng Ông ở Đông Lộ xin nạp sính lễ. Rồi đó vương lên xe trở về kinh đô Phong Châu lập tiên nương làm vương phi chính nhất. Chưa đầy năm vương phi mang thai, rồi sinh một trai tư chất bẩm sinh thông minh, anh tài trác việt, đến tuổi trưởng thành được vua cha lập làm Thái tử nối quốc thống, hiệu là Hùng Vĩ vương. Về sau, Chiêu vương cùng hoàng phi nhờ có tiên thuật hưởng nước được **200 năm**, tuổi thọ sánh ngang tuế nguyệt Kiều Bành, hoá sinh bất diệt. [ ]

[Đời thứ 8]

### **HÙNG VĨ VƯƠNG 雄曄王**

Hùng Vĩ vương nối vị, kế thừa ngôi báu các đời tiên vương. Lúc mới nắm quyền, các việc chính sự thì thô kệ cũng khả quan. Vương thấy lấy ấn kiếm đưa cho quần thần xem mà bảo: “Trẫm có hai vật báu linh thiêng, lo gì không trị được thiên hạ?” Từ đó thần uy của Vĩ vương càng chấn động, thanh thế lên cao, những kẻ gian phu trong bốn phương thấy đều vỡ mặt run tim. Trong nước thái hoà, biên cương vô sự, thiên hạ ngợi khen là bậc vua hiền. Hiền Vĩ vương hưởng nước được **100 năm** thì băng. Truyền đến:

[Đời thứ 9]

### **HÙNG ĐỊNH VƯƠNG 雄定王**

ở ngôi **80 năm**.

[Đời thứ 10]

### **HÙNG UY VƯƠNG 雄威王**

ở ngôi **90 năm**.

[Đời thứ 11]

### **HÙNG TRINH VƯƠNG 雄禎王**

ở ngôi **170 năm**.

[Đời thứ 12]

**HÙNG VŨ VƯƠNG 雄武王**

ở ngôi 96 năm.

[Đời thứ 13]

**HÙNG VIỆT VƯƠNG 雄越王**

ở ngôi 105 năm.

[Đời thứ 14]

**HÙNG ANH VƯƠNG 雄英王**

ở ngôi 99 năm.

[Đời thứ 15]

**HÙNG TRIỀU VƯƠNG 雄朝王**

ở ngôi 94 năm.

[Đời thứ 16]

**HÙNG TẠO VƯƠNG 雄造王**

ở ngôi 92 năm.

Trải qua 16 đời, đều xưng hiệu là Trị Bình Kiến Phu 治平建夫.

[Đời thứ 17]

**HÙNG NGHỊ VƯƠNG 雄毅王**

Thừa hưởng nhiều đời thiên hạ thái bình, vương sinh ra đam mê tửu sắc, ham thích du chơi, không lo sửa sang võ bị. Vua nước Thục từ xa nghe tin nước Nam không mấy khi dùng đến việc võ nên muốn thống nhất dư đồ, nhưng sợ nước Nam có cây kiếm thần nên còn do dự chưa quyết. Bấy giờ chúa Phụ đạo bộ Ai Lao là người có hùng tài đại lược, cũng vốn là tông phái của Hùng vương. Vua Thục biết thế bèn đem quân sang đánh bộ Ai Lao để đoạt chức chúa Phụ đạo. Bộ Ai Lao không kháng cự được bèn sai sứ giả sang cầu cứu với Hùng Nghị vương. Hùng Nghị vương thân đem 10 vạn tinh binh tiến thẳng đến dưới thành Ai Lao để cứu viện. Thục vương nghe tin

bèn biên thư gửi cho Hùng Nghị vương, nói: “Quân Thục từ phía tây đến chỉ muốn bắt bộ chủ [Ai Lao] để truyền cho ngôi báu, đâu dám giơ cày bọ ngựa mà chống với muôn cỗ xe của nhà vua?”

Nghị vương thấy lời lẽ trong thư như thế bèn rút quân về. Thục vương bèn bắt được bộ chủ [Ai Lao] đem về nước mình, gả công chúa rồi nhường ngôi cho [người chủ bộ cũ của bộ Ai Lao ấy].

Thục vương sai sứ giả sang tạ ơn Hùng Nghị vương, xin coi nước Nam là huynh, nước Tây (Thục) là đệ, cùng nhau giảng hoà định ước, hai nước quan hệ đi lại với nhau. Hùng Nghị vương bằng lòng như thế. Từ đó nước Tây (Thục) và nước Nam ta hưu binh. Hùng Nghị vương ở ngôi **160 năm**, lập Thái tử là Hùng Tuyên vương.

[Đời thứ 18]

### HÙNG TUYÊN VƯƠNG 雄璿王

Tuyên vương [ ] kế nối chính thống, gồm đủ thánh triết, tài lớn anh hùng, kế thừa cơ đồ lớn lao 17 đời tổ đấng tông bồi. Trong sửa võ bị, ngoài giữ biên cương, đốc chỉ hưng thịnh trị bình, giữ yên trong nước. Xa nơi nền trị của các bậc tiền vương, kính sùng thiên địa, kính thờ quỷ thần, trời ban phúc lành, mền giúp quốc sự. Vì thế vương càng gia tăng sùng chuộng, kính tín thần nhân, truyền hịch cho thần dân trong nước sửa thêm đền miếu, nghi vệ trang nghiêm, ngày ngày đều dâng hương hoa tỏ lòng thành kính phụng thờ. Châu huyện nào có quan cai quản thì mỗi tháng đôi lần viên quan ấy phải đến làm lễ mật khẩn bách thần cầu nguyện cho mệnh mạch quốc gia dài lâu. Vương đích thân lên núi Nghĩa Lĩnh xem tôn điện của các tổ tông cùng linh điện các danh tướng của lịch triều, thấy đều cho sửa sang tu bổ. Tăng thêm tầng cao của các dãy tường bao, lầu đài muôn trượng vươn cao như cột chống trời, ánh sáng bừng lên khắp bốn phía. Cuốn đất một bầu phong cảnh, dựng đàn yết lễ, truyền cho văn võ triều thần sửa sang áo mũ một màu làm lễ châu chính. Rồi đó vương và quần thần lên xa giá đi thăm các cung Tiên ở Tam Đảo, Tản Viên, xem khắp địa thế những nơi núi non lạ kỳ phong cảnh tươi đẹp, cho dựng các điện miếu, mật khẩn cầu phúc cầu con. Nhưng đến thời này lịch số cáo chung, cơ đồ họ Hùng đã đến hồi kết thúc.

Tuyên vương chiêm bao thấy điềm rắn lớn, sau sinh được con gái hai nàng, đều là những trang thực nữ phụ đức trinh hiền, phong tư tuấn nhã, so ra thì Tề Khương, Tống nữ chỉ là hạng tầm thường, cha vua mẹ tiên, lứa duyên thật xứng hợp. Nàng chị là My Châu Tiên Dung công chúa, nàng em là My nương Ngọc Hoa công chúa, được vua cha hết mức yêu quý. My Châu sau được

gả cho Chử Đồng Tử (ở xã Đa Hòa huyện Đông Yên phủ Khoái Châu xứ Sơn Nam). Còn My nương công chúa, phụ vương có ý kín muốn tìm kẻ tuấn kiệt anh hùng nên giai kỳ chưa định. Vua bèn cho dựng hai ngôi lầu ở đầu núi Việt Trì, treo biển đề tên là Đãi hiền lầu (lầu đợi hiền) [ ], cho công chúa thứ hai đến ở lầu ấy. Tiếp đó truyền hịch truyền cho văn nhân tài tử khắp bốn phương đất nước đến hội ở kinh thành để thi tài, ai trúng tuyển sẽ được vua gả công chúa. Thế là bốn phương hào kiệt đều hoan hỉ nhảy múa, lũ lượt đông như mây họp kéo đến quốc đô. Hùng Tuyền vương đích thân ra đề ngự thí. Lúc bấy giờ thiên kinh vạn quyển đều nhòm xét ở cung tường Khổng Mạnh, tứ khoá tam truyện chẳng khiêm nhường Lục thao, Tam lược của Tôn Ngô. Hiền tài trong thiên hạ đều có mặt cả ở trường thi Hội. Nhưng phần nhiều được mặt này thì mất mặt kia, cùng lóc lóc trôi tuột cả, đều chưa phải là bậc toàn tài của đương thời. Duy có Sơn Tinh và Thủy tinh là hai bạn đồng học cùng thầy, có nhiều thuật pháp thông thiên nhập địa nhưng không đến kịp để dự thi. Hai ngày sau hai người mới tới kinh thành, dâng lời tâu lên vua:

- Bọn thần thẹn nỗi kém tài, sống thừa trong vương quốc. Trộm nghe thánh thượng lớn mở khoa thi kén rể hiền. Bọn thần đến muộn, nhưng muốn được thi tài để gặp vận may không lọt ra ngoài hịch chiêu hiền của thánh thượng.

Hùng Tuyền vương cả mừng, bèn đặc cách lên xe đến sông Bạch Hạc ngự thí cho hai người. Sơn Tinh đến ngồi ở đầu sông, Thủy Tinh trở về dưới đáy nước. Trong khoảnh khắc bỗng thấy mây mưa nổi lên giữa dòng, mặt sông gió tung bụi cuốn. Đáy biển vang tiếng động âm âm, trên không chớp loè loang loáng. Giao long, rùa, cá từng đoàn theo sóng tung lên muôn vạn lớp; kinh, ngạc, côn, nghê nuốt muôn sóng ngàn sông. Một bầu trời đất, muôn trùng sóng cuộn. Trong khoảng tranh tối tranh sáng, những ai trông thấy đều phải rụng mật run tim. Sơn Tinh tay trái cầm quyển sách, tay phải cầm cây trượng, miệng niệm thần chú. Tay chỉ vào đâu nơi ấy hiện lên muôn quái nghìn kỳ, thấy đều do trượng đầu vung quét. Một biển một hoá đều là diệu pháp thần cơ, huyền vi khôn lường.

Hùng Tuyền vương thấy hai hiền tài đều có phép thuật như nhau, không biết nên chọn gả công chúa cho người nào? Vua bèn lên xe trở về cung, triệu Sơn Tinh và Thủy Tinh đến bảo:

- Trẫm chỉ có một viên ngọc Lam Điền, ngày trước vua Thục cầu hôn không gả. Nay hai khanh đều là bậc anh hùng, chưa biết phải thăm định thế nào cho tiện. Vậy ai đem sính lễ đến trước thì trẫm gả cho người ấy. Thế là Sơn Tinh và Thủy Tinh hẹn nhau:
- Bọn ta cùng trở về sửa soạn sính lễ, để xem ai là người đến trước?

Thủy Tinh trở về thủy cung ở Động Đình, lại còn phải tìm chọn lễ vật cho thật tân kỳ. Sơn Tinh

thì chỉ xuống lầu cầm gậy trúc chỉ lên trời nhằm khẩn xin Ngọc hoàng ban cho các vật làm sỉnh lễ. Khẩn xong liền thấy voi trắng chín ngà cùng các đồ châu ngọc trân kỳ từ trên trời hiện xuống. Sơn Tinh bèn cho xếp đặt, vừa đúng giờ Tí (nửa đêm) đã đưa các đồ sỉnh lễ đến trước lầu rồng của Tuyền vương. Tuyền vương bèn gọi công chúa đến báo cho biết đã gả My nương cho Sơn Tinh. Sơn Tinh bèn đưa rước ngay My Nương về sơn động ở núi Tản Viên. Đến giờ Mão Thủy Tinh cũng đêm đủ lễ vật đến. Tuyền vương nói: “Sơn Tinh đã đem lễ đến trước rồi!”. Thủy Tinh tức giận bỏ về thủy cung.

Hùng Tuyền vương hưởng nước **115 năm** rồi nhường ngôi cho rể là Sơn Tinh Tản Viên. Sơn Tinh cố từ không dám nhận. Tuyền vương nói:  
- Cơ đồ họ Hùng đã hết, khanh có thể lên thay.

Tản Viên còn do dự chưa quyết thì Thục vương (là chúa Phụ đạo nước Ai Lao, cũng là tông phái Hùng vương) từ xa nghe tin Tuyền vương nhường ngôi cho Tản Viên, bèn đem quân sang đánh Hùng Tuyền vương để xâm chiếm nước Nam. Vua (Tuyền vương) binh hùng tướng mạnh, Thục vương mấy lần bị đánh bại. Vương bảo với Thục vương: “Ta có sức thần, Thục vương không sợ sao?”

Từ đó Tuyền vương bỏ bê không chăm sửa sang võ bị, chỉ đam mê tửu sắc làm vui. Đến khi quân Thục kéo đến tận nơi, vua vẫn còn say khướt chưa tỉnh. Quân lính trở giáo đầu hàng quân Thục. Hùng vương bèn đắp thành ở Việt Thường [ ] rộng nghìn trượng khoanh tròn như hình con ốc, gọi là Loa Thành. Mới đầu thành đắp đến đâu đổ đến đấy. Bỗng thấy một con rùa vàng trên sông từ phía đông bơi đến, xưng là Giang sứ. Hùng vương lấy mâm vàng đặt rùa lên đấy rồi hỏi rùa vì có gì mà thành đắp cứ đổ mãi? Rùa vàng đáp:

- Đó là do quỷ hại. Phải trừ tinh khí của nó đi thì thành tự nhiên đắp xong.

Tuyền vương đem rùa vàng đến một ngôi quán gần bên núi Thất Diệu giả làm khách đi đường vào ngủ trọ. Đêm ấy tinh quỷ ở bên ngoài gọi mở cửa. Rùa vàng hét to một tiếng, quỷ không vào được, đến khoảng gà gáy quỷ bình tan chạy cả. Rùa vàng bảo vua theo vết chân quỷ mà đuổi, đến núi Thất Diệu thì tinh khí của chúng bị thu nhốt hết. Tuyền vương sai đào núi lên, thu được một cỗ nhạc khí cổ và mấy bộ xương người. Vương sai đốt huỷ, đổ tro xuống sông, đến khi ấy yêu khí của ma quỷ mới trừ hết.

Từ đó việc đắp thành của Tuyền vương không quá nửa tháng là xong. Rùa vàng từ tạ ra đi, rút một chiếc móng đưa cho Thục vương mà dặn rằng:

- Quốc gia yên nguy có số trời, nhưng người cũng phải có phòng bị. Nếu thấy giặc đến thì dùng

móng thiêng này làm cái lẫy nỏ mà bắn thì vương không có gì phải lo!

Hùng Tuyên vương bèn sai bề tôi là Cao Lỗ chế nỏ thần, lấy cái vuốt thiêng làm máy, đặt tên là “Linh hoa kim trảo thần nỏ”. Sau khi đã có nỏ thần, Hùng Tuyên vương thu hợp tàn quân, tuyển thêm dân binh, rồi sai người đưa thư cho Tần Viên, nói: “Thục vương đem quân sang đánh, đã chiếm đô thành của ta, khanh mau đem quân đến cứu viện”

Tần Viên bèn dẫn binh mã thẳng đến Loa Thành, dàn quân đối trận với Thục vương để khuếch trương thanh thế. Mấy hôm sau Tần Viên khuyên Hùng Tuyên vương:

- Họ Hùng hưởng nước kể cũng đã lâu dài. Lòng trời ắt có hạn, khiến cho Thục vương thừa cơ gây hấn xâm lấn nước ta. Và lại Thục vương vốn là bộ chủ Ai Lao, cũng là dòng phái của tiền hoàng đế. Nay quốc thế không được bình thường, cũng là chuyện do tiền định. Vua có yêu riêng gì một cõi đất phương nam mà cưỡng lại ý trời, làm hại sinh linh? Và lại bệ hạ và thần đã có phép thần tiên, không gì hơn là quay về chốn Bồng Hồ, Lãng Uyển, tiêu dao ở làng quê bắt lão, thanh nhàn nơi gác phượng lầu rồng, há phải nhiễm bần bụi trần, vàng ngọc châu báu cũng chẳng bằng mấy lông, ngọc nữ tiên đồng cũng chỉ mát mắt chốc lát. Trí lự như thế mới thật là cao!

Tuyên vương cho là phải. Rồi Tuyên vương sai đưa thư nhường nước cho Thục vương. Thục vương sai sứ đến tạ ơn. Tuyên vương nhân đó tặng cho Thục vương chiếc nỏ thần, rồi trở về núi Nghĩa Lĩnh cùng với Tần Viên Sơn Tinh biến hoá vào cõi hoá sinh bất diệt.

Thục An vương đã được nhường nước, tưởng nhớ ơn đức trời biển của Hùng Tuyên vương bèn xa giá đến núi Nghĩa Lĩnh cho dựng Dao Đài để làm nơi quốc gia phụng thờ, dựng hai cột đá trong núi, chỉ tay lên trời thề rằng:

- Nguyện trời cao mây xám lòng lộng xét soi: nước Nam trường tồn trường tại. Ngôi miếu Hùng vương nơi đây nếu vua sau kế trị mà bội ước nhạt thề thì sẽ bị rìu trắng búa gió trừng phạt, không phụ lời thề của tiền nhân.

Đọc lời khấn xong, Thục vương lạy tạ rồi lên xe trở về kinh đô Phong Châu, cho triệu các dòng phái cành vàng lá ngọc của dòng họ Hùng ban cho danh hiệu Trung nghĩa hương (làng Trung nghĩa), cấp cho dân tạo lệ hưởng dụng lâu dài, cấp 500 mẫu ruộng ở gò Nghĩa Lĩnh thuộc bản thôn. Lại cấp cho các cánh ruộng ở nhiều địa phương để thu tô thuế: trên từ Tuyên Quang, Hưng Hoá, dưới đến các xã ở Việt Trì hàng năm nộp hoa lợi để dùng vào việc đèn hương phụng thờ 18 đời vua Hùng từ Thánh tổ Cao hoàng đế đến các vua kế đời truyền nối.

Thục An vương kế nối trị nước được 50 năm thì xảy ra việc nhà Tần lập các đạo quân gồm những dân phạm tội phải chạy trốn lưu vong, những người đi ở rể bị bán làm binh, sai Hiệu úy

Đồ Thư làm tướng chỉ huy, sai Sử Lộc đào cừ chở lương thực, tiến sâu vào đất Lĩnh Nam, chiếm đất Lục Lương, đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận; lấy Nhâm Ngao làm Thái thú quận Nam Hải, Triệu Đà làm lệnh doãn huyện Long Xuyên (Nay ở đình Phân Thủy huyện Hưng

Yên có miếu thờ). Câu đối ở miếu:

Khai vật tế nhân, tướng Việt thành râu tóc,  
Thủy sử nhất hoàng bích thủy, tiện văn vận dĩ khai hồng đồ.

Niệm Nghĩa Lĩnh khai cương,

Cạnh nhĩ sở lý thanh sơn, lưu cao trạch nhi thành đô hội [ ].

Rồi đó Nhâm Ngao, Triệu Đà thừa cơ gây hấn, đem quân sang xâm lược. Triệu Đà đóng quân ở núi Tiên Du Bắc Giang giao chiến với An vương. An vương lấy nỏ thần ra bắn. Triệu Đà thua trận bỏ chạy. Đà biết Thục có nỏ thần, không thể đối địch được, bèn cho con là Trọng Thủy vào làm lính hầu (túc vệ) trong cung An vương. Rồi Trọng Thủy cầu hôn vương nữ My Châu. Trọng Thủy dụ My Châu lấy trộm nỏ thần cho xem rồi tháo đổi cái lẫy khác. Sau đó Thủy về báo cho cha biết. Triệu Đà bèn phát binh đánh An vương. An vương không ngờ cái lẫy thiêng đã bị mất, khi ấy đang đánh cờ vây, cười nói: “Đà không sợ nỏ thần sao?”. Quân Triệu Đà vây áp đến nơi, An vương lấy nỏ ra bắn, không hiệu nghiệm. An vương bẻ nỏ vứt đi rồi lui chạy. Thế là cơ đồ họ

Hùng mất.

Từ Triệu Vũ Đế (huý Đà) kế trị đến các triều Đinh Lê Lý Trần cho tới nay triều Lê ta đều chuẩn y việc phụng thờ ở cung miếu, chuẩn cho làng Trung Nghĩa thuộc bản xã theo đúng lệ cũ được hưởng tạo lệ, miễn trừ tô thuế binh dân cùng là các khoản sưu sai tạp dịch, giao cho dân bản xã phụng thờ cầu chúc cho mệnh mạch quốc gia trường tồn, lưu thom muôn thừa.

Ô hô! Thịnh thay!

*Năm Nhâm Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470), mùa xuân, tháng Ba, ngày tốt.*

*Hàn lâm viện trực học sĩ NGUYỄN CỐ phụng soạn.*

*Ngạn Xuyên NGÔ ĐỨC THỌ dịch xong lúc 17g30 ngày 25-12-2011 tại thư trai xóm Trúc  
(Đội Cán, Hà Nội)*

Phan Duy Kha giới thiệu  
(Theo caobaquat.com.vn)

## 18 Đời Vua Hùng trị vì đến 2,824 năm.

Thiên nghi giai đoạn Lịch sử 18 đời Hùng Vương là Giai đoạn Huyền sử xây dựng Tinh thần Dân tộc, Huyền sử là Sử vượt Không gian và Thời gian, nhân vật Huyền sử là biểu tượng của nhân vật Văn hoá, không là nhân vật xác định rõ ràng như nhân vật Lịch sử, các địa danh là ở bên Tàu, mà cũng có thể ở miền Bắc Việt Nam, có thể là do Cháu con về sau dùng lại những Địa danh cũ của Tổ Tiên để nhớ lấy Gốc xưa.

Việc này cũng giống như ngày nay, các Cộng đồng người Việt ở nước ngoài cũng đặt tên Thị xã là Little Saigon, các con Đường là Trần Hưng Đạo, Quang Trung. . .

Các niên đại về thời gian trị vì cũng như tuổi thọ của của các Vua Hùng là niên đại thuộc Huyền sử, chứ không nên xem là niên đại Lịch sử.

Chúng ta thấy mỗi Vị Vua trong 18 Vị đều có **Vương hiệu** mang ý nghĩa riêng, đó có thể là Mục tiêu xây dựng Quốc gia khác nhau của từng Vương triều. Chúng ta thấy có Vị trị vì đến 400 năm, có Vị dưới 100 năm. . . nên chúng ta thấy có điều phi lý, “ **Nhân sinh bách tuế vi kỳ** “, sao lại có Vị sống và trị vì lâu như thế. Thiên nghi **mỗi Vị đó ( Vương hiệu ) là đại diện cho một số Vị cai trị nước theo cùng Mục tiêu riêng ( như Hùng Hy Vương nắm Vân nước 4 đời, nhà Ân trải 27 đời . . )**, vì **mỗi danh xưng mỗi Vị ( Vương hiệu ) đều theo đuổi một một Mục tiêu cao đẹp riêng, nên mới dài như thế**.

Chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa chữ Nho của từng Vị, Vị nào cũng đều là Hùng nhưng **Hùng theo những khía cạnh Tinh thần khác nhau**: Nào là :

1.- **Kinh Dương Vương**. 涇: **Kinh** : Kinh nghiệm, kinh qua, trải qua, Kinh cũng là dòng nước ngoài, lạch. 陽 : **Dương** là Mặt Trời Hướng Nam, là **dấy lên, cất lên, Khen ngợi, rõ rệt**.

**Kinh Dương Vương** là Vị Vua của phương Nam, thờ mặt Trời, có kinh nghiệm dấy lên, xây dựng nước.

2.- Hùng **Hiền Vương**. 賢: **Hiền** : Người có Đức độ, Tài năng.

3.- Hùng **Quốc Vương**. 國: **Quốc**:Tổ quốc.

4.- Hùng **Việp Vương**. 曄: ( **Việp, Diệp** ) : Dáng lửa, ánh sáng bùng bùng .

5.- Hùng **Hy vương**. 羲: **Hy** là như Phục Hy sáng tạo ra Dịch với Nét Liền, nét Đứt,



- 6.- Hùng **Huy** Vương. **暉**: **Huy** là ánh sáng mặt Trời sáng sủa .
- 7.- Hùng **Chiêu** Vương. **昭**: **Chiêu** là sáng sủa, rõ rệt, bệch bạch.
- 8.- Hùng **Vĩ** Vương. **暉**: **Vĩ** là sáng sủa, rực rỡ, sáng chói.
- 9.- Hùng **Định** Vương. **定**: **Định**: Đã đúng, không cần sửa đổi, đã tính trước, làm cho chắc chắn , làm cho yên ổn,
- 10.- Hùng **Uy** Vương. **威**: **Uy**: Oai,dáng tôn nghiêm, Đường bệ, Uy tín , quyền thế.
- 11.- Hùng **Trinh** Vương. **禎**: **Trinh**: Diềm may, điều tốt lành.
- 12.- Hùng **Vũ** Vương. **武**: **Vũ** là sức mạnh, võ bị, quân sự.
- 13.- Hùng **Việt** Vương. **越**: **Việt**: Vượt qua nhảy qua , vươn lên miền siêu việt.
- 14.- Hùng **Anh** Vương. **英**: **Anh** là Tinh hoa của sự vật, Người xuất chúng.
- 15.- Hùng **Triều** Vương. **朝**: **Triều, Triều**: Sớm, sáng mai, hăng hái, hăng say, nơi Vua Tội bàn Chính sự.
- 16.- Hùng **Tạo** Vương : **造**: **Tạo**: Làm ra, gây nên, xây đắp, kiến thiết, sửa sang, xây đắp lại.
- 17.- Hùng **Nghị** Vương. **毅**: **Nghị**: Quả quyết, cứng cỏi, tài giỏi, dũng mạnh, nghiêm chỉnh, phần nộ.
- 18.- Hùng **Tuyên** Vương. **璿**: **Tuyên** là một thứ ngọc tuyên, ngọc đẹp.

Cứ đi sâu vào các danh xưng đó thì hiểu được mục tiêu Trị vì của mỗi Vương Vị đại diện đều mang giá trị tinh thần Hùng Dũng, chứ không là tinh thần Duy Lý, trọc Vật.

Đây là cái **Hùng mang ý nghĩa Tinh thần của những chữ khác nhau : Kinh Dương, Hiền, Diệp, Hy, Huy, Chiêu, Vĩ, Định, Uy, Trinh, Vũ, Việt, Anh, Triều, Tạo, Nghị, Tuyên.**

*Vấn đề là chúng nên tìm cách hiểu vấn đề theo ý hướng của Tổ Tiên xưa, chứ không hiểu công trình Văn hoá Tổ Tiên theo sự hiểu biết Duy lý của chúng ta ngày nay, vì con Người khi Lý trí chưa phát triển thì còn nặng về Tâm linh, về Trực giác, Tổ Tiên chúng ta thường dùng toàn Biểu tượng và Ẩn dụ, nói chỗ này mà ý ở chỗ kia, nên “ khả dĩ Hội Ý “, mà “ bất khả Ngôn truyền “, còn ngày nay vì Lý trí đã phát triển, phần Tâm linh lại sút kém đi, lại nữa cách phát biểu ý kiến rất xác định.*

*Vấn đề là trong cuộc sống chúng ta phải sống sao cho Tâm linh và Khoa học ( Lý trí ) được hài hoà hay **Lưỡng nhất**, để mỗi con Người đều có **Tinh Lý tương tham** thì **Thân mới An, Tâm mới Lạc**, chứ cứ **Duy Lý một chiều như CS** thì rơi vào con **Đường Cực đoan tàn bạo !***

## GIAI ĐOẠN HUYỀN SỬ

### HUYỀN TỔ PHỤ LẠC LONG

Primordial Father ( or Cultural Father )

**Huyền Tổ là Tổ thuộc Giai đoạn xây dựng Tinh thần Văn hóa.**

( Quốc Tổ là Tổ xây dựng Lịch sử . )

### Đền thờ “ Huyền Tổ phụ “ Lạc Long Quân

( Nguồn internet )

“ Theo truyền thuyết, Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương Lộc Tục và con gái Động Đình Quân tên là Thần Long. Lạc Long Quân được xem là vị vua nước Xích Quỷ, trước nhà nước Âu Lạc. Lạc Long Quân và Âu Cơ được xem như là thủy Tổ của dân tộc Việt Nam, gắn liền với truyền thuyết "bọc trăm trứng". Con trai cả của ông là người đã lập ra nước Văn Lang, thống nhất 15 < 1 > bộ lạc, lấy hiệu là Hùng vương đời thứ nhất. Hiện nay đền thờ Lạc Long Quân nằm tại núi Sim của khu di tích lịch sử Đền Hùng, cách núi Nghĩa Lĩnh (hay còn gọi là núi Hùng) khoảng 1 km về phía Đông Nam.”

< 1 > Con số 15 xuất xứ từ Lạc thư của Lạc Việt, các số Lê được xếp theo hình chữ Thập đứng, ( 4 phương chính ) còn số Chấn được xếp theo hình chữ thập xéo ( 4 phương bang ) . Khi cộng 3 số theo bất cứ chiều nào cũng có Tổng số là 15. Đây là hình Ma trận ( Matrix ) trong Toán học,

“ Đền thờ Quốc Tổ Lạc Long Quân được xây dựng dưới chân núi Sim vào năm 2006, nằm trong quần thể kiến trúc của Di tích lịch sử Đền Hùng.

Núi Sim nhìn xa có hình giống con rùa lớn đang hướng về **Hồ Hóc Trai**. Núi có độ cao 94m, diện tích rộng 5ha. Cách cổng chính Đền Hùng về phía Đông Nam chừng hơn 100m theo đường chim bay.

Đứng trên đỉnh núi Sim, có thể nhìn bao quát một vùng đất rộng lớn, nơi đây có núi non trùng điệp. Trước mặt là cánh đồng trải rộng bằng phẳng, thoải thoải dần về phía hồ nước mênh mông. Bên trái có núi Hóc Nay, bên phải có núi Nôn xa xa ẩn hiện đền Tổ Mẫu Âu Cơ. Cảnh thế hùng vĩ uy linh của sơn thủy tụ hội.

**Đền thờ Lạc Long Quân** quay về hướng Tây Nam. Đền được xây dựng kiến trúc kiểu chữ đình gồm: Cổng đền, Phương đình, Tả Vu, Hữu Vu, trụ biểu, đền thờ. Kiến trúc truyền thống gỗ lim, sơn son thếp vàng, tường bao xây gạch chỉ màu đỏ, mái lợp ngói mũi.

Trong đền đặt tượng Quốc Tổ Lạc Long Quân, tượng Lạc Hầu, Lạc Tướng được đúc bằng đồng. Đền thờ Quốc Tổ Lạc Long Quân tạo thành một quần thể kiến trúc cảnh quan, góp phần bảo tồn, tái tạo hình ảnh lịch sử, đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong việc thờ tự Thủy Tổ dân tộc. Nhằm giáo dục các giá trị Truyền thống dân tộc.”



**Cổng Đền Huyện Tổ Phụ Lạc Long Quân**

**( Primordial Father Lạc Long )**



**Cổng Đền Thờ Huyện Tổ Phụ Lạc Long**



**Đền thờ Huyền Tổ Phụ Lạc Long**



**Lễ Tế Huyền Tổ Phụ Lạc Long**

## Điện thờ Huyền Tổ Lạc Long Quân

Đền Quốc mẫu Âu Cơ tại khu di tích đền Hùng  
Di tích lịch sử đền Mẫu Âu Cơ – Hạ Hòa – Phú Thọ

**Đền Quốc tổ Lạc Long Quân** được xây dựng tại đồi Sim trong **khu di tích đền Hùng**, cách núi Nghĩa Lĩnh khoảng 1 km, nơi có vị trí đặc địa, có thể “son châu thủy tụ”.

Đồi Sim có hình thế giống một con rùa lớn, hai bên có Thanh Long, Bạch Hổ, phía trước là hồ Hóc Trai và - 46 -han Hồng chảy xuôi về biển. Ngôi đền tọa lạc trên lưng rùa biểu hiện sự linh thiêng huyền diệu. Đền thờ gồm các hạng mục: đền chính, công, trụ biểu, công biểu tượng, phương đình, nhà tả vu, hữu vu, lầu hóa vàng, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật. Đền thờ được chia làm 3 khu: Khu A, diện tích gần 9.000 m<sup>2</sup> xây dựng đền thờ chính; khu B, rộng hơn 9.400m<sup>2</sup> xây dựng khu đón tiếp và nhà quản lý; khu cảnh quan và các công trình phụ trợ rộng hơn 119.000m<sup>2</sup>.



**Điện thờ Huyền Huyền Tổ Phụ Lạc Long Quân**

Đền chính có diện tích 210m<sup>2</sup>, kiến trúc kiểu chữ đình truyền thống, nội thất bằng gỗ lim, sơn son thếp vàng, mái lợp ngói mũi hài, nền lát gạch Bát Tràng, bó via đá xanh. Hậu cung đặt tượng thờ Đức **Quốc Tổ Lạc Long Quân ( Huyền Tổ Phụ )** dáng vẻ uy nghiêm. Tượng được đúc bằng đồng, nặng 1,5 tấn, cao 1,98m ở tư thế ngồi trên ngai, đặt trên bệ đá chạm khắc hoa văn theo mô típ văn hóa Đông Sơn. Hai bên là tượng Lạc hầu và Lạc tướng ở tư thế đứng có chiều cao 1,80m, mỗi pho nặng 0,5 tấn.



**Khách tham quan Đền Huyền Tô Phủ**



**Mộ Huyền Tô Phủ Lạc Long**

## Đền Nội

**Đền Nội** gắn liền với truyền thuyết mẹ Âu Cơ sinh 100 trứng, nở ra 100 người con. Đất Bình Đà bây giờ chính là nơi Lạc Long Quân lệnh cho các con dùng chân dựng trại xây dựng cơ nghiệp, dạy dân cấy lúa, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, lấn biển, làm nhà, đuổi diệt thú dữ, khai khẩn đất đai, mở mang bờ cõi

Đền tọa lạc trong khuôn viên 10.000m<sup>2</sup> trên thế đất Lục Linh Triệu hội lưỡng phương giao phi. Cửa đền nhìn ra hướng Tây, đồng điền nhô lên Ba Gò (còn gọi là Bảo Hoa, Tam Thai) mang dáng hình hổ phục, tương truyền là nơi hâm mộ Lạc Long Quân. Đền được xây dựng theo kiểu chữ Đinh, có tường gạch bao quanh, hậu cung đặt long ngai Lạc Long Quân, cung đệ nhị đặt đồ thờ, tiếp đến là địa bái phương đình nơi đặt lễ. Hai bên tả mạc đường bệ bao lấy khu sân gạch rộng lớn, bốn mùa rợp bóng cây xanh. Trước tiền môn là sân ngoài kê bên ao sen rộng 500m<sup>2</sup>. Những công trình này đều được xây dựng khang trang mang đậm bản sắc phương Đông. Điều đáng quý trong đền còn lưu giữ được nhiều cổ vật quý, tiêu biểu phải kể đến bức phù điêu giá tượng Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân hơn 1000 năm tuổi, với nhiều lớp hình ảnh được chạm khắc, truyền ngôn... toát lên đầy đủ cảnh sinh hoạt của triều đại Hùng Vương. Cùng với đó còn có khu Ao sen, cây quéo, giếng ngọc, nhà bia, miếu ông, trống đồng Đông Sơn, gạch hoa văn xây mộ Quốc Tổ là các chứng tích cổ.

Đặc biệt, từ 24/2 – 6/3 Âm lịch, Bình Đà mở hội và rước “bánh vía” để tưởng nhớ công ơn Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân. Lễ hội hàm chứa - 48 -han loạt biểu tượng văn hóa, khởi nguồn truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, tưởng nhớ công ơn Đức Quốc Tổ người có công với dân với nước, với làng xóm quê hương. Năm 2014, Lễ hội đền thờ Đức Quốc Tổ được Bộ VH TT&DL đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.



## HUYỀN TỔ MẪU ÂU CƠ

### Premordial Mother

( Tô giai đoạn Huyền sử )

“ Đền Tổ Mẫu Âu Cơ được xây dựng trên đỉnh **núi Vặn** (Tên mỹ là tự là núi Ốc Sơn), thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, có độ cao 170,2m so với mặt biển, nằm trong hệ thống “**Tam sơn cấm địa**” là núi Hùng, núi Trọc, núi Vặn.

Đứng trên đỉnh **núi Vặn** có thể bao quát một vùng rộng lớn sơn thủy hữu tình. Phía trước núi Vặn là **núi Hùng**, nơi thờ tự các vua Hùng. Núi Hùng trông xa giống như đầu con rồng lớn, mình rồng uốn lượn thành **núi Trọc**, núi Vặn ở phía sau. Bên tả có dòng sông Hồng, bên hữu có dòng sông Lô tựa như hai dải lụa đào, bao bọc lấy ba ngọn “Tổ Sơn” ở giữa. Phía sau núi Vặn là những dãy đồi lớn san sát như bát úp, gắn với truyền thuyết “Trăm voi châu về Đất Tổ”. Cảnh thế ngoạn mục hùng vĩ, đất đầy khí thiêng của sơn thủy tụ hội.

**Đền Tổ Mẫu Âu Cơ** là một quần thể kiến trúc bao gồm: Đền chính thờ Mẫu Âu Cơ, nhà tả vu, nhà hữu vu, nhà bia, trụ biểu, tam quan... được thiết kế theo phong cách xây dựng truyền thống, xen lẫn tính hiện đại. Các họa tiết trên **trống đồng Đông Sơn**: Cột gỗ có thớt đá kê, tường xây gạch mộc đỏ, mái đền có đầu đao cong vút như **cánh chim Lạc**, trụ biểu đá giống như cây bút đang viết lên trời xanh... cho nhân dân ta vừa cảm giác gần gũi với mẹ vừa thiêng liêng cao quý.

Trong Hậu cung đền đặt tượng Tổ Mẫu Âu Cơ được làm bằng đồng. Phía dưới đặt tượng Lạc hầu, Lạc tướng.

Đền thờ Tổ Mẫu Âu Cơ là một công trình văn hoá lớn của thời đại chúng ta - con cháu các vua Hùng xây dựng nên, nhằm mục đích “quy tụ” và “hội tụ” văn hoá “Đền Hùng”. Bổ sung cho quần thể kiến trúc tín ngưỡng trong Di tích lịch sử Đền Hùng, thể hiện tình cảm của nhân dân ta đối với Tổ Mẫu Âu Cơ người mẹ thiêng liêng huyền thoại của dân tộc Việt Nam.

**Âu Cơ** có lần đã đến vùng đất khi đó là trang **Hiền Lương, quận Hạ Hòa, trấn Sơn Tây** và cho các con cháu khai hoang, lập ấp, dạy dân cấy lúa, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Khi trang ấp ở Hiền Lương đã ổn định, phát triển, bà Âu Cơ lại cùng các con cháu đi khai phá các vùng đất mới. Sau này, bà đã quyết định trở về sống với Hiền Lương, nơi gắn bó nhất với cả cuộc đời bà. Tương truyền, ngày 25 tháng 12 năm Nhâm Thìn, Bà Âu Cơ cùng bầy tiên nữ đã bay về trời để lại dưới gốc đa một dải yếm lụa. Sau này, nhân dân trong vùng đã dựng lên một ngôi miếu thờ phụng, đời đời hương khói tưởng nhớ công ơn của bà đối với toàn dân tộc Việt Nam.

Dưới triều vua **Lê Thánh Tông năm 1465**, vua đã ra chiếu chỉ phong thần, cấp tiền, xây dựng thành **Đền Mẫu Âu Cơ** như ngày nay, giao cho nhân dân xã Hiền Lương thờ phụng. Thế kỷ 15, triều đình Hậu Lê đã phong sắc và cho xây dựng đền, thế kỷ 19 nhà Nguyễn một lần nữa lại phong sắc công nhận đền Mẫu Âu Cơ. “



[Vietsensetravel.com](http://Vietsensetravel.com)



Cổng Tam quan trước Đền thờ Huyền mẫu Âu Cơ (?)



Cổng Tam quan ( Three Door Gate ) của Đền Huyền Tổ Mẫu



Đường chính vào Đền Huyền Tổ Mẫu



Cổng vào Đền Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ



“**Đền Mẫu Âu Cơ** thuộc xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ là nơi thờ phụng, tưởng nhớ công ơn Mẹ Âu Cơ, người mẹ huyền thoại, linh thiêng, huyền diệu có công đầu trong việc khai hoang, mở cõi của dân tộc của muôn dân đất Việt.”

### Điện thờ Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ



### Gian Thờ



### Lễ hội Đền Mẫu Âu Cơ Phú Thọ

“ Mùa xuân cũng là lúc người dân Hiền Lương rục rịch tập tể nam, tể nữ, rước kiệu, chuẩn bị lễ vật... cho ngày “Tiên giáng”. Và du khách thập phương lại cùng nhau hành hương về đất Tổ,

hòa mình vào không khí nhộn nhịp của lễ hội.

Ngày lễ chính là ngày “**Tiên giáng**” mừng 7 tháng Giêng - 54 -han năm, và kéo dài trong ba ngày liên tiếp. Từ xưa, người dân trong vùng đã có câu ca lưu truyền: Mừng bảy trong tiết tháng Giêng, dân Hiền lễ tế trông chiêm vang trời...

- Khai hội Đền Mẫu Âu Cơ Hạ Hòa Phú Thọ là lễ tế Thành Hoàng ở đình, đội tế toàn nam giới. Sau đó, 8 cô gái mặc đồng phục sẽ uyển chuyển rước cỗ kiệu bát cống sơn son thếp vàng theo nhịp trống từ đình vào đền. Đi đầu đám rước là những lá cờ thần, sau kiệu là những vị chức sắc mặc áo dài khăn xếp, rồi đến dòng người trải hội.

- Tiếp đến là lễ tế nữ do 12 cô gái thanh tân, có nhan sắc và học vấn thực hiện. Các thiếu nữ đều mặc áo dài, đầu đội khăn kim tuyến, chân đi hài thêu, thắt lưng lụa, riêng chủ tế mặc trang phục hoàn toàn màu đỏ. Lễ vật dâng lên Mẫu không quá cầu kỳ, đều là cỗ chay, ngũ quả, tiền giấy... Trong đó có bánh truyền thống của người Hiền Lương, làm từ bột nếp hảo hạng và mật ong, được cắt thành từng khoanh như đốt tre, với 100 cầu bánh ngọt tượng trưng cho lễ vật của 100 người con dâng lên mẹ.

- Trong các ngày diễn ra lễ hội, trước sân đền và tại đình làng còn có nhiều trò chơi dân gian như: đu tiên, cướp cờ, đánh phết, hát gheo, hát xoan... thu hút sự tham gia của người dân địa phương lẫn du khách hiếu kỳ. Đến ngày cuối là diễn ra lễ rước kiệu từ đền trở về đình, và kết thúc lễ hội.

Bên cạnh lễ chính “**Tiên giáng**”, lễ hội trong năm ở khu di tích Đền Mẫu Âu Cơ Phú Thọ còn có ngày “**Tiên thăng**” 25 tháng chạp, ngày 10-11 tháng hai, ngày 12 tháng ba, ngày 13 tháng tám âm lịch.”

### CẦN PHỤC HOẠT LẠI TINH THẦN CỦA HUYỀN SỬ

*Tổ Tiên xưa có căn dặn : “ **Trông Mặt mà bắt Hình dong** “ nên chúng ta thử nhìn vào các Đền thờ Tiên Tổ để nhận ra ý tưởng của các Ngài đã nung nấu ra sao để xây các Đền đài đó như thế nào thì sẽ nhận ra Ý tưởng gói gắm Di sản Văn hoá của các Ngài cho Cháu Con ngàn đời về sau.*

*Xưa nay, một số người cho Truyện Âu Cơ Lạc Long là chuyện hoang đường, Tiên Rồng phân cực để phát triển Bản sắc Tình / Lý riêng lại cho là Ly dị, bản sắc của Tiên là tu sao cho có lòng Nhân ái như người Mẹ, bản sắc Rồng thì phải kinh biến để trưởng Trí về Lý công chính như người Cha, đó là hai Bản sắc của Gái / Trai về **Nhân Tình và Nhân Tính**, nói gọn là **Tình Nghĩa** hay **Nhân Nghĩa** .*

*Một con Người phải sống sao cho **Tình Nghĩa Nhập thần** hay **Lưỡng nhất** thì một mặt mới được **Thân an Tâm lạc**, mặt khác mới có thể **sống Hoà với người khác**.*

*Ngay Vua Tự Đức cũng cho Tiên / Rồng là chuyện Trâu ma thần rắn, ngày nay lớp Tân học cũng không mấy tin vào chuyện xa xưa đó, cho là mê tín dị đoan, họ chỉ say mê Khoa học, cho Khoa học là vạn năng, đây là cái làm tan Nhà nát Nước. Do vấn đề phát biểu tư tưởng của Tổ Tiên theo lối Ẩn dụ, Biểu tượng khác với lối Trực ngôn của chúng ta ngày nay, nên chúng ta phải hiểu theo lối **Hội Ý** mà không theo lối **Ngôn truyện** .*

**Nên nhớ Tâm linh là khoa học về cách làm Người, còn Khoa học là Khoa về cách làm Ăn, mà đã là Người thì vừa phải Làm Người và vừa phải Làm Ăn. Làm Người và làm Ăn phải lưỡng nhất thì mới giúp con Người đạt Hạnh phúc.**

Huyền thoại thuộc nguồn Tâm linh ( nguồn Tình ) còn Khoa học lại thuộc về Lý trí, ( Nguồn Lý ) đó là hai lãnh vực tuy khác nhau, ngược chiều nhau, một bên Tình thì u linh mạn mác, bên kia Lý thì rõ ràng khúc chiết, nhưng lại Lưỡng nhất như Âm / Dương của Thái cực, Tình / Lý như hai mặt của đồng tiền không thể tách rời . Khoa học mà thiếu nguồn Tâm linh thì sẽ đánh mất Lương tâm, Khoa học mà thiếu Lương tâm thì chỉ là sự hủy hoại của Tâm hồn ( Science sans conscience, c'est que ruine de l'Áme ).

**Tâm linh ( Âm ) và Khoa học ( Dương ) phải được lưỡng nhất thành Thái cực.**

Nhìn qua công trình xây dựng Đền đài của Tổ Tiên chúng ta thấy những kiến trúc Đền của hai vị Huyền Tổ cùng Đền Hùng Vương có những nét rất đặc biệt phản ảnh Tinh thần của nền Văn hoá Dân tộc.

Thứ nhất là địa điểm xây dựng Đền thờ, đây là **những nơi Sơn thanh Thủy tú**, vừa cao rộng vừa yên tĩnh, rất thuận lợi cho việc tu Tâm để đạt Nhân phẩm với niềm tin của Phong thủy là **Địa kinh nhân kiệt**, còn kiến trúc thì Đền có mái Cong cao vút, đây là **nét Cong duyên dáng của Việt tộc, nét uyển chuyển của Văn hoá Việt tộc**, kiến trúc lại rất tinh xảo, chứ không là mái nhà thẳng cứng nhắc như của Văn hoá Du mục Tàu khi xưa.

Trong toán học nếu ta chiếu hình **Vòng tròn ngoại tiếp hình Vuông** trên trục Toạ độ thì ta có được nét Cong,

Vuông / Tròn tượng trưng cho Trời / Đất hay Thiên / Địa, nét Cong của Thiên Địa cũng tượng trưng cho Nhân, vì Nhân là “ **Thiên Địa cho Đức** “, nên nét cong cũng tượng trưng cho Tam tài, ngoài ra Đền thờ có 3 đền: Thượng / Hạ, Trung. Thượng / Hạ là Dịch lý ( số 2 ), Thượng, Hạ, Trung là Tam tài ( số 3: Việt Trinity ),  $2+3 = 5$  ( Tâm linh )

Vậy Kiến trúc Đền Vua Hùng tượng trưng cho Cơ cấu nền Văn hoá Việt Nam qua bộ Huyền số; .2-3, 5.

Nét Cong Duyên dáng của Việt tộc là nét rất quý và quan trọng về Văn hoá; vì nếp sống uyển chuyển giúp cách hành xử hài hòa với người khác, cũng như sự giúp cho làm việc dễ thành công, chứ nếp sống cứng nhắc cực đoan chỉ gây sự đổ vỡ, khổ đau cho nhau!

Ngoài ra trên cổng Đền Thượng và trên nóc Đền Hạ và Đền Giếng ta đều thấy có hình **Lưỡng Long Triều Nguyệt**. Lưỡng Long ở hai bên là 2 nét Dương , Nguyệt ở giữa là nét Âm, đó là quẻ Ly.



Cờ Quẻ Ly

Quẻ Ly có 2 nét Liền tượng trưng cho Dương ở trên và Dưới, ở giữa có nét Đứt tượng trưng cho Âm.

*Quẻ Ly thuộc phương Nam của Viêm Đế - Thần Nông - Phương Nam hành Hỏa: Năng lượng mặt trời -, nguồn gốc thờ mặt Trời, thờ Thượng Đế của Viêm Đế Thần Nông, Thủy Tổ của nền Văn hoá Nông nghiệp Việt Nam.*

*Tổ Tiên còn đem Tinh thần này vào sự tích Ông Táo: 2 Ông và 1 Bà, tức là 2 dương và 1 âm của Quẻ ly. Bếp là nơi dùng Lửa ( năng lượng ) để nấu ăn, để khi nào nấu ăn là nhớ đến Thượng Đế nguồn của năng lượng sáng tạo nên Vũ trụ .*

*Vậy nền Văn hoá là Tinh thần của Dân tộc đã được đúc kết nơi Huyền thoại Tiên Rồng như đã bàn ở trên. Đó là:”*

**“ Nhân / Trí, Hùng / Dũng và Tính / Nghĩa Đồng bào.**

**Đó là 8 cột trụ của Tinh thần Dân tộc Việt Nam**



**Giếng Loan trong Đền Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ**





**Giếng Phụng** trước Đền Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ  
**Loan / Phượng , Mái / Trống** là cặp đối cực Dịch lý.

## CHƯƠNG BA

### B.- GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG CƠ CHẾ XÃ HỘI QUỐC GIA

#### NHÂN VẬT LỊCH SỬ: QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

( National Ancestor )

#### Đền Hùng nhìn từ không trung

Theo Hoàng Hà, Duy Hiếu/ Zing.vn -  
25 Tháng Tư 2015 | 22:22:46

“(VOV5) - Lễ hội Đền Hùng 2015 sẽ diễn ra từ ngày 23 - 28/4 (5 đến 10/3 âm lịch) với sự tham gia của 5 tỉnh: Sơn La, Phú Yên, Đắk Nông, Tiền Giang và Bạc Liêu tại khu di tích lịch sử Đền Hùng, Việt Trì (Phú Thọ). Lễ dâng hương tưởng nhớ các vua Hùng sẽ diễn ra tại đền Thượng vào sáng 28/4. Phần hội có nhiều hoạt động mang tính cộng đồng, gắn với lễ hội tôn vinh di sản "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương", kết hợp giữa các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống và hiện đại. Trước đó, chương trình nghệ thuật chào mừng lễ hội Đền Hùng với chủ đề "Âm vang nguồn cội - Đất tổ Hùng Vương" được tổ chức vào tối 25/4 tại Quảng trường Hùng Vương,

Từ độ cao hơn 500 m so với mực nước biển có thể quan sát trọn vẹn cả ba đền Thượng, Trung, Hạ của quần thể di tích Đền Hùng.”



Quần thể di tích Đền Hùng nằm từ chân đến đỉnh ngọn núi Hùng (hay còn gọi là Nghĩa Lĩnh), cao 175 m, thuộc xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.



??



Trước Cổng Đền Hùng ( Cao sơn cảnh hành )



# ĐỀN HÙNG

**“Dù ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày giỗ tổ mùng 10 tháng 3  
Khắp miền truyền mãi câu ca  
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”**

**“ Con Người có Tổ, có Tông**

**“ Cái Cây có Cội, con Sông có Nguồn**

**“ Cây có Cội thì Ngọn Ngành xanh tốt**

**“ Nước có Nguồn thì Bể rộng Sông sâu**

**“ Con Người Nguồn cội từ đâu**

**“ Tổ Tiên có trước, rồi sau có Minh “**

*( Ca dao )*

***“Bỏ Gốc Tổ, mới Lạc Hồn Dân tộc***

***Bám Quỷ vương làm Tôi mọi Ngoại bang***

***Bỏ Tình Nghĩa theo đuôi phường Đạo tặc***

***Diệt Đồng bào, phá Đất Nước tan hoang !“***

**V.N.**



**Tượng Quốc Tổ Hùng Vương**

*Hung Vuong statue*



**雄王陵: Hùng Vương lăng: Lăng Vua Hùng**

**Lăng Quốc Tổ Hùng Vương**

*Hung vuong Mausoleum*

**Trên Núi Nghĩa Lĩnh, Tỉnh Phú Thọ**

*On the Five summit Mountain, Phu Tho province, North Vietnam*

*(Origine of The Five Agents: The Structure of **The Confucéisme** ( **Việt Nho** )*

*and The **Philosophy of Harmony** or of Reconciliation ( **Triết lý An Vi** )*

**Hung Vuong three Temples**

*( Structure of **Tam Tài: Vietnam Trinity** )*

*( **Heaven / Earth** → **Human Being** ( *Lưỡng nhất* : Dual unit )*



**ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG**

Đền Hùng nằm trên núi Nghĩa Lĩnh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

“ **Khu di tích đền Hùng** là một quần thể kiến trúc thâm nghiêm trên núi Nghĩa Lĩnh. Từ Hà Nội theo quốc lộ số 2 đến thành phố Việt Trì (84km) đi tiếp khoảng 10km đến ngã ba Hàng rẽ về bên trái 3 km là đến khu di tích. Khu di tích lịch sử đền Hùng gồm có đền Hạ và chùa, đền Giếng, đền Trung, đền Thượng, lăng vua Hùng.”

Ba Đền tượng trưng cho Tam Tài của Nho; Thượng ( Thiên : Heaven ) , Hạ ( Địa : Earth ) , Trung ( Nhân; Human Being ) Nhân = Thiên + Địa : Tam Tài.”



**Đền Thượng ( Upper Temple )**



Trước cổng Đền thờ có câu chữ Nho:  
**南越肇祖: Nam Việt triệu Tổ: Tổ đầu tiên của Việt Nam**



## Khu vực Đền Thượng



### DI HUẤN CỦA QUỐC TỔ

Bên trong Đền Thượng phía trên trần, ở chính giữa và hai bên có 4 hoành phi mang Di Huấn của Quốc Tổ: Trên có ba, dưới có một.

Đi từ bên Tay Phải qua Trái (Tả nhiệm của Tứ Di) có 4 chữ Nho:

Bên phải là **民生初辰?**: Dân sinh sơ thời: Đòi sống của Dân là việc đầu tiên, tức là **Cải tiến Dân sinh** hay **Phú chi** của Nho, trước tiên Chính quyền phải lo cho Dân no ấm.

Tiếp đến Hoành Phi ở giữa: **肇基王迹**: Triệu Cơ Vương Tích: Nền tảng xây dựng đầu tiên của Vua, tức là Gốc của Dân tộc.

Dưới đó là Lời Khuyên: **赫濯英靈**: Hách trạc anh linh: Lời Giáo huấn của Quốc Tổ:

Hãy **gột rửa cho sạch sẽ Thân Tâm** để làm sáng chói **Khí Thiêng** của **Trời Đất**. Khí Thiêng đó là **Nhân Nghĩa Nhập Thần** (Có Thần mới linh, mới anh linh).

Sau Phú Chi là Chính quyền phải lo việc **Giáo Chi** (Giáo dục) hay **khai Dân Trí**, nhất là giúp Dân sống theo Nhân Nghĩa để sống Hòa với nhau mà cùng nhau lo việc Nhà và việc Nước.

Có **Nhân** thì con Người biết **Yêu thương, Kính trọng và Bao dung nhau** để biết cách sống theo Nhân Nghĩa.

**Nghĩa** là lối hành xử “**Phải Người phải Ta**”, công bằng với nhau, mà sống Hòa với nhau, đoàn kết với nhau mà lo việc Riêng, việc Chung.

Hoành phi bên Trái: **子孫保之**: Tử tôn bảo chi: Con cháu phải lo gánh lấy trách nhiệm, phải bảo vệ Lời Di Huấn Tổ Tiên để Giữ Nhà Giữ Nước và Dựng Nước.

*Xem đó thì Tổ Tiên chúng ta đã tiên liệu rất anh minh, không quê mùa lạc hậu gì hết!. Số là vì chúng ta không chịu hiểu, chúng ta không có làm theo, nên gây ra Quốc nạn và Quốc nhục ngày nay!*

### Chú thích

#### 1.- Nguồn gốc của Dân tộc

**肇:Triệu:** Dựng lên, Bắt đầu

**基:** Cơ: Nền nhà, Góc, Nguyên lai

**王:** Vương : Vua

**迹:**Tích: Dấu chân, dấu cũ.

#### 2.- Giáo chi: Dân Trí.

Về Đời sống **Tinh thần** của người Dân, quan trọng là Tu Thân.

**赫:**Hách : Sáng rõ, chói lọi

**濯:**Trạc: giặt giũ, rửa sạch

**英 靈:** Anh linh là Khí Thiêng của Trời Đất

#### 3.- Phú Chi: Dân sinh

**民生:** Dân sinh: Đời sống **Vật chất** của Dân

**初 辰:** Sơ Thời: Lúc đầu tiên.

#### 4.- Trách nhiệm của mọi con Dân

**子:**Tử : Con

**孫:**Tôn: Cháu

**保:**Bảo: Giữ gìn, Săn sóc, gánh trách nhiệm, bảo vệ

**之:**Chi: ấy ( Anh Linh ), làm.

### Bốn điểm của Chính lược Quốc gia

1.- Nguồn gốc ( Đoàn kết ) Dân tộc là ở nơi tàng trữ Di chỉ của Quốc Tổ:  
**Triệu cơ Vương tích.**

2.- Phú chi: Cải tiến Dân sinh : **Dân Sinh Sơ Thời.**

- 3.- **Giáo chi:** Nâng cao Dân Trí và Chân hưng Dân khí: **Hách Trạc Anh Linh.**  
4.- **Tri Hành hợp nhất:**Toàn dân thực hiện và Bảo vệ Chính lược Quốc gia:  
**Tử Tôn bảo chi.**

### **ĐỀN TRUNG**

Từ đền Hạ leo thêm 168 bậc đá nữa là tới đền Trung. Tương truyền nơi đây các vua Hùng lập quán xá để nghỉ ngơi và bàn việc với các lạc hầu. Cũng ở nơi đây hoàng tử Lang Liêu đã dâng bánh chưng, bánh giầy lên cho vua cha nhân dịp tết.



**Đền Trung ( Middle Temple )**



Khu vực Đền Trung



**Đền Hạ** ( *Lower Temple* )

“ Thăm quan di tích đền Hùng từ chân núi Hùng rẽ qua Đại môn (cổng đền) leo qua 225 bậc thang xây bằng gạch lên đến đền Hạ và chùa (Thiên Quang tự). Đền được xây vào thế kỷ 15, tương truyền nơi đây bà Âu Cơ sinh bọc trăm trứng, nở thành trăm người con. Âu Cơ dẫn 50 người con lên núi, Lạc Long Quân dẫn 49 người con xuống biển, để lại người con trưởng làm vua hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang”.

*Trên Cổng Đền Thượng và trên nóc Đền Hạ và Đền Giếng đều có hình **Lưỡng Long triều Nguyệt**, đó là Biểu tượng cho quẻ Ly thuộc Nam phương ( Hành Hỏa: thờ Mặt Trời , thờ Trời ) của **Ty Tổ Viêm Đế ( Thần Nông: Thủy Tổ Nông nghiệp)**. Quẻ Ly gồm 2 nét Dương ( Long ) ở Trên và Dưới, còn nét Âm ( Nguyệt ) ở giữa, . đây cũng là nguồn của Ông Táo gồm 2 Ông 1 Bà : Ly thuộc phương Nam hành Hỏa tức là Lửa là nguồn Năng lượng để nuôi sống Vạn vật trong Vũ trụ, Lửa là năng lượng để nhân loại nấu ăn .Do đó Viêm Đế có tục thờ Trời hay Thượng Đế, Đấng sáng tạo ra năng lượng.*



Quang cảnh Khu Đền Hạ



### **ĐỀN GIẾNG ( Viet Well Temple )**

Từ làng đi xuống, đền ở chân núi phía **Đông Nam**. Trong đền có giếng Ngọc, bốn mùa đầy nước, trong vắt soi gương được. Đền thờ **Ngọc Hoa và Tiên Dung** là con gái yêu của vua Hùng thứ 18 thường hay chải tóc và soi gương ở giếng này.

*Đền Giếng nhắc nhở Con Cháu nhớ:*

*Soi lại chính con Người mình,*

*Soi lại Tinh thần Dân tộc mình.*



Khu vực Đền Giếng



Giếng Ngọc ( Giếng Mắt Rồng )

*( Kiến trúc Đền toàn là nét Cong rất uyển chuyển và rất tinh vi )*

*Gương soi Cá nhân và Dân tộc*



Ngả năm Đền Giếng

***Đền Thượng, Đền Trung Đền Hạ là Tam tài:***

*Tượng trưng cho con Người Nhân chủ:*

***Con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường.***

***Đền Giếng là Gương soi Nhân phẩm Cá nhân và Tinh thần Dân tộc.***



## Ngày Giỗ Tổ

### CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ VIỆT NAM

#### 1.- Thời đại đồ đá

#### 2.- Thời kỳ cổ đại (2879-111 TCN)

##### 2.1 Kỷ Hồng Bàng (2879–258 TCN)

- 2.1.1 Nước Xích Quỷ
- 2.1.2 Nước Văn Lang

##### 2.2 Nhà Thục (257-208 hoặc 179 TCN)

- 2.3 Nhà Triệu (204-111 TCN)

○

#### 3.- Thời kỳ Bắc thuộc (111 TCN–938 SCN)

##### 3.1 Bắc thuộc lần 1 (111 TCN–40 SCN)

##### 3.2 Hai Bà Trưng (40–43)

##### 3.3 Bắc thuộc lần 2 (43–544)



3.4 Nhà Tiền Lý (544–602)

3.5 Bắc thuộc lần 3 (602–923 hoặc 930)

3.6 Ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam

**3.7 Thời kỳ tự chủ (905–938)**

3.7.1Họ Khúc (905–923 hoặc 930)

**4.- Thời kỳ quân chủ (939-1945)**

**5.- 1945 tới nay: Thời kỳ CSVN độc trị.**

## CHƯƠNG BỐN

Chúng tôi trích dẫn hai đoạn trên của Ông Đào Duy Anh và của Ông Viên Như với mục đích dẫn chứng về Biên giới địa vực của người Việt cổ tức là Bách Việt đã sống và xây dựng Văn hoá nơi đó trong thời Huyền sử. Cả hai đoạn trích đều cho biết thời Huyền Tổ chúng ta kết tinh Văn hóa là ở vùng Trung nguyên bên Tàu, vùng bình nguyên giữa hai con sông Hoàng Hà và Dương Tử, đó là một trong 3 vùng Nông nghiệp lớn trên Thế giới, không những thế mà nền Văn hoá của Tổ Tiên chúng ta cũng đã được thai nghén từ nền Văn hoá Hoà bình tại Thái Bình Dương .

Mặt khác, chúng tôi lại tìm được những Di chỉ Văn hoá của Huyền Tổ và Quốc Tổ ở Tỉnh Phú Thọ, tại miền Bắc Việt Nam, đó là **Quần Thể Di tích Đền Hùng** trong đó có Đền của hai Vị **Huyền Tổ Phụ Lạc Long, Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ và Đền Quốc Tổ Hùng Vương**.

Chúng tôi không có cái may mắn được tới hai vùng đó để nhận rõ phân nào Di tích xưa, nên xảy ra cái thắc mắc, khi xưa, khi xưa, Huyền Tổ chúng ta ở bên Trung hoa mà sao những Di tích Huyền sử và Lịch sử lại được xây dựng cả một Quần thể ở miền Bắc Việt Nam.

Theo Stephen Oppenheimer trong cuốn Địa đàng Phương Đông thì Lúc xưa người ta tin rằng **chuyến Tàu Văn minh tốc hành từ Bắc xuống Nam**, nhưng sau này qua cuộc Biển tiến cũng như việc đo xương bằng C14 thì người ta nhận ra **chuyến tàu Văn minh tốc hành lại từ Nam lên Bắc**, nghĩa là cuộc truyền bá Văn hoá là từ Việt Nam lên Trung hoa. < xem ( 1 ) >.

( Cuộc Di cư của cư dân tại Thái Bình dương khi nước biển dâng cao nhận chìm nền Văn hoá Hoà bình tại Thái Bình dương ).

Chúng ta lại biết niên đại từ Thời Hồng Bàng tới nay là 4898 năm còn Lịch sử Tàu được bắt đầu từ Hiên Viên Hoàng Đế cách sau họ Hồng Bàng là 182 năm.

( Theo lưu truyền thì Phục Hy xuất hiện vào lối năm 4,480 – 4,360. Thần Nông từ 3,320 -3,080. Huyền sử nước ta cũng đặt Họ Hồng Bàng vào giai đoạn này tức là 2,879, so với Hoàng Đế năm 2697 thì kể có trước 182 ( 3 X 60 = 182 ), nhưng những con số này chúng ta phải hiểu một cách co dãn theo Huyền sử như 18 đời Hùng Vương . . . )

( Việt Lý Tổ nguyên . Ba đợt Văn minh . Kim Định ) )

Vậy Văn đề được đặt ra là **Quần thể Di tích Lịch sử Đền Hùng** được các **Huyền Tổ** xây dựng trước khi di cư lên Vùng Trung nguyên bên Tàu do nạn **Biển tiến** thời Hồng Thủy để xây dựng

nước Văn Lang, hay là do sự bách hại của nòi Hoa Hán về sau mà con cháu của Tổ Tiên Lạc Việt mới thiên di xuống miền Nam mới dựng xây nên.

Đây là vấn đề cần đến nhiều công nghiên cứu thêm, nhưng nay chúng tôi chỉ hạn chế trong việc **tìm hiểu môi sinh Tinh thần của Tổ Tiên** để phục hoạt lại tinh thần Dân tộc hầu đáp ứng cho nhu cầu khẩn thiết hiện nay.

*Nhìn qua quá trình Lịch sử, không kể thời Tiền sử hay Huyền sử, Dân tộc Việt khởi*

*đầu xây dựng nền tảng Độc lập khởi từ Họ Hồng bàng. . . rồi hai Bà Trưng, Bà Triệu. tới Ngô Quyền. Mãi tới nhà Lý mới xây đắp được nền tảng vững chắc cho Quốc gia. Nhà Trần với những chiến công hiển hách bảo vệ quốc gia, nhà Hậu Lê với can trường quyết tử để quyết sinh.*

*Đến nhà Nguyễn Tây sơn thì nguồn sức mạnh Văn hóa bùng lên rồi vụt tắt dần. Từ đó về sau thì Tinh thần Dân tộc ngày một lụi dần. Nguyên do suy đồi là do sự cai trị hà khắc của Tàu qua 3 lần Bắc thuộc cùng với nhiều cuộc chiến lớn nhỏ làm cho nội lực Dân tộc cạn dần.*

*Thời kỳ Bắc thuộc bị ảnh hưởng của nền Văn hóa Du mục Hán Nho. Hán Nho có bản*

*chất Bạo lực luôn gây Chiến tranh để Cướp bóc và Bành trướng làm cho Vương đạo ( Khoan hòa nhu thuận ) Việt Nho bị phai mờ dần, tình trạng mất Gốc khởi đầu từ đây.*

*Tiếp đến thời kỳ Pháp thuộc vì bị choáng lòa bởi Văn minh Tây phương, chẳng phân*

*biệt được Gốc / Ngọn ra sao, nên rước cái Văn hóa Duy lý một chiều cùng với tinh thần Văn chương lãng mạn Pháp, trong khi đang bị áp bức và đói meo, thế mà vẫn than Mưa khóc Gió, ru ngủ cùng Mây, chưa lo sống đã lo chết, thì làm sao mà thoát được cảnh bị đọa đày.*

*Tiếp đến thời sau năm 1945, Hồ Chí Minh và đồng bọn CSVN, do Lạc Hồn Dân tộc*

*nên trịnh trong khiêng Mác Mao, Lenin, Stalin lên Bàn Thờ Quốc Tổ mà kính thờ, nên mới bị kẻ thù truyền kiếp xiết vòng Kim Cô vào cổ, buộc phải theo lệnh quan Thầy mà đem cái Chủ thuyết tàn bạo vô luân, một mặt tiêu diệt nền tảng Văn hóa khoan hòa nhu thuận của Tổ Tiên, đồng thời trừ khử lần mòn cho hết thành phần Tinh hoa của Dân tộc trong những cái gọi là Phong trào cải cách Xã hội man rợ, hiện nay công việc tiêu diệt thành phần yêu nước VN còn đang được CSVN xúc tiến hơn bao giờ hết. Công việc Tiêu diệt tinh hoa Của Việt Nam là mục tiêu ngàn đời của nòi Hoa Hán nhằm Tiêu diệt một Dân tộc kiên cường đã chống lại chúng suốt 4716 năm, kể từ Hiên Viên Hoàng Đế là Thủy Tổ của các nhà cầm quyền Tàu, nhưng do bị cảnh 10 đánh một, nên Việt Nam không chột cũng què /*

*Lại nữa, do bỏ Gốc mà lại không học được tinh hoa của người ta, mà chuốc lấy những*

*thứ cặn bã của bên ngoài, chẳng những không giúp gì mà chỉ đem lại tai họa thêm cho Dân tộc . Khi mỗi thành phần rước được những thứ lạ khác vào, không đồng hóa nổi mà cứ ôm khư khư lấy mà cho là độc nhất, nhất là độc được Mác Mao, đó là Dị khí của nhau nên gây ra cảnh tương thù, lý do là vì Lòng hẹp quá, không bao dung nổi nhau, và Trí lại nông nên không thông*

cảm được nhau, nên cứ tranh cãi hơn thua nhau mà tan đàn xẻ nghé, có một số chưa nghe người này nói mà đã cãi và nhau ầm lên, lối hành xử Duy lý cực đoan cứ giam hãm Dân tộc mãi trong cảnh **Đàn Cua bị nhốt trong giỏ đậy nắp**, đàn Cua cứ lầy càng kẹp nhau, mà không lo tìm cách mở nắp giỏ thoát thân, ngày nay CSVN đã có một đội quân phản biện nguy hiểm để văng tục nói phét hầu đậy nắp giỏ cho chặt.

Vì ôm chặt lấy Dị khí ngoại lai, nên con dân Việt Nam không còn nhận ra nhau là Đồng bào, mỗi thành phần cứ tự cao tự đại về cái sở đắc của mình mà dành hơn thua, cứ mưu mánh chà đạp lên nhau, cứ viết lách chửi rủa nhau, không còn nhìn ra nhau là dòng dõi của nòi cao quý Tiên Rồng nữa, **Tiên Rồng là Dịch lý tức Thiên lý, Bỏ Dịch lý thì đánh mất sự Hoà chung đem lại Tiến bộ trong trạng thái luôn Ổn định mà sinh tồn và phát triển.**

**Trong ngày đầu của cái gọi là Cách mạng Mùa Thu, CSVN đã lưu manh dùng**

**nền Văn hoá ngàn đời của Tổ Tiên để lừa thành phần Bần có ít hiểu biết đi theo Kách mạng, CSVN dùng họ làm “ số đông “ hầu tiêu diệt các thành phần Trí thức, Địa chủ, Công thương gia nhất là thành phần Lãnh đạo Tinh thần của các Tôn giáo, họ là cột trụ của dân tộc, đây là âm mưu thâm độc của Tàu, suốt dòng Lịch sử, Tàu không khi nào ngưng âm mưu tiêu diệt Dân tộc Việt Nam, phỏng chúng ta cứ tiếp tục sát phạt nhau cho đến ngày nhắm mắt buông tay để làm nô lệ Tàu, hay quay trở về với Tinh thần Dân tộc, bỏ đi những cái Dị biệt vật vãnh, những cái Bất đồng cá nhân mà quay lại với nhau theo Tinh Nghĩa Đồng bào mà cùng nhau xây dựng lại Tinh thần “ Chí Nhân Dân tộc “ để thực hiện “ Đại Nghĩa Quốc gia “ hầu cho cuộc sống có chút ý nghĩa hay chỉ chìm nhau chết đuối trong vũng nước chân trâu?**

**Mỗi Con Dân không có tinh thần tự Chủ, tự Lực, tự Cường, một Dân tộc không có Tinh Nghĩa Đồng bào thì khó mà dựng được Quốc gia an ninh phồn thịnh. Đừng có mong Pháp trị mới cứu và Dựng được nước, vì con Người thực hiện Pháp trị phải thực sự có lòng Yêu thương Dân tộc và có khả năng thi hành Pháp trị theo nẻo Công chính thì Pháp trị mới có hiệu lực, Pháp trị chỉ có hiệu lực khi con người dùng Pháp trị phải có Tinh Người và có Kiến thức rộng mới biết cách thực thi Công lý xã hội, còn con Người là con Vật Kinh tế thì chỉ giỏi việc Cướp Của và giết Người mà thôi!**

**Con Dân tự Chủ và Tinh thần Đoàn kết Dân tộc mới là đôi Đũa Thần Cứu nước và Dựng nước, chúng ta không thể lờ đi, chạy quanh hiện tượng xã hội rối ren mà la hò đa Đảng đa Nguyên chỉ là chuyện vô bổ!**

**Chỉ có cuộc Cách mạng Tinh thần để Canh tân cuộc sống toàn Dân theo “ Nhân Nghĩa “ và đồng thời Chấn hưng “ Tinh Nghĩa Đồng bào “ thì mới mong Cứu và Dựng nước được thành công.**

**Xem qua công trình xây dựng “Hạ tầng Cơ sở tinh vi “ và “ Thượng tầng kiến trúc đầy Tinh thần cao cả “ của Tổ Tiên xưa, “ những công trình lớn lao và đầy ý nghĩa này “ chẳng những không què mùa lạc hậu, mà còn là không kém thua bất cứ nền Văn hoá nào trên thế giới, chỉ vì nạn “ Dĩ Cường Lãng Nhược “ của Tàu và của Pháp đã làm nhận chìm lần Tinh thần nền Văn hoá ngàn xưa của Cha ông, lại thêm vì không hiểu rằng Việt Nam cũng có Văn hoá, nên cuộc đả phá Nho qua Vua quan hào lý xưa của Tự lực văn đoàn làm cho Dân tộc**

*lánh xa Việt Nho. Việt Nho chính là Hùng khí của Dân tộc từ Thời Hùng Vương đã giúp Dân tộc có Nội lực dựng nước và chống với kẻ thù khổng lồ suốt 4716 năm nay ( kể từ Hiên Viên Hoàng Đế của nền Văn hoá Du mục Tàu ).*

*Vậy muốn vùng lên vực dậy trước hết chúng ta phải chấn hưng lại Tinh thần chung của Dân tộc để đoàn kết với nhau, đồng thời học thêm những chiến lược và Chiến thuật xây dựng chế độ Dân chủ các nước Văn minh mà vùng lên vực dậy với năm châu bốn biển, chứ không còn là thời gian chỉ lo phản biện vặt với nhau, cũng như làm chuyện vặt như “ Gà què ăn vắn cối xay “!!!*

## **E.- KẾT LUẬN**

### **I.- Kính Dâng Lời Cảm Tạ**

*Tuy đã ngoài cửu tuần, chúng con đã sống nhiều nơi cả ba miền Bắc, Trung, Nam VN, cũng như nhiều nơi trên thế giới, thế mà nay mới được Ông Trên soi sáng, được dịp quan chiêm Hạ tầng Cơ sở của Tổ Tiên nơi Quần thể Di tích đền Hùng, với nhiều Đền đài tưởng niệm, Đền đài nào cũng có kiến trúc thật tinh xảo mang theo nét “ Công duyên đáng của Việt tộc “ , cùng với đặc trưng Văn hóa , cứ nhìn vào Điện Thờ cũng như kiến trúc Đền Giếng thì rõ.*

*Cơ đồ lại được xây dựng nơi Sơn thanh Thủy tú rất hùng vĩ, nơi gọi hứng cho môi trường “ Thiên Địa Nhân hòa nhiên nhất thể “, do đó mà Nho đã Định nghĩa “ Thông Thiên Địa nhân viết Nho “đồng thời được đọc Tinh thần Thượng tầng Kiến trúc nơi Ngọc Phả uy hùng, lại thêm Di huấn cao minh của Quốc Tổ, chúng con vô cùng xúc động với niềm thao thức khôn nguôi, giúp nhận ra Ông cao dày của Thượng Đế, Huyền Tổ và Quốc Tổ.*

---

*Nhân dịp Tết Quý Hợi vừa qua, chúng con lại có dịp ôn lại hai Di chỉ khá quan trọng khác mà Tổ Tiên đã nhắc nhở trong Tục lệ tự ngàn xưa, mà ngày nay cháu con đã không còn nhận rõ hết ý nghĩa, đó là Tục cúng Ông Táo và đốt Pháo ngày Tết.*

*Trước khi đi vào, thiết tưởng chúng ta cần nhắc lại vài điều là Vũ trụ chúng ta đã được sáng tạo bởi nguồn Tình Yêu, Khoa học gia Einstein đã thu tóm vào Công thức;  $E = mc^2$  ( E là năng lượng, m là khối lượng Vật chất có thể biến ra năng lượng, c: là tốc độ ánh sáng  $v = 300,000$  km/sec. ( Trong bức thư Einstein gửi cho con gái )*

*Ngày nay Khoa học nhận ra Vũ trụ của chúng ta chỉ là Trường năng lượng ( Energy field ), với năng lượng ba động ( energy vibration trong The wisdom of your cells ) mỗi tế bào của cơ thể chúng ta có khả năng hấp thụ và phát ra năng lượng ba động, năng lượng ba động tạo nên Tần số, khi chúng ta suy tư cũng phát ra tần số , suy tư của Tổ Tiên chúng ta cũng phát ra tần số hiện đang phảng phất khắp nơi, do đó mà nếu chúng ta suy tư giống như Tổ Tiên thì chúng ta sẽ bắt gặp được Hồn Thiêng Sông ( Nghĩa ) Núi ( Nhân ).*

Từ xa xưa thời Viêm Đế, Tỳ Tổ chúng ta đã nhận ra Phương Nam thuộc hành Hỏa là nguồn của năng lượng do Thượng Đế sáng tạo ra để nuôi sống vạn vật, do đó mà ngoài việc thờ Thượng Đế Tổ Tiên chúng ta còn có **Tục lệ cúng Ông Táo** và **Tục Đốt pháo ngày Tết** để nhắc nhở Cháu Con về nguồn gốc của sự Sống.

## II.- Tập tục ghi nhớ Ôn Thượng Đế

### 1.-Tục đốt Pháo ngày Tết

Tổ Tiên chúng ta làm nghề Nông, qua thời gian dài đã nghiệm ra, năm nào vào **mùa Xuân mà có sấm sét** thì năm đó “ **hoà cốc phong đăng** “, nhưng không giải thích rõ theo Khoa học được. Ngày nay chúng ta đã có câu trả lời rõ ràng.

Sấm là thành phần của không khí có hai khí Nitrogen và Oxyen, khi trời mưa có tia Sét nổ ( làm Xúc tác ) tạo ra tiếng Sấm, thì hai khí N<sub>2</sub> và O<sub>2</sub> mới hoá hợp với nhau thành khí NO<sub>2</sub> ( Nitric oxide ), NO<sub>2</sub> hợp với H<sub>2</sub>O thành NO<sub>3</sub>H ( Nitric acid ). NO<sub>3</sub>H này thấm vào lòng đất, tác dụng với khoáng chất trong đất tạo thành các Nitrate, Nitrate là thức ăn của Lúa và cây cối, do đó mà cây cối thảo mộc đơm hoa kết quả để nuôi sống con Người, đó là cách Thượng Đế nuôi Nhân loại.

Do đó mà Tổ Tiên chúng ta mới tạo ra Pháo nổ tương tự như sấm sét để nhắc nhở, để đầu Năm mới cầu xin Thượng Đế đổ ơn mưa móc cho con Người được sống no đủ an vui.

### 2.- Tục Cúng Ông Táo

Việc nào cũng có Đầu có Đuôi, đã có Tục đốt Pháo là vào dịp Cầu xin Đầu Năm mới, thì phải có Tục cúng ông Táo vào Cuối năm để đưa Ông Táo về Trời trình tâu với Ngọc Hoàng hầu Ngài biết Nhân gian ăn uống và sống như Thế nào.

Tổ Tiên đặt ra câu chuyện “ hai Ông với một Bà “ cùng chết cháy trong đồng rom, đó chỉ là tượng trưng cho việc sống chết của con Người đều do ngọn lửa năng lượng.

Hai Ông một Bà tượng trưng cho 2 nét Dương và một nét Âm lập thành Quẻ Ly ( Đã có hình ở trên ) của Tỳ Tổ Viêm Đế, Ly là Lửa, Lửa là một dạng năng lượng mà Thượng Đế cung cấp cho mỗi Gia đình nấu ăn để sống hàng ngày, Văn hoá Việt có Toại Nhân là Tổ sáng tạo ra Lửa. Không có năng lượng, không có Lửa thì Nhân loại sẽ bị tiêu diệt. Thượng Đế lo mọi sự cho con Người, người Công giáo gọi Thượng Đế là Đấng Quan phòng ( Providence ) , Đấng chăm lo mọi sự cho Nhân loại.

Hai tục trên cũng là cách Tổ Tiên chúng ta lưu ý Con Cháu luôn nhớ tới Đấng đã chăm lo cho sự sống của con Người, để giúp con Người Biết Ôn, hầu sống sao cho xứng với Lòng Thương của Đấng Thượng Đế. Biết Ôn là yếu tố vô cùng quan trọng cho sự sống mỗi con Người.

### III.- Lời Khấn Cầu đầu Năm

*Nhân dịp đầu năm mới, Đồng bào chúng ta nên nhắc nhở nhau dâng lời Tạ Ôn và nguyện cầu Ôn Trên ban Ôn mưa móc cho Dân tộc chúng ta, nhất là cầu xin rước Hồn Thiêng Sông Núi trở về với Đồng bào, với chính Mình, giúp con Dân Việt Nam vươn lên vực dậy khỏi cánh đồng lầy lội hiện tại để có cuộc sống an vui và đồng thời làm rạng danh Tiên Tổ .*

*Để thực hiện được ước nguyện trên thì vấn đề Tiên quyết Dân tộc chúng ta phải rời xa lối sống “**Viện thủ chư vật**” ( xa nếp sống ý lại, trọc Vật, trồng cây vào cái Ngọn người ngoài, do bỏ Gốc Tổ ) mà phải bám chặt vào nếp sống “**Cận thủ chư Thân**” : Đặt niềm tin vào Chính mình, vào Dân tộc mình, vào Tổ Tiên mình mà cùng nhau vươn lên vực dậy .*

*“ Theo T. G. Kim Định thì: “ Nền Minh triết chân thực là : **Tri Viễn chi cận. Tri Phong chi tự. Tri Vi chi hiển** ( T. D, 33 ) : Biết cái Gần của cái căn cơ Xa thẳm. Biết chỗ Ngọn Nguồn do lái của Luồng gió. Biết được chỗ Tế vi của những cái đã Hiển hiện ra trước mắt.*

*Có thể mới nhận ra:*

**“ Thiên hạ chi Bỗn tại Quốc. Quốc chi Bỗn tự Gia. Gia chi Bỗn tự Thân** ( Mạnh Tử IV. 5 ):

*Gốc của Thiên hạ là ở Đất nước. Gốc của Đất nước là ở tại Gia đình. Gốc của Gia đình là tự nơi Bản thân mình., do đó mà mọi người phải:*

**Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên:** Trở lại với Bản Thân không vui nào bì kịp. Bì sao kịp vì lúc ấy con Người tìm lại được sự Thống nhất nguyên sơ tròn đầy viên mãn, đem lại mọi sự hoan lạc siêu việt khôn tả.”

*( Tâm Tư. Kim Định tr. 136 và 308 )*

**Đó là nguyên nhân của mọi tai họa là do Mình đánh mất Chính Mình, gây nên cảnh tan nát Gia đình, và rối loạn Xã hội, chỉ vì cái nạn Lạc Hồn Dân tộc mà ra.**

**Việt Nhân**

## Tham khảo

### 1.- Chứng cứ Khảo cổ học về Chuyển tầu Văn hóa từ Nam lên Bắc

“ Nghiên cứu vào thời đồ đá mới, người ta thấy cư dân trên lãnh thổ Việt Nam thuộc hai đại chủng Australoid và Mongoloid với các loại hình hỗn chủng, giữa chủng cộng cư với nhau trong đó Indonésien và Malanésien là hai thành phần chủ yếu. Nhưng sang đến thời kỳ văn hoá Đông Sơn, trong 32 cốt sọ được nghiên cứu, thì tuyệt đại bộ phận thuộc đại chủng Mongoloid. Sọ Australoid là thiểu số. Vậy phải chăng so với thời đại Hòa Bình, Bắc Sơn, thời kỳ đồng sắt Đông Sơn, người Mongoloid đã là thành phần chủ yếu. Người Australoid và những hỗn chủng do hai đại chủng này mà ra như Indonésien, Malanésien . . . mất dần trên phần đất nước này. Thời đại đồ đá, thuộc văn hoá Hòa Bình và Bắc Sơn có những niên đại C14 đã được quốc tế công nhận như sau :

#### Tiền Sơn Vi

35000 năm ( Boriski 1977 ) Nậm Tùm ( Phong Khê, Lai Châu )

#### 1.- Văn hóa Hòa Bình I

**Thảm Khương ( Hòa Bình ):** C14 = 33.000 năm +/- 2500BP. 1950 ( Bln -1412/II )  
( BP : trước ngày nay ; BC : Trước kỷ nguyên )

**Thảm Khuyên:** 32100+/-250BC

**Lạng Sơn:** 33000+/-250BC

**Mái Đá Đều ( Thanh Hóa ):** 19700 năm +/-150BC ( Đặng Hữu Lưu 1986 )

#### Văn hóa Ngườm

**Mái Đá Ngâm ( Bắc Thái )** 23100 300 ( 1500)

#### Sơn Vi

**Ông Quyền ( Mai Châu, Hà Sơn Bình ):** 18390 +/- 125BP ( 1950 ) Bln-1735/I  
18180 +/-125 BP.BLn -1735/II

17470+/-125 BP. Bln-1855/I

18300 +/-125BP. Bln -1855/II

**Núi Một ( Thanh Hóa ):** 13080 +/- 115 BP. Bln -1844/I

14665 +/-150BP. Bln -1844/II

**Con Moong ( Thanh Hóa ) :** 11840 +/- 75BP ( 1950 ) . Bln- 1713/II

11755 +/-75BP . Bln -1713/I ZK379

**Hang Pông ( Sơn La ):** 11300+/- 180BP. BLn -1351

11915 +/-120BP.Bln - 1352.

#### Hoa Nam

**Bạch Liên Động ( Quảng Tây ) :** 19910 +/- 180BP ( BK 82097) . Tạ Sùng An 1987

**Lý Ngự Chủ ( Liễu Châu ):** 12800 +/-180BP. Đông Ân Chính, 1989 .

**Bạch Nham Cước ( Quảng Tây ) :**14200 +/-200BP

**Độc Thạch Tú ( Quảng Đông, lớp 2 ):** 14260 +/-130BP. BK83016 .

**Bảo Tích Nhâm:** 11670 +/-150BP. BK 83016.

#### 2.- Hòa Bình II

**Xóm Trại ( Hà Sơn Bình ) ,** C14= 18.00 năm +/- 150BC.

**Làng Vành, Lớp 1( Hà Sơn Bình ) ,** C14 = 16.470 năm +/- 80BP.

**Độc Thạch Tử ( Quảng Đông ) :** 11500BP. Khâu Lập Thành, 1982 .



**Hoàng Nham Đông ( Quảng Đông ):** 10950 300BP  
**Tiểu Nhâm Động ( Giang Tây ):** 19870 210BP ( ZK 39 )  
**Tăng Bì Nham. ( Quế Lâm, Quảng Tây ):** 9910 180 BP. Tạ Sùng An 1987  
**Báo Tử Đầu ) Nam Ninh, Quảng Tây ) :** 10000 BP. Chung Độc Tự Trị khu.  
**Hà Lôì Động ( Đái Loan ):** 10000 -7500 BP. Đái Quốc Hoa 1987

### **3 .- Hòa Bình III**

**Sùng Sàm ( Hà Sơn Bình ):** 11365 năm ( Bln -1541/ I )  
**Thẩm Hoi ( Nghệ Tĩnh ):** 10875 năm +/- 175BP .  
**Hang Chùa ( Nghệ Tĩnh ) :** 9325 năm +/- 120 BP. ( 1950 )  
**Hang Đẳng ( Cúc Phương ) :** 7580 năm +/- 100BP ( Bln 913 / II )

#### **Bắc Sơn ( Thái Nguyên )**

**Bò Lúm ( Lạng Sơn ) :**10295 200BP. Bln -1001/II  
9990 200BP . Bln 1001 /I  
**Bó Nam ( Hang Kép Phày, Lạng Sơn ) :** 7960 60BP ]. Bln -915/I  
7875 60BP . BLn -915.  
**Thẩm Hai:** 9705 80BP  
**Đa Bút ( Thanh Hóa ):** 6095 60BP. Bln -1407.  
**Cái Bèo I, II & III ( Đảo Cát Bà , Hải Phòng ):** 5645 60BP ( 1973 ) ZK-328.0.  
**Quỳnh Văn ( Nghệ Tĩnh ) :** 4785 75 BP. Bln – 914./I.  
4730 75 BP. Bln – 914/II  
**Phôi Phôi, Nghi Xuân, Nghệ Tĩnh, phía Nam**  
**Bàu Tró, Bình, Trị , Thiên**

#### **Ngưỡng Thiều**

**Hou Kang ( An Giang, Hà Nam ):** 5485 105 ( Trước 1950 ) hay 3535 105BC

#### **Long Sơn**

**Long Sơn. Miao – Ti –Kou, Hà Nam:** 4260 95 ( Trước 1950 ) hay 2310 95BC.  
**Ho – Mu- Tu, Yui – Yao, Chiết Giang:**6085 100 ( Trước 1950 )  
**Lin Chia Shao, Thượng Hải:** 5875 185 ( Trước 1950 )  
**Ma – Chia – Yao. Ts'ao – Chia – Tsui :** 2575 100 BC.

#### **Long Sơn**

**Shuang – To – Tzu ( Cực Đông ):** 2000 95BC hay  
**Lutu, Liaominh:** 3950 95 BC

**Ma – Chia – Yao ( Ts'ao chia – Lan chou. Cam Túc ( Cực Tây ):** 2575 100BC

Bằng vào sự tiến bộ của khảo cổ học bằng phương pháp dùng tia phóng xạ C14, chúng ta biết chắc miền Bắc Việt Nam là một cái nơi cổ, có thể là cổ nhất của người Nam Mongoloid, trước cả những trung tâm cổ ở Trung Hoa. Mặt khác, con cháu người Sơn Vi cũng có thể gọi là tiền Hòa Bình đã tụ hội ở Vĩnh Phú từ nhiều chục ngàn năm trước, tại sao lại mất tích vào khoảng 10.000 năm cho đến 6.000 năm cách ngày nay. Họ đi đâu? Về hiện tượng nội tại, điều đáng lưu ý nhất xảy ra tại châu thổ sông Hồng, thời kỳ này là biển tiến. Nếu trước kia khi trái đất chưa thuần về nhiệt độ, lúc quá nóng, lúc quá lạnh, hiện tượng biển tiến lui có thể rất thất thường, có thể lúc xuống cả 100 thước, lúc lên cũng hơn 100 thước. Bằng cứ là đã có những vết tích biển xưa ở

ngang tâm các núi đá từ Đông Triều, Phả Lại ngược lên đến vùng Vĩnh Phú cách mực nước biển hiện nay cả 40, 50 thước. Nhưng từ khi loài người xuất hiện, khí hậu tương đối đã thuận, mực nước biển khi rút thấp hơn mực nước biển hiện tại hay cao hơn chút ít mà thôi. Mực nước biển tiến cuối cùng đã được R.W. Fairbridge nghiên cứu năm 1958 và đưa ra một sơ đồ về nước biển. Biểu đồ cho thấy vào khoảng độ 12.000 năm trước, mực nước biển ở dưới mức 40 m so với biển hiện nay. Cho đến khoảng 1.000 năm trước hiện nay, mực nước biển đã cao hơn bây giờ độ 3 m. Con người Sơn Vi đã xuất hiện như đã tìm thấy di tích ở hang Ông Quyền ( Hà Sơn Bình ) mà niên đại C14 là 18.390 năm +/- 120BP so với ngày nay ( Bln 1735/I ). Họ có trước mặt một cánh đồng rộng mênh mông, vì mực nước biển lúc đó cách bờ biển hiện nay khoảng 100 m, kéo dài quá Bái Tử Long và có thể đến tận đảo Hải Nam . Sống trong một môi trường thiên nhiên hết sức thuận lợi, tất họ đã có một đời sống tốt đẹp và đã đạt được những thành tựu văn hoá nào đó. Khi nước biển bắt đầu tiến, dù chậm, nhưng từng bước họ đã nhận thấy những công trình của họ dần dần bị chìm dưới nước biển, và đời sống càng về sau càng bị đe dọa. Trong hoàn cảnh đó, việc họ phải đi tìm một đất sống mới, mà phương Bắc là một giải đất mênh mông, băng hà đang tan dần, càng ngày càng thuận tiện cho cuộc sống, phải chăng đó là một giả thuyết hữu lý. ”  
( *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam: Tập san Tư tưởng ngày 15 tháng 4 năm 1999. Cung Đình Thanh*).

“ Nói tóm lại, về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, đã đến lúc chúng ta phải đặt vấn đề với giả thiết Bắc xuống Nam và nghiêm túc **thử nghiệm giả thiết Nam lên Bắc**. Thực ra, chúng ta cũng chẳng còn quyền lựa chọn nào khác, vì khoa học, nhất là khoa Di truyền học, đã lựa chọn giùm chúng ta: Khởi thủy, người hiện đại ( Homo Sapiens – Sapiens ) từ Đông Phi đến Đông Nam Á; rồi từ đó họ tiến lên phía Bắc. Sau vì có sự phối hợp với chủng từ Tây Bắc xuống, họ hợp thành cái cốt lõi của dân sống ở Trung quốc ngày nay . Đó là giai đoạn Nam lên Bắc. Giai đoạn này , khoảng từ 40.000 năm cách ngày nay cho đến 3.000 năm cách ngày nay, thì Trung hoa bắt đầu có loạn Xuân Thu – Chiến Quốc. Đến khi nhà Tần thống nhất Lục quốc, nhất là khi nhà Hán cai trị Trung nguyên, những dân tộc thuộc đại tộc Bách Việt ở các nước lưu vực sông Dương Tử, không chịu sự đồng hoá của người Hoa Hán đã đi dần về phương Nam. Một số những người thuộc nhóm này đã sáp nhập với dân Lạc Việt . Giai đoạn này cũng kéo dài cả ngàn năm, nhưng những thiên di từ đời Tần đến đời Đông Hán ( Khoảng 3.000 năm trước CN đến 100 năm sau CN ), có lẽ là quan trọng hơn cả. Chúng tôi tin đây có thể là kết luận về nguồn gốc dân tộc Việt Nam cũng là nguồn gốc văn minh Việt ”  
( *Nguồn gốc Văn Minh và nguồn gốc dân tộc Việt Nam: Tập san Tư tưởng, tháng 6 năm 2002. Cung Đình Thanh* )

“ Tuy nguồn gốc loài người hiện đại vẫn còn nhiều nghi vấn, thuyết một gốc có cơ sở phù hợp với các chứng cứ khảo cổ xương hoá thạch và sinh hoá học hơn cả. Theo giả thuyết này người hiện đại phát sinh từ miền Đông châu Phi cách đây vào khoảng 200.000 năm. Nhóm người này đi dần lên phía Bắc, định cư tại Tây Á khoảng 100.000 năm trước đây và sau đó toả đi khắp thế giới theo 3 đợt di dân chính: Nam Á và châu Úc, Đông Á ( sau đó là châu Mỹ ) và châu Âu. Tổng hợp những phát kiến khoa học trong thập niên 1990, ta có thể tạm kết luận: Người hiện đại từ Tây Á di dân qua ngã Đông Bắc Ấn Độ, đến định cư tại Miền Điện, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, miền Bắc nước Việt. . . cách đây khoảng 60.000 – 70.000 năm. Những di dân này thay thế hay hợp với các giống người Thổ dân và trở thành người hiện đại, mà các nhà nhân chủng ngày nay gọi là Nam Á ( Southern Mongoloid hay Austro- Asiatic ) . Giống Nam Á này tiếp tục đi dần lên miền Bắc, hợp chủng với người hiện đại đến từ ngã Bắc và Trung Á cũng như

thổ dân sẵn có trở thành người Bắc Á ( Northern Mongoloid ), tiêu biểu là Hán tộc sau này và tràn xuống miền Đông Nam, lai giống với người hiện đại đến từ ngã Nam Ấn và người bản địa, trở thành các sắc dân Đông Nam Á hải đảo ngày nay như Mã Lai Nam Dương, Phi Luật Tân . . . Nòi Nam Á định cư tại miền Trung quốc và Bắc nước Việt dần dần phát triển văn minh Hoà Bình và trở thành các bộ tộc Bách Việt. Nói tóm lại, người Việt Nam ngày nay có một nguồn gốc rất lâu đời ( có thể lâu đời nhất trong các nước Đông và Nam Á ) cũng như những thành tựu văn hoá rất sâu xa trong quá trình lập quốc. ”

( *Tạp san Tư Tưởng tháng 3 năm 2003, dưới tựa đề: Vài nhận xét về nguồn gốc người Việt . Trần Nam Bình Ph.D.*  )

## 2.- Chứng cứ Cổ sử về Địa bàn của các Huyền Tổ Việt

“ Trong **Đại Việt sử ký toàn thư**, cũng như trong Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, hay các bộ sử khác đều có ghi truyện nguồn gốc của Dân tộc là **truyện họ Hồng Bàng**:

“Tục truyền rằng **Vua Đế Minh** là cháu 3 đời của vua **Thần Nông** – Vua toàn cõi Trung nguyên , nay là nước Trung Hoa – đi tuần thú phương Nam , đến miền núi Ngũ Lĩnh ( nay thuộc tỉnh Hồ Nam Trung Hoa ), gặp một nàng Tiên, lấy nhau, đẻ ra một người con tên là **Lộc Tục**. Sau Đế Minh truyền ngôi cho người con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc , và truyền cho **Lộc Tục** làm vua phương Nam , lấy tên hiệu là **Kinh Dương vương**, đặt tên nước là **Xích Quỷ** .

**Nước Xích Quỷ có bờ cõi rất rộng: phía Bắc giáp hồ Động Đình ( Trung Quốc ), phía Nam giáp nước Hồ Tôn tức là Chiêm Thành sau này, phía Tây giáp nước Ba Thục ( nay là tỉnh Tứ Xuyên ( Szechwan , Trung Quốc ), phía Đông giáp biển Nam Hải ( nay là Thái Bình Dương ).**

**Kinh Dương vương làm vua từ năm Nhâm Tuất, tính ra có thể là từ năm 2879 trước kỷ nguyên, đến nay gần 5.000 năm. Kinh Dương vương lấy con gái vua Động Đình hồ là Long Nữ, đẻ ra Sùng Lãm, sau này nối ngôi cha lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ – con gái của vua phương Bắc – là Đế Lai, đẻ ra bọc 100 trứng , sinh ra 100 con: 50 người con theo mẹ lên núi, 50 người con xuống biển theo cha. Trong 50 người con lên núi theo Mẹ, người con trưởng lên ngôi làm Vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang ”.**

Theo Đào Duy Anh: “ Xét qua nguồn gốc của dân tộc Việt Nam chúng ta đã thấy rằng, **tất cả giống Việt tộc từ xưa đã chiếm ở khắp miền lưu vực sông Dương tử và miền Nam bộ Trung Hoa, là một chủng tộc rất xưa.** Chúng ta đã thấy rằng lịch sử đã từng đem họ lên địa vị vẻ vang oanh liệt ở thời các nước Sở, Ngô, Việt thay nhau xưng Bá, chúng ta đã thấy họ đã từng có cái cao vọng phát triển lên Bắc để tung hoành ở Trung Quốc và từng làm mối lo lớn cho Hán tộc trong bao nhiêu đời, chúng ta đã thấy rằng trước sức áp bức Nam tiến của người Hán, họ đã vì Văn hoá tương đối sút kém ( ? ) mà phải thua và dần dần các quốc gia và các bộ lạc của họ trước sau đều bị Hán tộc đồng hoá.

**Nhưng trong cái vận mệnh bi đát của Việt tộc ấy, chúng ta thấy có một nhóm, tức là nhóm Lạc Việt đã thoát khỏi cái nạn đồng hoá, cái nạn tiêu vong mà sống sót lại, rồi trong bao nhiêu thế kỷ, bao nhiêu nỗi đau đớn ê chề đã đào luyện họ thành dân tộc Việt Nam với một tinh thần Tự chủ mạnh mẽ .”**

( Đào Duy Anh: *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam – Quan Hải tùng thư – Nhà xuất bản Thế giới Hà Nội, 1950. tr.77* )

---

### 3.- Chứng cứ về Địa bàn Bách Việt và Dịch lý Việt

#### NGƯỜI VIỆT QUA CHỮ VIỆT 粵 – 越

VIÊN NHƯ

( *Nguồn: Trang mạng: Thôn Minh Triết* )

Nói đến người Việt hay Việt tộc người ta thường cho rằng đó là một nhóm trong dân Bách Việt. Theo các nhà nghiên cứu thì cái tên Bách Việt lần đầu tiên được ghi lại trong sách *Lã Thị Xuân Thu* của Lã Bất Vi, từ đó người ta thường hiểu rằng Bách Việt là những tộc người sống phía nam Trung Hoa (Nam Dương Tử), riêng với Lạc Việt tức người Việt Nam ngày nay thì theo sách *Thủy kinh chú* được cho là trích từ *Giao Châu ngoại vực ký* «*Thời xưa khi Giao Chỉ chưa có quận huyện, thì đất đai có Lạc Điền, ruộng ấy là ruộng (cày cấy) theo con nước thủy triều. Dân khai khẩn ruộng ấy mà ăn nên gọi là Lạc Dân. Có Lạc Vương, Lạc Hầu làm chủ các quận huyện*». Do nghĩ rằng cái tên Việt cùng với nơi sinh sống của họ (phương nam) do người Hán ghi lại nên mặc nhiên người ta nghĩ rằng người Hán có văn hóa, có chữ viết, ngược lại người Nam hay Việt chỉ là những dân tộc không có văn hóa, nếu có thì do người Hán xâm lăng rồi khai hóa cho, những gì được tuyên truyền, giảng dạy ở nước Việt từ trước cho đến nay đều mang khuynh hướng này. Ngay cả ngày nay khi ta có nhiều tư liệu khả dĩ đặt vấn đề về điều phi lí đó thì cũng chẳng mấy ai ở nước Việt tin rằng điều đó là sự thật, ví dụ trường hợp Sĩ Nhiếp, một người Hán, cai trị nước ta khoảng từ 187 – 226. Trong khi đó vào năm 247, Khương Tăng Hội, một tăng sĩ Phật giáo nước Việt đã đến kinh đô Kiến Nghiệp của Ngô Tôn Quyền để truyền đạo, dĩ nhiên ông sử dụng thông thạo chữ Nho (Hán) như Cao Tăng truyền cho biết, hay xa hơn là trống đồng Ngọc Lũ (khoảng 300 TCN), một biểu tượng văn hóa vừa vật thể vừa phi vật thể, trên mặt trống đã ghi chữ vuông. Làm thế nào mà chỉ với thời gian ngắn, một con người xa lạ lại truyền dạy cho người bản xứ cả nền Hán học, để từ đó về sau tạo nên một kho chữ với âm Hán Việt. Cũng chính vì những tuyên truyền trái với lịch sử nên ngày nay trong tư duy phần đa những người nghiên cứu về tộc Việt chia Hán phía bắc, Việt phía nam; đồng thời xem như lấy Hán làm trung tâm cho việc nghiên cứu người Việt thông qua những ghi chép bằng chữ Nho, với nhận thức đó là những tộc người ở phía nam sông Dương Tử. Có thể nói phương Bắc đã hết sức thành công trong việc định hướng tư duy người đời sau rằng có một biên giới thật sự về địa lý cũng như văn hóa giữa Nam và Bắc, trong đó Bắc là trung tâm truyền bá sức mạnh quân sự lẫn văn hóa. Đây là một nhận thức làm chệch hướng nghiên cứu về người Việt, không những về nguồn

gốc mà cả văn hóa nữa, những nghiên cứu về tộc Việt trong và ngoài nước từ trước tới nay phản ánh thực trạng này.



Bản đồ Bách Việt

Như đã đề cập trên, người Việt là một tộc trong **Bách Việt**, hầu như người ta mặc định chữ Bách với nghĩa phiếm chỉ số nhiều, vì vậy dường như chẳng ai thắc mắc cách gọi này. Theo tôi Bách là con số đến từ dịch học, như vậy Bách Việt là dân tộc làm ra dịch học, truyện Con Rồng Cháu Tiên minh định cho điều này, tuy nhiên đây là một cách hiểu, cho dù có đúng thì cũng khó thuyết phục người đọc, bởi vì ngày nay những người nghiên cứu về dân tộc thường có khuynh hướng tìm vào cách gọi hay mô tả của sách vở phương bắc, trong đó nói rằng người Việt là người nam, chi tiết này lại được hiểu một cách cụ thể là từ nam Dương Tử, đối với người Việt nam ngày nay cách hiểu này càng rõ nét hơn, vì họ thường trích dẫn cái ranh giới mà truyền thuyết Hồng Bàng Thị đã mô tả, *Tây giáp Ba Thục, Đông giáp Đông hải, Bắc giáp hồ Động Đình, Nam giáp Hồ Tôn*. Tuy nhiên người ta không để ý rằng chính trong truyền thuyết này, tiên nhân nước Việt đã nói họ đã lên sống trong bình nguyên Trong Nguồn và núi Thái từ lâu. Cụ thể truyện viết “*嫫嫫悅從龍君，藏於龍岱岩- Âu Cơ phải lòng Long Quân, đem nhau về ở núi Long Đại Nham*”, núi Đại 岱 tức núi Thái, thuộc tỉnh Sơn Đông, nam Hoàng hà hiện nay.

Theo tôi, cái tên Bách Việt hay Việt không phải do những triều đại phương bắc ghi chép lại về một tộc người ở phương nam, mà do chính người Việt ghi lại trong sách vở, về sau người phương bắc lấy làm của mình. Nói như thế có nghĩa là việc xác định người Việt là người phương nam là do chính họ xác định nguồn gốc của mình từ phương nam lên phương bắc sinh sống, chứ không phải là một dân tộc phương Nam, được phương Bắc ghi lại trên con đường khai hóa của

họ. Tuy nhiên, như ta biết, từ lâu ở nước ta hầu như phần đa đều nghĩ rằng người Việt vốn trước đây không có chữ viết, văn hóa lạc hậu, là một vùng đất xa xôi như sách vở phương bắc viết, một vùng đất mà về sau họ đã đô hộ cả 1000 năm, với con số này nó hiển nhiên chứng minh rằng những thành quả văn hóa của nước Việt là do họ khai sáng, truyền bá. Thông tin này giờ đây trở thành cố hữu, mặc nhiên, đến nỗi khi có người Việt nào cho rằng trước đây người Việt đã từng có chữ viết, cụ thể chữ Khoa đầu họ liền kết luận ngay đó chỉ là nói theo kiểu tự tôn dân tộc; đồng thời trích dẫn vôi vàng, rời rạc và kết luận chữ ấy là loại chữ không có thật.

Trong nghiên cứu này tôi tập trung vào từ âm và chữ Việt cùng thông tin chứa đựng trong tự dạng của nó nhằm cung cấp cho người đọc một quan niệm khác về người Việt (ở đây chỉ người Việt nam hiện nay) cũng như nơi mà họ đã từng sinh sống.

## I. CHỮ VÀ ÂM [VIỆT]

### 1. NGŨ ÂM [VIỆT].

Trước hết ta hãy tìm hiểu ngữ âm [việt], theo tôi, âm [越 -việt] là phái âm của [亦 - diệc], một loài chim mà người Lạc Việt lấy làm biểu tượng cho triết lý mà họ đúc kết nên sau hàng ngàn năm chiêm nghiệm tự thân và thiên giới, đó là [易 - dịch]. Đồng thời âm [dịch 易] cũng là phái âm của [diệc - 亦], có nghĩa là âm [việt 越] và [dịch 易] đều là phái âm của [diệc 亦]. Như vậy ta có thể kết luận rằng [việt] và [dịch] có một sự liên quan mật thiết với nhau, hay nói khác hơn người Việt hay Lạc Việt là chủ nhân của Dịch học.

Chính vì vậy, ta thấy chữ Dịch 蜴 còn được viết là 蚘, như Tích dịch 蜥易 cũng còn viết là 蜥蜴 hay 蜥蚘, rõ ràng 蜴 thông với 蚘 hay 易 cũng là 亦 vậy. Đến thời Khổng Tử, chính ông ta vẫn dùng chữ 亦 với nghĩa như chữ Dịch 易, cụ thể trong sách Luận ngữ, Khổng Tử viết: ‘加我数年，五十以学亦，可以无大过矣。孔子。《论语·述而》。 Gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học diệc, khả dĩ vô đại quá hỷ. Phải chi ta có thêm năm mươi năm học diệc nữa thì đâu sai lầm đến vậy.



Điều này cho thấy chữ và âm [dịch 易] phái sinh từ âm [diệc 亦] là có cơ sở, tuy nhiên, chữ Dịch được sáng tạo ra để gọi một triết lý, đó là Âm Dương, vì vậy kết cấu của nó cũng chuyên chở nội dung này. Cụ thể chữ Dịch 易 kết cấu trên Nhật 日 -Dương, dưới Vật 勿- Âm, tức Càn Khôn – Bản thể hay Vũ trụ, còn chữ Diệc 亦 một chữ tượng hình, vẽ từ con chim diệc mà ra, âm [diệc] để chỉ một loài chim, hình ảnh chữ Diệc 亦 giáp cốt văn cho thấy điều ấy, khi người ta muốn nói đến con người liên quan đến nó, họ đã chuyển phụ âm đầu [d] thành [v] từ đó ta có từ [việt].

Thực ra, theo tôi xưa kia dân ta vẫn gọi người Việt là người Diệc, hiện nay ở miền Nam vẫn phát âm như vậy. Đây không phải là âm địa phương, mà là âm cổ, tuy người Việt chỉ có mặt ở miền nam lục tỉnh khoảng 300 năm, nhưng không biết vì sao lại sử dụng một số từ rất cổ, như Cà, Diệc, Tía, Cốc, Ròng (nước lớn). Điều này cho thấy rằng các âm ấy vẫn tồn tại khi họ ở ngoài Hà Tĩnh, Nghệ An trở ra, tuy nhiên có thể vì một lý do nào đó mà họ không thể phát huy rộng rãi được, chỉ đến khi vào miền nam rồi, xa khỏi vòng kiềm tỏa của các chế độ phong kiến, họ mới phát huy rộng rãi, nói phát huy rộng rãi là vì âm ấy được sử dụng một cách thông dụng trong xã hội chứ không phải cá biệt một vài nhóm, vài nơi. Điều này khẳng định âm [việt] là phái sinh của [diệc].

## 2. CÁC CHỮ VIỆT.

Hai tiếng Việt Nam đã trở thành thiêng liêng đối với mọi người Việt, nhưng nghĩa của hai chữ Việt Nam theo chữ Nho thì không phải ai cũng hiểu nó một cách đầy đủ, lý do cho việc này là vì chữ Nho đã lùi vào quá khứ quá lâu đủ để đa số người Việt không mấy quan tâm, chỉ còn chăng là những người nghiên cứu. Tuy nhiên từ lâu ở nước ta tồn tại một suy nghĩ rằng chữ Việt 越 vốn có nghĩa không mấy tốt lành, nếu không nói là có ý khinh miệt người Việt thông qua cách hình thành con chữ. Người ta thường nghĩ rằng chữ Việt là một chữ hội ý, gồm hai chữ Tẩu 走 là chạy và Tuất 戌 là con chó, có thể suy nghĩ này đến từ hai câu trong truyện Kiều của Nguyễn Du “*Mở xem một bức tiên mai, rành rành “tích việt” có hai chữ đề*”.

Tìm hiểu chữ Việt 越 qua các tự điển xưa cũng như nay, không thấy sách nào nói chữ này được hình thành bởi hai chữ Tẩu và Tuất cả, mà thực tế nó được hình thành bởi hai chữ Tẩu 走 là chạy và Việt 戍 là cái búa lớn, cái kích. Điều đáng nói là nếu những người bình thường, không biết chữ Nho hay trình độ giới hạn thì việc hiểu nhầm còn có thể thông cảm được, đàng này có những

vị trí thức uyên bác, chỗ dựa cho nhiều người trong vấn đề học thức, thế mà cũng tắc trách, chẳng tra cứu tường tận, để rồi cũng giải thích theo kiểu chữ Việt với hai chữ Tẩu và Tuất như đã nêu trên, như trường hợp Phạm Cao Dương- Nguyễn Hữu Lễ – Huy Việt Trần Văn Hợi mà tác giả Lê Văn Ân đã đề cập trong bài Việt 粵 và 越 trang anviettoancau.net. Điều này cho thấy cái tâm thế nhược tiểu, tự ti của những người tin tưởng vào sự tuyên truyền của phương bắc.

Tìm hiểu về chữ Việt, chỉ người Việt, từ trước đến nay thông thường ta có hai chữ: 粵 và 越, tuy nhiên, theo tôi, trong lịch sử tiến trình hình thành chữ Vuông có nhiều chữ Việt, mỗi chữ thể hiện một ý nghĩa khác nhau thông qua sự biểu ý của con chữ, có nhiều chữ trước đây có thể là chữ Việt hay liên quan đến chữ Việt sau đó chuyển âm, xin trình bày tuần tự từng chữ theo thứ tự sau:

**1. 𠂇, 𠂈, 于 . 𠂇 𠂈 𠂉 於 2. 戌, 3. 粵, 4. 越, 5. 越.**

**1. VIỆT 𠂇, 𠂈, 于, 𠂉, 於.** Khảo, khuy, vu, vu, u.

Các chữ này trong quá khứ có một sự gần gũi hay dùng thay thế với chữ Việt 粵, 越.

**Thuyết văn giải tự:**

1.1. 粵. 𠂇也. Việt. Khuy dã. Việt . (Chữ)Khuy vậy.

1.2. 𠂇. 於也. 羽俱切. 今變隸作于.

Khuy. Ư dã. Vũ cu thiết. Kim biến lệ tác vu.

Khuy. (Chữ)Ư vậy. Đọc là Vu (V – u). Nay chữ lệ là Vu 于.

1.3. 于 . 𠂇 𠂈 𠂉 於. 鄭注經皆云. 𠂇、於也. 凡經多用于. 凡傳多用於. 而烏鳥不用此字.

Vu. Khảo, khuy, vu, u. Trịnh chú kinh giai vân. Khuy, u dã. Phàm kinh đa dụng vu. Phàm truyện đa dụng u. Nhi ô điều bất dụng thử tự.

Vu. Là (chữ)Khảo, khuy, vu, u. Trịnh chú kinh đều viết. (Chữ) Khuy, (chữ) u vậy. Phàm kinh phần nhiều dùng chữ Vu. Phàm truyện phần nhiều dùng chữ u. Quạ, chim thì không dùng chữ này.



1.4. 𠂇 có nguồn gốc từ người Lạc Việt, cụ thể là chữ .

### Thuyết văn giải tự:

𠂇、古文爲𠂇字。

Chữ này là một chữ trung gian, vừa âm vừa dương, hay nói khác hơn là vừa nhái vừa cóc. Tùy theo trường hợp mà nó có nghĩa hoặc nhái hay cóc. Trong trường hợp này là chữ Khảo, vần /ao/ nên nó là con nhái hay có tính âm, vì nó được phái sinh từ chữ Việt – Vô cực 粵.

Với các trích dẫn trên, ta thấy chữ Khuy 𠂇 như chữ Vu 于, chữ Vu 于 như chữ Khảo 𠂇, chữ Việt 粵 như chữ Khuy 𠂇 vậy, từ đó ta có thể suy ra chữ Khảo 𠂇 vốn là chữ Việt 粵 vậy, vì chữ Việt 粵 chỉ Vô cực – Âm, màu tượng trưng là Trắng nên Thuyết văn giải tự nói con quạ thì không dùng chữ này, vì quạ màu đen. Lại không dùng với chữ Điều, vì Điều là chim, là vật tổ của người Lạc Việt, thuộc Thái cực – Dương, nên kết cấu của chữ Điều toàn Dương, rõ ràng đây là chữ của người Việt. Người đọc chắc thắc mắc rằng có gì mà truy nguyên con chữ xa đến vậy, xin thưa sở dĩ là làm như thế là vì con chữ này được dùng để đánh dấu người Việt vào con chữ, do thời gian quá lâu, cùng với sự bồi đắp của sự tuyên truyền và sự vô tâm, ta không biết đó là chữ Việt, nên ta không nhận ra chữ Hán ấy vốn là chữ Vuông của người Việt, ví dụ: Chữ Hà 河, Khoa 夸 (đầu), (Phục) Hy 羲, Phụ – Cóc 𠂇 v.v..

Có thể người đọc cho rằng các chữ 于, 𠂇, 𠂇, 𠂇, 於 chỉ liên quan đến chữ Việt 粵 này mà thôi, do đó có thể nó không liên quan đến chữ Việt 越. Tuy nhiên trong phần giải thích chữ 兮 của Thuyết văn giải tự cho thấy các chữ ấy có liên quan đến chữ 越. Cụ thể như sau:

(兮) 从𠂇八。象气越𠂇也。越𠂇皆揚也。八象气分而揚也。胡雞切。十六部。凡兮之屬皆从兮。

(Hè) Tùng khảo bát 八. Tượng khí việt khuy dã. Việt, khuy giai dương dã. Hồ kê thiết.

*Hè. Theo (bộ) khảo 𠂇 bát. Tượng khí việt khuy vậy. Việt, khuy có nghĩa bốc lên vậy. Đọc là hề.*

Với giải thích này ta có thể khẳng định các chữ 于 𠂇 𠂇 𠂇 於 xưa kia đều là chữ Việt vậy. Ở nước ta, chữ Khuy 𠂇 với âm Việt được Nguyễn Văn Siêu dùng trong bài minh trên cái nghiên ở

hồ Hoàn Kiếm “斫大亏硯, 著漢春秋 – Chước Đại Khuy nghiên, Trước Hán xuân thu – Dùng nghiên Đại Việt, viết sử nhà Hán”.

## 2. **Chữ Việt 戍.** Cái búa lớn – Cái kích.

Chữ Việt 戍 gồm bộ Ất 乙 – 丨 + chữ Qua 戈. Chữ Ất 乙 có liên quan đến sinh thực nam, hay ít nhất là nó thuộc Dương. Ta biết điều ấy khi xét chữ Càn 乾 (thuộc bộ Ất 乙). Vì Càn thuộc phương nam (theo Hà đồ) – Dương – Nóng, mặt trời, vì vậy chữ Nhật 日 có dị thể là 𠄎. Người Việt là người Nam, vì vậy chữ Nhật còn có dị thể là 𠄎, bên trong là chữ Cái 丐, 𠄎 cũng chính là chữ Quốc 國, chữ Nhật còn có dị thể là 𠄎 trong chữ này là chữ Ô – chim quạ, vì người Việt lấy chim làm biểu tượng. Với những trích dẫn cho thấy chính người Việt đã làm ra các con chữ này chứ không phải đây chỉ là sự trùng hợp tình cờ, nói như vậy có nghĩa là chữ Nho hay Hán ấy vốn là chữ Vuông hay Khoa đầu của người Việt. Ngoài ra ta biết trong dịch học có sơ đồ Lạc thư 洛書. Chữ Thư 書 còn có dị thể là 𠄎, chữ này thuộc bộ Ất 乙. Như vậy chữ Ất, trước hết nó có lý tính Dương, sau nữa là liên quan đến người Nam hay Lạc Việt, chính vì vậy mà chữ Hương trong Quê Hương 鄉 thuộc bộ Ất 乙.

## 3. **Chữ Việt 粵:**

### **Từ điển Thiều Chửu.**

① Bền. Tiếng mở đầu (phát ngữ), như viết hữu 粵有 bền có.

Nước Việt, đất Việt, cùng nghĩa như chữ viết 越. Tỉnh Quảng Đông 廣東, Quảng Tây 廣西 nguyên trước là đất của Bách Việt 百粵, nên Tàu họ gọi hai tỉnh ấy là tỉnh Việt.

### **Thuyết văn giải tự:**

粵. 亏也。審慎之詞者。从亏从采。王伐切。

Việt. Khuy (vu) dã. Thâm Thận chi từ giả. Tùng khuy (vu) tùng thái. Vương phiệt thiết.

*Việt. Khuy (vu) vậy. Từ trang nghiêm cẩn trọng vậy. Theo khuy (vu), theo thái. Đọc là Việt. (Trong trường hợp này chữ 𠄎 có âm vu).*

## 4. **Chữ Việt 越:**

### **Thuyết văn giải tự:**

度也。从走戍聲。王伐切。古文越。

Độ. Tùng tẩu, việt thanh. Vương phiệt thiết. Cổ văn việt.

Vượt qua. Bộ tẩu âm việt. Đọc là Việt. Văn xưa 越.

### **Từ điển Thiệu Chử:**

vượt quá 2. nước Việt 3. họ Việt.

### **Chữ Việt 越:**

Theo Thuyết văn giải tự, chữ này là chữ 越. Tuy nhiên, theo tôi, sở dĩ người xưa sáng tác ra chữ này là có nguyên do của nó, sẽ trình ở phần tiếp sau.

Tóm lại ta có các 3 chữ Việt chỉ người Việt và các chữ liên quan đến âm và khái niệm Việt như sau:

Chữ 𠂔(于𠂔) và 戍 là hai chữ tượng hình, ra đời trước. Chỉ người Việt.

Đối với hai chữ 𠂔(于𠂔) và 戍, đây là giai đoạn đầu khi người Việt muốn ghi lại hình ảnh các dụng cụ sản xuất của họ, có thể ban đầu nó có tên khác, tuy nhiên lúc bấy giờ mà phát minh ra những dụng cụ ấy là một bước phát triển lớn, chính vì vậy, nó có tên gọi cho dân tộc phát minh ra nó, đó là dân Việt.

Chữ 粵 và 越 là hai chữ hình thanh – hội ý, có thể ra đời trước chữ Việt hội ý 越. Theo tôi ba chữ này ra đời khi mà Dịch học đã phát triển rồi và chính tư tưởng Âm Dương đã đóng vai trò chính trong việc kiến tạo nên chữ hội ý có tính bác học này, vì vậy mới có loại chữ Khoa đầu – Nòng Nọc hay Âm Dương. Cả ba chữ này vừa chỉ người và nước Việt.

## **II. Dịch lý trong ba chữ Việt 越 – 粵 – 越.**

Ba chữ Việt này được thành lập trên cơ sở Dịch học, cụ thể là :

Chữ Việt 越 tượng trưng cho Đạo hay bất Dịch.

1. Chữ Việt 粵 tượng trưng cho Vô cực, phần Âm của bản thể .
2. Chữ Việt 越 tượng trưng cho Thái cực, phần động của bản thể.
3. **Chữ Việt 越:** Dị thể越 – 跖.

Là dân tộc phát hiện và đúc kết các quy luật âm dương của con người và vũ trụ, từ đó hình thành triết lý Dịch, người Việt muốn thể hiện nó ngay trong con chữ mang tên dân tộc mình. Như trên đã trình bày, người xưa đã làm ra ba chữ Việt phản ảnh Bản thể hay Đạo, Vô cực và Thái cực.

Trước hết ta hãy tìm hiểu chữ Việt 越, tượng trưng cho Đạo. Người xưa nói “Nhất âm nhất dương chi vị ĐẠO”. Chiết tự ra ta có hai chữ Tẩu 走 = Chạy và Thiệt 舌 Lưỡi. Phân tích chữ Tẩu走ta có: Trên chữ Thổ土- Đất – Âm, dưới chữ Chỉ止 dừng lại (thật chất là quái Cấn, 艮止也 – Cấn là chỉ vậy) – Dương. Âm Dương – Thái cực, còn chữ Thiệt thì trên Can 干 Càn – Dương, dưới Khẩu 口 Miệng – Âm, cả hai thành Càn Khôn – Vô cực. Vì chữ Thiệt舌 đã có chữ Khẩu口 nên người xưa đổi bộ Túc足 thành bộ Tẩu走 để tránh trùng lặp. Ý nghĩa chữ Việt này được đề cập ngay từ đầu trong truyền thuyết khởi thi dân Việt, đó là “Viêm đế – Dương, Thần Nông – Âm”. Tuy nhiên, ngày nay người ta xho rằng chữ này là một chữ dị thể của chữ 越

## 2. Chữ Việt 粵 – Âm.

粵.亏也。釋詁曰。粵于爰曰也。爰粵于也。爰粵于那都繇於也。粵與于雙聲。而又从亏。詩書多假越爲粵。箋云。越、於也。又假曰爲粵。案慎之詞也。粵亏皆訓於。而粵尤爲案度慎重之詞。故从案。从案亏。案慎而言之也。王伐切。周書曰。粵三日丁亥。今召誥越三日丁巳。亥當作巳。

Việt. Khuy dã. Thích cô viết. Việt vu viên viết dã. Viên viết vu na đô do u dã. Việt dữ vu song thanh. Nhi hựu tùng khuy. Thi thư đa giả viết vi viết. Tiển vân. Việt. Ư dã. Hựu giả viết vi viết. Thái thận chi từ dã. Việt khuy giai huẩn u. Nhi viết vu vi thái độ thận trọng chi từ. Cố tùng thái. Tùng thái khuy. Thái thận nhi ngôn chi dã. Vương phiệt thiết. Châu thư viết. Việt Càn, Nhật, Đinh, Hợi. Kim triệu cáo Việt Càn, Nhật, Đinh, Ty. Hợi đương tác Ty

Tạm dịch :

粵. Khuy vậy. Thích cổ nói. Việt, u, viên, viết vậy. Viên, việt, vu đều từ u vậy. Việt và vu song thanh, và cùng bộ khuy. Thơ văn phần nhiều dùng Việt 越 là Việt 粵. giải thích rằng. Việt 越 là u 於 vậy. Lại dùng Viết 𠄎 là Việt 粵. Là từ nghiêm túc thận trọng vậy. Việt khuy đều giải thích là u nhưng Việt là từ có tính nghiêm túc thận trọng hơn. Vì vậy theo thái hay thái, khuy. Lời nói cẩn trọng vậy. Đọc là Việt. Chu thư nói : Việt Tam, Nhật, Đinh, Hợi. Nay lại nói Việt. Tam, Nhật, Đinh, Ty. Hợi tương tác với Ty.

Giải thích trên cho ta biết chữ Việt 粵 vốn cũng là chữ Khuy 𠄎. Ngoài ra các chữ 粵于爰 𠄎 đều dùng với nghĩa là bền; đồng thời trong thơ văn người ta dùng thay nhau giữa hai chữ Việt 越 và 粵, tuy có thể dùng Viết 𠄎 như Việt 粵 nhưng dùng Việt có ý thận trọng hơn. Đặc biệt cuối giải thích, sách viết: Sách nhà Chu nói rằng Việt 粵 thuộc Tam, Nhật, Đinh, Hợi, và Việt 越 thuộc Tam, Nhật, Đinh, Ty. Đây là một thông tin vô cùng quan trọng, tôi sẽ bàn sau.

Về kết cấu, chữ 粵 là một chữ hình thanh, ngoại trừ chữ Việt 𠄎 để lấy âm ra ta có: Trên là Phiệt 丩, đánh dấu phía trên, phía Nam – Nóng – Nọc – **Dương**. Vì 𠄎 là vây quanh – Nòng – **Âm**. Trên Dương, dưới Âm tức Càn Khôn hay **Vô cực**, Mẹ của muôn loài, từ đó sinh ra Mễ 米 - Lúa gạo, Mễ là từ phái sinh của Mẹ. Như thế ta thấy con chữ này chứa đựng những tiêu chí trong cuộc sống của người Việt, về kinh tế họ trồng lúa, về quân sự họ sáng tạo ra những dụng cụ vừa có công năng sản xuất vừa là vũ khí tự vệ, về văn hóa họ đã đúc kết nên triết lý Dịch, một triết lý sâu xa vẫn còn phát triển cho đến ngày nay. Chữ Việt này phản ánh câu chuyện Mộc tinh và các chữ liên quan Hòa 禾 Lúa, Mễ 米 Gạo. Theo tôi chữ này kết cấu theo phương thức Khoa đầu – Âm Dương, ở đây chữ 粵 này thuộc Âm, đối lại với chữ 越 thuộc Dương.

### 3. Chữ Việt 越.

(越) 度也。與辵部 越 字音義同。周頌。對越在天。箋云。越、於也。此假借越爲粵也。尚書有越無粵。大誥、文侯之命越字魏三體石經作粵。說文引粵三日丁亥。今召誥作越三日丁巳。从走。戍聲。王伐切。十五部。

(Việt) Độ dã. Dữ Sước 辵 bộ 越 tự âm nghĩa đồng. Châu Tụng. Đối Việt 越 tại yêu. Tiên văn. Việt 越, u 於 dã. Thử giả tá Việt 越 vi Việt 粵 dã. Thượng thư hữu Việt 越 vô Việt 粵. Đại cáo, văn

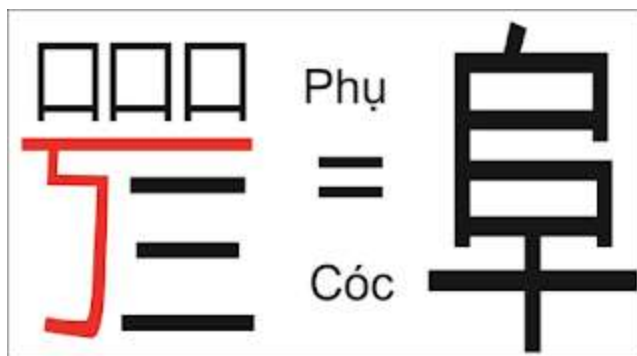
tật chi mệnh Việt nguy tam thể thạch kinh tác Việt 粵. Thuyết văn dẫn Việt Tam, Nhật, Đinh, Hợi. Kim triệu cáo tác Việt. Tam, Nhật, Đinh, Ty. Tùng tẩu. Việt thanh. Vương phiệt thiết.

Vượt qua vậy, cùng chữ 越 bộ sức 辵 đồng âm nghĩa. Chu Tụng đối Việt tại yêu. Giải thích rằng Việt 越, 𠬞 於 vậy vậy. Ở đây dùng Việt 越 thay Việt 粵 vậy. Thượng thư cho rằng hệ dùng Việt 越 thì không dùng Việt 粵. Tam thể thạch kinh đời Nguy dùng chữ Việt 粵 rõ ràng là sai vậy. Thuyết văn (giải tự) cho Việt: Tam, nhật, Đinh, Hợi. Nay lại nói Việt 越: Tam, Nhật, Đinh, Ty. Bộ tẩu, âm việt. Đọc là Việt. Thuộc bộ 15.

Trong giải thích này cho biết giữa hai chữ Việt 越 - 粵 tuy trùng âm nghĩa nhưng ngày xưa người ta dùng mỗi chữ có nét nghĩa riêng, vì vậy mà nói “有越無粵”. Cũng như tại phần giải thích chữ 粵, ở phần giải thích chữ Việt 越 này sách lại xác định câu “Thuyết văn (giải tự) cho Việt: Tam, nhật, Đinh, Hợi. Nay lại nói Việt 越: Tam, Nhật, Đinh, Ty. Bộ tẩu, âm việt. Đọc là Việt. Thuộc bộ 15”.

越 một chữ hình thanh, ngoại trừ chữ Việt 戔 cái búa, để lấy âm ra ta có: Chữ Tẩu 走: Trên chữ Thổ 土 - Đất - Âm, dưới là chữ Chỉ 止 dừng lại - Dương. Trên Âm, dưới Dương là Thái cực, nơi mọi sự biến thiên xảy ra hay thế giới của hiện tượng. Như thế ta thấy, sau khi sáng tạo ra chữ 粵 tượng trưng cho Vô cực, thuộc Âm rồi, người Việt xưa thấy rằng vẫn thiếu sót, nếu không có một con chữ tượng trưng cho dân Việt, với dấu ấn văn hóa Dịch học thuộc Dương hay Thái cực thì chưa hoàn hảo, chính vì vậy mà chữ Việt này ra đời. Đồng thời từ đó, người Lạc Việt chỉ sử dụng chữ Việt này, vì nó là tượng trưng cho sự hoạt động phát triển hay nói khác hơn là thế giới của động, vì vậy nó còn có âm là Hoạt, cũng chính từ những lý do đó, ta có thể khẳng định rằng người Việt Nam chính là nhánh chính của Bách Việt, và cũng chính vì vậy mà khó có thể có được một trống đồng, với những hoa văn, hình ảnh, mang thông điệp Dịch học như Ngọc lũ ở một nơi nào khác ngoài Việt Nam.

Chữ Việt 越 với chữ tẩu là chạy, là vận hành, là động, chủ yếu biểu tượng cho tính dương, ta có thể chứng minh cho điều này khi nghiên cứu thêm về chữ Việt 越 này. Đây là một dị thể của chữ Việt 越, chữ này gồm bộ Túc 足 Cái chân và chữ Việt 戔. Chữ Khẩu 口 ở trên, chữ Chỉ 止 ở dưới, tương đương với chữ Thổ 土 - Âm, chữ Chỉ 止 bên dưới của chữ Tẩu 走. Chân 足 thì có lúc đi, lúc chạy, lúc đứng, vì vậy về sau người ta dùng bộ Tẩu 走 thay bộ Túc 足, tất nhiên việc thay đổi này có lý do của nó như tôi đã trình bày trong phần chữ Việt là Đạo.



Trở lại vấn đề Dịch lý trong con chữ, như đã trình bày trên, người Việt đã thể hiện nó đầy đủ tính dịch lý trong con chữ mang tên dân tộc mình, tuy nhiên chỉ có hai chữ được sử dụng một cách phổ biến đó là chữ Việt 粵 (Vô cực – Âm) và chữ Việt 越 (Thái cực Dương). Lý do cho việc sử dụng này là vì chúng đối lập với nhau, còn chữ Việt 越 (Đạo) không phổ biến là vì khái niệm ấy ít được dùng trên thực tế. Đồng thời người Lạc Việt chỉ sử dụng chữ Việt 越 Thái cực, điều ấy cho thấy rằng chính họ là dân tộc xây dựng nên Dịch học và cũng là dân tộc đã sáng tạo ra các con chữ nói trên. Bởi vì chỉ có người làm ra nó – Chữ Việt 越, này mới hiểu được ý nghĩa của nó đó là Thái cực, là thế giới của hiện tượng hay nói khác hơn đó là cuộc đời, với ý nghĩa đó, người Lạc Việt sử dụng chữ Việt 越 này.



Như đã nói trên, hai chữ 越 và 粵 là chữ hình thanh với hai chữ Việt 戠 và 丂 làm âm, ta có thể nói rằng các chữ Việt do người Việt làm ra, nói như thế có nghĩa là chữ Vương ấy là của dân tộc Lạc Việt, tuy nhiên nói như thế sẽ có người cho rằng chủ quan quá, bởi vì biết đâu nó do người phương Bắc làm ra theo phương thức hình thanh mà thôi. Điều này nghe cũng có lý nhưng ta thấy người Việt xưa còn gởi cả chữ Việt 丂 trong chữ Phụ 阜 - Cóc, làm như thế để chứng minh rằng Dịch học và chữ Vương là của người Việt. Chữ Phụ 阜 – Cóc xưa như thế này, trên ba chữ Khẩu 口 = Ba Nòng = Khôn = Âm, dưới ba chữ nhất 一, tức chữ Tam 三 = Ba Nọc = Càn, trên Âm dưới Dương = Thái cực, giữa là chữ Việt 丂. Ngay cả chữ Lạc 洛 trong Lạc Việt cũng viết với quái Càn hay chữ Tam [http://hanziyuan.net/#%E6%B4%9B\\_L27456](http://hanziyuan.net/#%E6%B4%9B_L27456). Hiện tượng dùng con

chữ để chỉ dân tộc làm ra nó không phải cá biệt, như chữ Việt 𠄎 này cũng được ghi lại trong chữ Khoa 夸 (Khoa đầu) Hy 羲 (Phục Hy) Càn 乾 = 乾.

### III. NGƯỜI VIỆT VÀ TÁC QUYỀN DỊCH HỌC THÔNG QUA CHỮ 越 VÀ 粵.

Trong giải thích trên về hai chữ Việt 越 và 粵 có câu “Thuyết văn (giải tự) cho Việt: Tam, nhật, Đinh, Hợi. Nay lại nói Việt 越: Tam, Nhật, Đinh, Ty. Bộ tẩu, âm việt. Đọc là Việt. Thuộc bộ 15”. Đây là một thông tin vô cùng quý giá và quan trọng, với câu giải thích này ta có thể khẳng định rằng chính người Lạc Việt đã sáng tạo nên Dịch học và chữ Vuông (Chữ Nho – Hán). Trước hết ta hãy xác định đúng cách đọc câu này. Thuyết văn viết “說文引粵三日丁亥。今召誥作越三日丁巳– Thuyết văn (giải tự) cho Việt: Tam, nhật, Đinh, Hợi. Nay lại nói Việt 越: Tam, Nhật, Đinh, Ty. Bộ tẩu, âm việt. Đọc là Việt. Thuộc bộ 15”. Trong câu này nhất định Đoàn Ngọc Tài không biết rằng chữ Tam 三 trong câu này không phải là chữ Tam 三 mà là quái Càn, có nghĩa là câu 粵三日丁亥. 越三日丁巳 đọc là Càn, Nhật, Đinh, Hợi, Càn, Nhật, Đinh, Ty.”. Nếu biết nhất định họ đã bỏ đi rồi. Bằng chứng là Đoàn Ngọc Tài nói “Thuyết văn dẫn – 說文引” Câu này cho ta biết trong nguyên bản Thuyết Văn giải tự của Hứa Thận có nhiều thông tin nữa, đây chỉ là bản san định của Đoàn mà thôi.

Vì sao tôi đọc chữ Tam 三 ở đây là quái Càn, xin thưa là vì người Việt 越 là người Nam, trong dịch học hướng nam cung Càn 三, can Đinh 丁, chi Ty 巳 đều thuộc hỏa, tượng trưng cho phương nam là mặt trời, Nhật 日, trong dịch học là Thái cực hay Lạc thư, vì vậy nó thuộc bộ 15. Nếu ta đọc 三日丁亥 tam nhật đinh Hợi, nó chẳng có nghĩa gì cả; đồng thời ta không biết vì sao sách lại nói “亥當作巳 – Hợi tương tác Ty”. Trong câu trên có hai chữ khác nhau, đó là chữ Hợi 亥 và chữ Ty 巳. Đây chính là lí do tôi cho rằng chữ Việt 粵 này thuộc Âm, vì nó là đầu Hợi (thuộc Thủy – Âm) của Dàn Thân Ty Hợi. Còn chữ Việt 越 là Dương, vì nó đi với Ty 巳, vì vậy mà nói 亥當作巳. Nhưng cả hai đều thuộc người Nam hay Việt, vì cả hai đều thuộc Càn, Nhật, Đinh tức phương nam. Ta thấy người xưa dùng chữ Tam 三 thay quái Càn trong chữ Phụ – Cốc đã minh họa và giải thích trên, vì vậy mà Tam 三 hay Tham 參 cũng có nghĩa là trời vậy “Tham thiên lưỡng địa”. Qua đây ta biết ngày ấy Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò chủ yếu là người Việt, việc này còn ghi lại trong sách 《前漢·刑法志》秦造參夷之誅 Tần đã gây ra việc giết chết Tham Di”, chữ 參 là chỉ người Nam hay người Việt. Cũng với câu trên, chữ 粵 đi với 亥 và 越 đi với 巳 cho ta biết rằng người Việt ở Lưỡng Quảng có cùng nguồn gốc với người Lạc Việt, tuy nhiên họ là những người không vượt qua dãy Ngũ Lĩnh để lên đến Hoàng Hà mà ở lại vùng hồ Động Đình nên thuộc Âm - 亥, còn người Việt 越 vượt qua dãy Ngũ Lĩnh, chiếm lĩnh



Trong Nguồn và núi Thái hoàn thành chữ viết và dịch học, họ là những người Lạc Việt.- Dương – 巴. Đồng thời cũng với câu 越三日丁巳 cho ta biết rằng chính người Việt đã làm nên dịch học, nói như thế có nghĩa là Phục Hy là người Việt vậy. Như ta biết Phục Hy tác dịch trên sông Hoàng Hà, như vậy người Việt đã sống ở đây hàng ngàn năm, từ đó hoàn thiện chữ viết và dịch học, cũng chính vì vậy mà họ đã định vị nguồn gốc dân tộc họ trên sơ đồ vũ trụ của dịch học như câu 越三日丁巳, 粵三日丁亥 minh định. Chẳng phải bỗng dưng người Việt có truyền thuyết Hiên rùa, Chim hạc từ thời nhà Chu.

Nói như thế chắc có người lại cho rằng thông tin đó do người Hán ghi lại, thế thôi. Xin thưa từ ngàn xưa người Hán gọi người Việt là Nam man, nói cụ thể là Mọi, đã là Man sao họ lại ra sức sáng tạo ra các con chữ chỉ người Việt, lại định vị trong sơ đồ dịch học, trong khi đó dân tộc của họ – Hán 漢 sao nghĩa con chữ nghèo nàn đến vậy (Xem giải thích chữ 漢 trong Thuyết văn giải tự thì rõ, không có bất cứ liên hệ nào về dịch học), sao họ không định vị dân tộc họ trên sơ đồ dịch học, cái văn hóa kì vĩ mà họ tự nhận do tổ tiên họ làm ra. Có thể nói không có một trang sách chữ Nho nào không mang dấu ấn của người Việt thông qua các chữ 于 亏 亏 於 兮. Ngay cả ngày nay, quốc tế gọi tiếng Trung là Chinese, ta thường dịch là Hán ngữ, nhưng bản thân chữ Chinese vốn có gốc từ chữ Tần 秦, bính âm là Jin. Vậy chữ Trung ngày nay là chữ Tần hay Hán.

#### IV. KẾT.

Với tất cả những gì trình bày trên về chữ và âm Việt, ta có thể khẳng định rằng chính người Việt là chủ nhân của chữ Vương, Nho hay ngày nay gọi là Hán, người Việt cũng dân tộc đã làm nên Dịch học, với kết luận như vậy dĩ nhiên người Việt đã là dân tộc chiếm lĩnh Hoàng Hà từ mấy ngàn năm trước chứ không phải là một dân tộc chỉ cư ngụ ở bờ nam sông Dương Tử như hầu hết sách vở ngày nay xác nhận. Chính với cách định vị như vậy dẫn tới suy nghĩ rằng người Việt vốn không có chữ viết, thậm chí không có văn hóa, tất cả là do người phương bắc khai hóa cho mà thôi; đồng thời cũng với suy nghĩ như vậy làm cho việc nghiên cứu về người Việt cở hết sức giới hạn, dẫn đến có nhiều bế tắc trong nhiều lãnh vực, ví dụ không thể lí giải được tại sao tại Hoàng Hà có nhiều tên sông tên núi theo trật tự chính phụ? Tại sao người Việt lại đúc trống đồng với các hoa văn, hình ảnh thể hiện dịch lí một cách tinh tế, kể cả sự hiện diện chữ Vương trên mặt trống đồng, cái mà phương bắc không hề có? hay Tại sao lại có tiền cổ Đông Chu, Tây Chu và cả đồ đồng thời Thương Chu tại miền bắc Việt Nam?./.”

#### 4.- Cơ cấu Văn hoá Việt Nam nơi Chữ Khoa đầu

Chữ kỳ: 示

Theo T. G. Kim Định thì chữ Kỳ có nghĩa là linh thiêng, chữ có cấu trúc ở trên là 2 nét Ngang, Dưới là 3 nét Dọc . Dọc / Ngang hay số 2 là Dịch lý, số 3 là Nhân chủ,  $2+3 = 5$ , 5 là Tâm linh, Tâm linh là nguồn Sống và nguồn Sáng. Nguồn Sống là Vật chất, nguồn Sáng là Tinh thần: Nhân Nghĩa.

**Vậy Bộ Huyền số 2-3, 5 là Cơ cấu, là nền tảng của Việt Nho và Triết lý An Vi của Việt Nam . Chúng tôi đã viết cuốn: Nền Văn Hoá Đông (3) Nam (2).**

Sau này lại viết tháo chữ Kỳ 示 thành: 𠄎, nên làm biến mất ý nghĩa của cấu trúc chữ Việt.

( Việt Nhân )

#### 5.- Chứng cứ về Tiến trình thăng hoa Tiên Rồng nơi Cổ vật.

##### Một lối nhìn lại khuôn mặt Việt Nho

“ Sau đây là một lối truy ra Việt lý đặt căn cứ trên huyền thoại và đồ cổ đời Thương.

Hiện nay theo cổ sử Tàu đặt căn cứ trên khảo cổ thì nhà Thương là bộ lạc đầu tiên vượt ra khỏi đại khối để dần dần thành hình cái mai ngày sẽ gọi là dân Tàu.

Vì thế nghiên cứu về văn minh nhà Thương là điểm then chốt cho việc nghiên cứu Văn hoá cổ Việt. Nhiều nhà khảo cổ trong đó có ông Dizelev người Nga đã nhìn nhận những nét đại đồng tiểu dị giữa nghệ thuật nhà Thương và Việt Nam Đông Sơn ( xem tài liệu trong Vietnam and China 1938 – 54 by King C. Chen, Princeton University Press, N. Y. 1969. p. 10 ). Sự giống đó kéo dài cả đến thời Chiên Quốc ( Groslier. p. 28 )



Hình Thao thiết

Điểm hai: Điều nổi nhất nhà Thương là các đồ đồng đúc khéo đến độ hoàn bị ( đỉnh, chén, bình, đồ đựng khí tế ), các nhà nghiên cứu cho là không đâu bì kịp. Trong các đồ đồng điển đề nổi nhất là Văn Thao Thiết, hầu như không có di vật nào không có, đến nổi gọi đồ đồng là Thao Thiết ( Prehistoric . 73. D . 240 . 510. Jettmar , 133 ) . Nhà khoa học Kalgren đã nghiên cứu trên 500 Thao Thiết và xếp ra 3 loại :

Loại A: đầu bò

Loại B: Minh chim không đuôi

Loại C: rỗng có lông và cánh chim ( Shang P. 27 )

Đó là một thứ lịch trình biến thể của Thao Thiết đã được công nhận. Có thể thêm một đợt trên cùng gọi là “ Hồ phủ “ là tên quen dùng để gọi văn Thao thiết



Hình: mặt hổ phù đầu tiên

Như vậy khởi nguyên là đầu hùm hay hổ chi đó như ta thấy trong một bộ đồ đồng có hình hổ đang há miệng ngậm một người mà mặt người tỏ ra bình tĩnh như được bảo trợ, ta suy đoán được chữ “ hổ phù ” phát xuất từ đó, lúc Tàu còn nhận Hổ làm vật tổ. Cũng liên hệ với hổ phù có thể kể đến hình hai con hùm ( hổ ) đang há miệng “ châu ” hai bên đầu người ( hình tạc trong phương đình, nếu là Việt thì phải lưỡng long châu nguyệt ). Ta cũng gặp 4 đồ đồng có hình hổ trong mộ táng ở Tây Bắc Cương ( Shang. p.207 ).

**Ta suy đoán được khởi nguyên nhà Thương nhận hổ làm vật tổ, nhưng rồi dần dần bị cảm hoá do tinh thần nông nghiệp, Thao Thiết biến ra đầu bò. Sau đó đi vào văn hoá Việt hơn: Thao Thiết chuyển sang hình chim và rồng, tức là ghé lại với Tiên Rồng của Việt đó.**



Hình Thao thiết đầu bò



Hình Thao thiết bis

Còn một loại hoa văn nữa quen gọi là Quy Vãn còn đi vào nẻo Tiên Rồng mạnh hơn vì Quy là một hình thức rồng ở đầm lầy ( giao long ) nhưng lại có hình chim ( tiên ). Đến giai đoạn cuối cùng gọi là nghệ thuật sông Hoài thì rồng đã xuất hiện rõ ràng.



Hình Thao thiết đang biến ra đuôi Chim và Quy long

Bỏ qua tiểu tiết chỉ xét về đại cương ta thấy rõ đó là **những biểu hiệu chỉ bước tiến của Việt Nho chuyển hoá Văn minh Tàu.**

**Bước đầu Tàu nhận Hổ làm vật tổ, Hổ phù ( Hình Hổ phù ).**

**Bước hai là hổ phù biến thể ghé sang nghệ thuật của Việt: thành ra Thao Thiết đầu Bò ( Hình Thao Thiết đầu Bò ). Đầu Bò là nông nghiệp.**

**Bước ba Thao Thiết bò biến ra nửa Chim nửa Long ( gần ra Tiên Rồng: hình đuôi chim hay Quỳ long )**

**Bước bốn Long đã trùn lên Thao Thiết, tức làm chủ đuôi Hồ đi hẳn.**



*Hình Thao thiết đã biến ra rồng*



*Hình Văn Quỳ Long biến ra từ Thao Thiết*

Nói là biểu hiệu vì khi xét tới phong tục, thể chế Kinh Văn ta sẽ thấy có nội dung rất trung thực trong xã hội mà những hoa văn vừa nói coi được là biểu hiệu.

**Như vậy cần phải thả bỏ ý niệm truyền tụng xưa nay coi Tàu như độc sáng ra Văn minh Văn hoá rồi các dân Man Di xung quanh phải học với.**

Mấy sách khảo cổ mới nhất đều nhấn mạnh điều này ( xem Cradle . p. 349 O. Pacific . p. 198 . Shang . p. 354 ) . Ông Trương Quang Trục còn nhấn mạnh rằng chữ “ đồ nhà Thương “ không nên hiểu là của nhà Thương, mà đó chỉ là tên một triều đại có may mắn nắm phần thắng nên được người nay dùng để chỉ thị các đồ mỹ thuật của nhiều nước chưa bị nhà Thương chinh phục và hầu hết thuộc Việt tộc, nơi còn giữ được nhiều yếu tố văn hoá cùng thời với di chỉ Long Sơn và Ngưỡng Thiều lúc Tàu chưa nổi lên như một dân tộc. Như vậy ý kiến cho rằng những đồ đồng nhà Thương là của Tam Miêu đã để lại trên đồ vật ( đồ đồng ) y như con dấu của mình cũng rất đáng kể . .

**Trên đây là một thí dụ về ấn tích Việt còn lưu lại trên những đồ đồng đời nhà Thương: có thể coi như ban đầu Du mục thắng biểu thị bằng Hồ phù, nhưng rồi bị nông nghiệp hoá ( Thao Thiết đầu bò ), cuối cùng bị văn hoá Tiên Rồng biến đổi ( Quỳ Văn ) “.**

**Trên đây là một thí dụ về ấn tích Việt còn lưu lại trên những đồ đồng đời nhà Thương: có thể coi như ban đầu Du mục thắng biểu thị bằng hồ phù, nhưng rồi bị Nông nghiệp hoá ( Thao Thiết đầu bò ), cuối cùng bị Văn hoá Tiên Rồng biến đổi ( Quỳ Văn ) “.**

*( Sứ Điệp Trống Đồng. Tiến trình từ Việt tới Nho. Kim Định )*



An Lạc & Tự Chủ

**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.org/net/info/com](http://www.vietnamvanhien.org/net/info/com)

